

văn học nghệ thuật việt nam
ở hải ngoại

phỏng vấn
nguyễn khắc hoạch
minh đức hoài trình
trần đình thụy • mộng tuyết

mai thảo: nhật ký
võ phiến:
chúng ta qua tiếng nói
mường mán: mùa sè còn dài
trùng dương: ngoài bãi





sáng lập : NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG
chủ trương : MAI THẢO
quản lý : NGUYỄN THỊ TUẤN

PHẦN ĐẶC BIỆT : VĂN HỌC V.N. Ở HẢI NGOẠI

Văn : mở đầu

Phỏng vấn giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, nữ kỹ
giả Minh Đức Hoài Trinh, họa sỹ Trần Đình Thụy,
nữ sỹ Mộng Tuyết

1

2

VĂN :

Mai Thảo : nhật ký	14
Võ Phiến : tiếng nói một phương tiện ? cụ tượng, không lấy gì làm lạ ?	33
Trùng Dương : ngoài bãi	42
K. T. Mohamed : đôi mắt mùa xuân	49
Lê Huy Oanh : Bụi Giăng, nguồn cảm mới trong thơ Việt	58
Mường Mán : mùa sẽ còn dài	70

THƠ :

Nh. Toy Ngân : thơ Paris	25
Bùi Đức Long : lặng	41
Trần Hồng Châu : một mình một mình	65
Nguyễn Viên Chấn : rót chén	80
Tạ Hiền : thơ	81
Sinh hoạt văn nghệ	87
Hộp thư . Ấn phẩm mới . Bài nhận được	93

Thư từ, bản thảo gửi cho Mai Thảo
Tiền bạc, ngân phiếu : Nguyễn Thị Tuấn
38 Phạm ngũ Lão, Sài Gòn 2. ĐT. : 23.395

bòn cuộc phòng văn

Cuộc chiến hơn hai mươi năm đau khổ kéo dài của Việt Nam đã khiến cho vùng đất trời hiền hậu tan nát này bỗng được thế giới loạn cầu chú ý, theo dõi, tìm hiểu.

Thế giới đã biết đến Việt Nam. Qua một phóng sự Bernard Fall, một bút ký Fallaci, một tiểu thuyết Graham Greene, một cuốn phim Joseph Mankeiwicz, Việt Nam đã được thế giới biết đến. Bằng tấm hình lưng danh dĩa nhỏ lạc mẹ trên Đại Lộ Kinh Hoàng, chiếc áo dài, đôi guốc gỗ, cái nón bài thơ, những tấm sơn mài Thanh Lã.

Văn học nghệ thuật ta ở hải ngoại và đối với ngoại quốc thì như thế nào? Nó có là một cần thiết tìm hiểu của thường ngoạn và nghiên cứu văn học Tây Phương? Một môn ăn tinh thần không thể không có của kiều bào xa nước? Từ trước đến nay, những phái đoàn xuất ngoại trở về thường im tiếng. Mọi người chỉ có một thái niệm rất mơ hồ và nhiều khi lẫn lộn về tầm mức ảnh hưởng, sang trọng, tầm lại sự cô mặt của văn học nghệ thuật ta trong đại gia đình văn học nghệ thuật thời đại.

Giáo sư Nguyễn khắc Hoạch, tức thi sỹ Trần Hồng Châu đã giảng dạy ở Hoa Kỳ 4 năm. Nữ kỹ giả Minh Đức mới hồi hương sau 19 năm sống và viết trên đất Pháp. Họa sỹ Trần Đình Thụy vừa thực hiện một chuyến đi 10 tháng qua rất nhiều quốc gia. Nữ sỹ Mộng Tuyết mới đại diện cho thơ Việt trong hai hội thơ quốc tế. Bốn người, trên từng cương vị riêng biệt, đã góp phần, hoặc nhìn thấy đích xác hiện tình sinh hoạt của văn học nghệ thuật ta ở nước ngoài, trước mắt thế giới. Và đã trả lời cuộc phỏng vấn đặc biệt của Văn. Về sự cô mặt của Việt Nam ở hải ngoại. Trên lãnh vực văn học. □

giáo sư nguyên khắc hoạch



Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, chủ nhiệm tạp chí Thế Kỷ Hai Mươi, làm thơ dưới bút hiệu Trần Hồng Châu (có thơ trong số này) vừa trở về Sài Gòn sau bốn năm giảng dạy ở đại học Southern Illinois, Hoa Kỳ. Thời gian ở Mỹ, ông đã đi diễn thuyết, tham dự những cuộc hội thảo về Văn học Việt Nam, có những tiếp xúc thường xuyên với giới sinh viên và kiều bào ta đang sống trên đất Mỹ. Hơn ai hết, ông là người có thẩm quyền nhận định và phê phán về những hình thái biểu hiện của văn chương và nghệ thuật Việt Nam ở Hoa Kỳ những năm gần đây. Một số giải pháp do ông đề nghị dưới đây nhằm mục đích giới thiệu và quảng bá văn học ta ở hải ngoại rất đáng được những người có trách nhiệm về vấn đề này lưu ý.

VĂN: Ông vừa trở về nước sau một thời gian dài ở Hoa Kỳ. Xin ông cho biết ít nhiều chi tiết về lần xuất ngoại này.

NGUYỄN KHẮC HOẠCH: Năm 1970, tôi được đại học Southern Illinois (S.I.U) mời sang Hoa Kỳ làm giáo sư biệt thỉnh (visiting professor) thuộc ban Ngoại Văn (Department of Foreign Languages & Literatures). Tôi giảng dạy ở trường Đại học này trong khoảng bốn năm. Thời gian đó đã tạo cho tôi cơ hội tìm

thêm về văn hóa Hoa Kỳ. Mặt khác, tôi đã được thấy rõ về thế nào là sự hiện diện của văn nghệ Việt Nam tại Mỹ.

VĂN : Ông vừa nói tới sự hiện diện của văn nghệ Việt Nam ở Mỹ. Sự hiện diện đó được phổ biến dưới những hình thái và ở những lãnh vực nào ?

NKH : Trước hết ở các trường đại học. Rất nhiều đại học lớn và nổi tiếng ở Mỹ như các đại học Yale, Cornell, Washington (Seattle), Southern Illinois, Hawai v.v... đã mở những lớp về ngôn ngữ, văn chương và văn hóa Việt Nam. Các đại học này đều có thư viện, với một số sách về Việt Nam đáng kể, đặc biệt ở hai đại học Cornell và Southern Illinois. Những tài liệu này viết bằng Việt, Anh hay Pháp ngữ. Các giáo sư và học giả thì có nhiều dịp đi diễn thuyết tại các đại học, viện nghiên cứu và hội nghị văn hóa tại khắp nước Mỹ. Riêng chúng tôi có nhiều kỷ niệm về các bài diễn thuyết về hiện trạng văn hóa Việt Nam. Ở những bài diễn thuyết này, chúng tôi đã có dịp nhấn mạnh đến vai trò của các tạp chí văn nghệ nước ta và tiềm năng sáng tạo của văn nghệ sĩ Việt Nam hiện đại, trong hoàn cảnh hết sức khó khăn hiện thời.

Ngoài ra, phải kể đến những hoạt động văn nghệ của các giới Việt kiều khác, đặc biệt là sinh viên ta đang du học tại Mỹ. Hẳn như nhóm sinh viên Việt Nam nào cũng có một tờ báo văn nghệ nhỏ, quay ronéo, và một nhóm anh em phụ trách ca, nhạc kịch. Trong những ngày hội hè của trường hay ngày Giáng Sinh, Nguyên Đán của Việt kiều, các bạn trẻ đó đều bận rộn với các màn trình diễn màu sắc mang tính chất dân tộc, mặc dầu họ chỉ có những phương tiện rất giới hạn.

Nhưng sự hiện diện quan trọng nhất trong những đóng góp của các nghệ sĩ chuyên nghiệp hiện đang sống hay đã có dịp ghé qua Mỹ. Tôi muốn nói ở đây, trên lãnh vực hội họa, đến những cuộc triển lãm tranh của các họa sĩ Võ Đình, Thái Bá, Trần Đình Thọ. Về ca nhạc, thành công nhất là những buổi trình diễn nhạc kim cổ của Trần Văn Khê, Vĩnh Bảo và Phạm Duy. Bộ ba này đã thu hút được cảm tình nồng nhiệt của thính giả Việt lẫn Mỹ. Anh Phạm Duy đã làm nhiều Việt kiều nhỏ lệ vì những bài ca thời thế của anh. Anh Trần Văn Khê, khi trở lại Mỹ lần

thứ hai, vẫn gạt hái được những tràng pháo tay tán thưởng đầy nhiệt tình, như lần thứ nhất.

VĂN : Ông mới chỉ nói đến sự tiếp nhận tốt đẹp trên địa bàn âm nhạc và qua một vài cá nhân. Ở những địa hạt khác có như thế?

NKH : Trong sự tiếp nhận văn hóa Việt Nam, ở phía người Mỹ nói chung là một thái độ cởi mở và thiện cảm thành thật. Tất nhiên, bao giờ cũng có những yếu tố xã giao và tò mò tò thác. Nhưng lý do chính vẫn là chúng ta đã có một cái gì đó trao cho họ. Phải nhận thấy tôn mât sự cố gắng, cần mẫn của người Mỹ khi tìm hiểu ngôn ngữ và văn học Việt Nam mới biết là văn học và nghệ thuật ta không hề bị coi thường. Tất nhất họ chưa thể có một E. Gaspardone hay một M. Durand, nhưng trong tương lai, họ sẽ sản xuất được những chuyên gia Việt học uyên bác và có kích thước lớn. Chắc chắn như thế.

Đó là phía người Mỹ. Còn đối với kiều bào và sinh viên thì khỏi nói. Đây là một thửa đất bao la bị hạn hán đang chờ đợi mưa rào. Họ thêm, họ khao khát báo chí, tiểu thuyết, thơ ca, nhạc, họa. Họ thêm và thiếu tất cả những món ăn tinh thần đó. Một số người Việt ở Mỹ có thể đã Mỹ hóa trên nhiều phương diện, nhưng mất gốc thì không. Hàng ngày, họ vẫn nấu cơm Việt, nghe nhạc Phạm Duy và tiếng hát Lệ Thu.

VĂN : Qua những điều ông vừa cho biết, sự hiện diện của văn học Việt Nam tại Mỹ nói riêng, và ngoại quốc nói chung, sẽ muốn phổ biến và truyền bá sâu rộng hơn, cần có những biện pháp nào?

NKH : Cần có một chính sách, một chương trình, được theo đuổi và thực hiện đến nơi đến chốn. Từ trước đến nay, hình như chúng ta chưa hề có một cái gì giống như một chính sách, một chương trình rõ rệt. Cần coi nặng khía cạnh văn hóa trước. Điều đáng buồn là khía cạnh ấy đến nay vẫn bị coi nhẹ. Tôi xin đề nghị một vài biện pháp có thể áp dụng ngay được:

— Giúp đỡ các tòa Đại Sứ, Lãnh Sự, để mỗi nơi này đều có đến chỗ có một thư viện đầy đủ sách vở, tài liệu về văn hóa Việt Nam. Các tùy viên văn hóa cần có tinh cách của nhà văn hóa

là « công chức ». Những hoạt động văn nghệ phải được
rộng.

— Gửi thêm học liệu cho những đại học ngoại quốc nào
chương trình học về văn hóa Việt Nam.

— Tổ chức thường xuyên hơn nữa những cuộc triển lãm
hội họa, trình diễn ca, nhạc, kịch, phim Việt Nam.
hợp tác của các nghệ sĩ tên tuổi có thực tại.

— Cổ vũ một phong trào dịch thuật các văn nghệ phẩm
Nam (sáng tác và nghiên cứu) ra tiếng Anh, Pháp và Trung
để giới thiệu với độc giả ngoại quốc.

— Trao đổi văn nghệ sỹ, giáo sư, học giả, liên lạc với các
chức văn nghệ và đại học ngoại quốc để thực hiện trao đổi
tạo cho những cá nhân hay đoàn thể ta những cơ hội
ngoại.

họa sỹ trần đình thụy



Interstate, Washington, Vatican, Illinois, Honolulu, Naples, Ottawa,
Paris là... Mỗi địa danh ghi ở một góc tranh của ngót 20 họa
kính treo kín một vì tường phòng khách, nơi họa sỹ Nguyễn
Thụy vừa đặt giá vẽ ở nhiều thị trấn, nhiều kinh thành thế
giới và những họa phẩm kia là những công trình tạo hình còn

nóng hổi của một chuyến đi dài. Bằng một giọng từ tốn, chậm rãi, gần như né tránh mọi đụng chạm dù là vô hại nhất, Trần Đình Thụy đã trả lời Văn. Về trường hợp chuyến xuất ngoại của ông. Về ảnh hưởng của hội họa Việt Nam ở nước ngoài. Và về nhiều thay đổi mới.

VĂN : Trước đây hơn một năm, ông đã xuất ngoại. Sang Honolulu, Hoa Kỳ rồi về Âu Châu. Máy chục họa phẩm treo trên tường khiến cho biết ông đã đặt giá vẽ và triển lãm tranh ở hầu hết những nơi chốn dừng chân. Xin cho biết về chuyến đi « hội họa » này.

TRẦN ĐÌNH THỤY : Giáo sư Nguyễn Đình Hòa, hiện ở Hoa Kỳ, nhận thấy những tranh vẽ chân dung của tôi thể hiện được nhiều tinh thần và cá tính người Đông Phương, đã mời tôi sang bày tranh ở trường đại học Đông Phương Illinois, mà ông là giám đốc. Tôi lên đường tháng 10 năm 1973. Trở về, tháng 8-1974. Thời gian xuất ngoại 10 tháng, gồm 3 tháng ở Hoa Kỳ, tháng ở Âu Châu. Tôi đã triển lãm tranh ở Illinois, Washington do tòa đại sứ Việt Nam tổ chức. Ở Ý nữa. Đúng như câu hỏi của Văn, tôi đã được đi thật nhiều nơi chuyến xuất ngoại này. Đi to đâu, vẽ tranh ở đó.

VĂN : Hội họa và văn chương Việt Nam có một vị trí như thế nào trong hội họa và văn chương thế giới.

TBT : Nếu nói đến sự có mặt thì nói chung, đó là một có mặt còn hết sức mờ nhạt. Chẳng hạn như về hội họa, hội họa Trung Hoa được chú ý nhiều hơn hội họa Việt Nam. Riêng ở Hoa Kỳ, chỉ những người Mỹ nào đã ở Việt Nam mới chú ý đến tranh Việt Nam. Tôi được biết một số họa sỹ của ta được nói tới nhiều, nhưng những người này gần như đã định cư hẳn ở Mỹ.

VĂN : Theo nhận xét của ông, nghệ thuật Việt Nam được tiếp nhận và đánh giá ở ngoại quốc tới mức độ nào ?

TBT : Một mức độ rất hữu hạn. Người ngoại quốc mới chỉ đến với nghệ thuật ta vì tò mò hơn là vì những giá trị đích

được mà có lẽ họ chưa nhận thức được hoặc chưa có cơ hội tìm hiểu thấu đáo. Một nguyên nhân khác : tài năng những người Việt Nam làm văn học nghệ thuật ở ngoại quốc, đang sống ở ngoại quốc, không bằng tài năng những người « ở nhà », đang sống dưới vòm trời quê hương. Một họa sỹ là ở nước ngoài lâu năm, trở một vài trường hợp hiếm hoi, cách nào cũng không còn thuần túy Việt Nam được nữa. Cái không thuần túy đó tôi coi là một thiệt thòi, một mất mát quan trọng.

VĂN : *Chuyến đi mang lại cho ông những gì ?*

T.Đ.T : Trước hết tôi đã được nhìn thấy tận mắt những công trình, những tác phẩm được coi là lớn lao và tiêu biểu nhất của văn chương và nghệ thuật thế giới. Và khi đã được thấy tận mắt rồi thì thấy cũng không có gì lớn lao và ghê gớm lắm. Dạy có một điểm làm tôi thần phục. Đó là sự công phu trong vấn đề thực hiện. Riêng trên phương diện công phu, một tác phẩm nghệ thuật Việt Nam chưa đi đến đâu hết nếu đem so sánh với một tác phẩm ngoại quốc.

VĂN : *Trước chuyến đi và sau chuyến đi, ông ghi nhận được điều riêng ông những đổi thay nào ?*

TĐT : Trước khi đi, tôi sống với niềm khát khao muốn biết, muốn thấy. Chuyến đi mười tháng, đã làm thỏa mãn gần như đầy đủ, niềm khát khao này. Đó đã là một thay đổi. Về tiếp nhận, về kiến thức. Trở về, chuyến xuất ngoại trở thành một động lực thúc đẩy tôi muốn làm việc nhiều hơn. Cũng cảm thấy tự tin ở mình hơn. Đó là một thay đổi khác. Nhìn thấy nghệ thuật thế giới như thế nào rồi, điều lạ lùng là tôi bỗng thấy mất đi ở mình cái dục dề ngày trước. Hồi ở nhà, tôi dựa vào thiên nhiên, vẽ chỉ là một chép lại. Đi xa thấy thiên nhiên tạo vật trong những kích thước mới, muốn mặt và bắt ngát, tôi lại thoát ra được cái tình thần ghi chép. Tạm lấy một thí dụ này : sau khi đã thăm viếng một khu vườn ở đó đã có cả trăm ngàn loại hoa và giống hoa khác biệt, sự cần thiết nhận thức được hết sức rõ rệt, là mọi mô phỏng đều không nên. Mà phải trồng một thứ hoa mới.

VĂN : *Như vậy, xuất ngoại là một cần thiết cho đời sống người làm nghệ thuật ?*

T.D.T : Đúng như vậy. Và như tôi vừa nói. Chuyển đi xa nào cũng có ý nghĩa với tôi như đổi thay tâm mắt, gây lại cảm hứng, tạo thêm nghị lực. Tiếp xúc với những gì của nghệ thuật thế giới, ta đo lường được chính xác những gì nghệ thuật ta đã làm được, những gì chưa làm được. Đó là một cơ hội để duyệt xét lại trình độ và khả năng của mình, không mơ hồ, không nhầm lẫn. Tóm lại, thấy người và thấy mình, biết người và biết mình, hiểu người và hiểu mình, đó là điều đáng ghi nhận nhất cho chuyến đi mười tháng sống và vẽ ở Hoa Kỳ và ở Âu châu mới rồi của tôi.

nữ kỹ giả mình được hoài trình



Khu Hải Quân. Sau bến Bạch Đằng. Giữa những biệt thự cũ, nằm yên tĩnh dưới những bóng lá, một căn lầu mới xây cất, vừa «tân gia». Căn lầu xinh xắn, có một tên gọi thơ mộng : Vĩ Ương. Đó là bến đậu của con thuyền Minh Đức Hoài Trình vừa hồi hương sau ngót 20 năm đi chu du không ngừng trên khắp các ngã đường thế giới. Hồi hương ở Minh Đức, bởi vậy còn là một lựa chọn. Nó mang cái ý nghĩa toàn vẹn nhất của một trở về.

Để có được một ý niệm chính xác và cụ thể về thế nào là tầm ảnh hưởng và sự cô mặt của văn học ta ở hải ngoại, đặc

Một ở Âu Châu, chúng ta không thể không nghe những nhận xét của Minh Đức, người nữ ký giả Việt Nam « đi » nhiều nhất.

VĂN : Bà về Việt Nam, rồi đi, rồi về, không biết đã bao nhiêu lần. Lần này có khác những lần trước ?

MINH ĐỨC : Rất khác. Trên nguyên tắc, lần này tôi về hẳn, ở hẳn. Có lẽ thỉnh thoảng tôi vẫn còn đi (cười). Một ông thầy trường nói từ vì tôi có những 4,5 ông sao gì đó, ông nào cũng đi bằng thích, nên cái số tôi cũng phải đi hoài, không được phép đứng lại. Thế nhưng, từ đây có đi, cũng chỉ ít ngày, có tính cách du lịch.

VĂN : Sự trở về tất phải có những lý do.

MĐ : Cố nhiên. Lý do nằm trong một đề tài tôi sắp nói chuyện ở viện Đại Học An Giang : « Sự hấp dẫn của quê hương ». Nói, chẳng cho riêng tôi mà cho tất cả những người Việt còn ở nước ngoài đang mong muốn trở về. Còn nhiều lý do khác, tình cảm và riêng tây. Nhưng lý do vừa nói là chính.

VĂN : Bà ở Pháp bao nhiêu năm ? Đời sống, công việc của bà ở bên đó như thế nào ?

MĐ : Cắt đứt bằng nhiều lần về thăm nhà, tính năm, thời gian tôi sống ở Âu Châu 19, 20 năm là ít. Bên đó, tôi viết báo, làm cho truyền hình. Không phải như một công chức, mà với tư cách một ký giả, một phóng viên lưu động. Tôi đã đi, trên 40 quốc gia. Nhiều nước cả chục lần.

VĂN : Thời gian bà ở Âu Châu dài nhất là thời kỳ nào ?

MĐ : Tám năm. Dưới Đệ Nhất Cộng Hòa. Đó là thời gian tôi có cảm tưởng gần như bị cắt đứt hẳn với quê hương, và điều này khiến tôi hết sức khổ sở.

VĂN : Trở về, bà đã có những hoạt động nào và những dự định nào ?

MĐ : Theo lời mời của viện Đại Học Vạn Hạnh, tôi đã tới dạy ở đại học này. Về báo chí. Tôi đang viết cho nhiều tạp chí

xuất bản ở Sài Gòn và tiếp tục viết cho một số báo ở ngoại quốc, (cười) Để kiếm thêm cơm. Tôi ăn chẳng là bao, nhưng phải nuôi hàng chục miệng con nười. Hồi hương, điều sung sướng nhất là tôi cảm thấy có ích, một cách thiết thực hơn là ở ngoại quốc. Dự định thì nhiều lắm. Tôi tính năm nay phải viết xong 4 cuốn sách.

VĂN : 19 năm ở ngoại quốc, hẳn phải là một thời gian sống đầy hấp dẫn ?

M.Đ : Không đâu. Đời sống ở nước ngoài, với tôi, không bao giờ thích thú và hấp dẫn. Có phải đây mới phải ra sống ở nước ngoài. Và cô sống rồi, ở ngoại quốc, mới thấy rõ điều đó. Tuy vậy, Âu Châu cũng có những cái làm tôi lưu luyến. Như âm nhạc tây phương làm tôi nhớ đến tây phương. Cách đây mấy ngày, tôi thức dậy lúc 3 giờ sáng, nghe nhạc Schubert, bỗng thấy mình khổ sở không đâu.

VĂN : Bà cắt nghĩa thế nào về trường hợp một số người Việt đi xa, không bao giờ về nữa ?

M.Đ : Đó là những người hèn yếu và lắm thương. Những người lo âu trở về không đánh được những tư tưởng, không có được một đời sống sung túc, hoặc không được nhiều người thương yêu, như tôi đã có được may mắn này. Cũng phải nói là chuyện dịch náo cũng là cả một vấn đề. Với những thể thức phiên dịch, khiến nhiều người lười và ngại không tính tới hồi hương. Tôi tin rằng, nếu chiến tranh chấm dứt, hòa bình thực sự, đồng bào ta sẽ hồi hương hàng hải. Và đông đảo hơn. Một lý do khác : nhiều người cho rằng sống ở ngoại quốc tự do hơn. Tôi thì không cho thế là sống tự do.

VĂN : Bà vừa nói đến một dự định viết sách. So sánh, nếu ở nhà dễ hơn hay ở ngoại quốc dễ hơn ?

M.Đ : Những năm ở Pháp, viết với tôi là một thức đầy dẽ duy trì thường xuyên mối liên lạc với anh em nghệ sỹ ở nhà. Và tôi chỉ viết, trong phạm vi thông tin. Ở xa, có nhiều chuyện, nhiều vấn đề, tôi tránh không muốn kể lại và gửi về, vì thấy mĩa mai. Thành ra, tôi sống được 10 phần, chỉ viết 2, 3 phần trong những bài gửi về. Trở về Việt Nam, những người đọc tôi, những diễn đàn tôi đã bợp tác lại đòi tôi phải viết tiếp về sinh hoạt

đời sống ngoại quốc. Tôi thấy ở tôi cái khác này : ở xa, chỉ nhìn thấy Việt Nam, một cách bao quát. Về gần, thấy được mọi sự tương tợ hơn. Trong từng chi tiết một.

VĂN : Đây là một câu hỏi quan trọng : văn chương nghệ thuật Việt Nam có được thế giới chú ý tới ?

M.Đ. : Sự thật như thế này : Rất tiếc là chỉ nhờ chiến tranh Việt Nam, với những vụ như vụ tự thiêu Thích Quảng Đức, Tết Mậu Thân, Đại Lộ Kinh Hoàng v.v... người ngoại quốc mới biết đến những gì thuộc về Việt Nam, trong đó có văn học và nghệ thuật ta. Nói về hoạt động văn hóa hải ngoại, mới chỉ có những cá nhân làm, cho nên phạm vi không thể lớn lao, ảnh hưởng không thể sâu rộng. Đã có nhiều nhà xuất bản ta sang Pháp (như ông giám đốc nhà sách Khai Trí, nhưng rồi sách báo Việt phổ biến ở Âu Châu cũng chẳng được là bao. Tiếng Việt rất khó dịch, cắt nghĩa sự thiếu vắng sách Việt miền Nam dịch ra ngoại ngữ. Kiểu báo ta ở ngoại quốc lại rất thiếu tinh thần đoàn kết, sống thu mình trong những cái vỏ cá nhân đầy đồ kỵ, nên chẳng làm được gì đáng kể. Sinh hoạt cũng rất mờ nhạt, chỉ có trong giới sinh viên trong những dịp đặc biệt, như Tết Nguyên Đán, Quốc Khánh. Vang vọng của những sinh hoạt này bởi vậy rất hữu hạn.

VĂN : Không lẽ kiểu báo ta không cảm thấy sự cần thiết phải có văn chương và nghệ thuật Việt Nam như một nhu cầu tinh thần ?

M.Đ. : Có. Nhưng chỉ từ thời gian gần đây thôi. Một khác sách báo Việt Nam gửi sang rất ít, muốn đọc phải mất công tìm kiếm, hỏi mượn. Bền Bỉ, có một nhà sách bán sách, báo Việt. Nhưng chủ nhân lại là người Bỉ, vì yêu nước Việt Nam nên bán sách, báo chúng ta. Đó là về sách báo. Rất thiếu. Hầu như không có. Tôi thấy cái điều này chua chát và tức cười lắm : nhiều tác giả ngoại quốc chỉ sang Việt Nam một vài tháng, trở về, viết một cuốn sách 300 trang về Việt Nam, là rất dễ trở thành triệu phú. Bởi cái lẽ giản dị là cuộc chiến này đã làm cho toàn thế giới phải chú ý đến Việt Nam. Thế nhưng những tác giả Việt Nam thì lại chẳng ai biết tới. Và những cuốn sách như thế, ở phía chúng ta, vẫn chưa có.

VĂN : Vậy, muốn phổ biến văn học nghệ thuật ta ở ngoại quốc, phải có những biện pháp thực hiện nào ?

M.Đ : Ngày nào, chúng ta đào tạo được một ban dịch thuật thật vững, thật giỏi, ngày đó những công trình sáng tác của ta mới có hy vọng phổ biến. Nhiều người đặt câu hỏi : Đồng ý dịch, nhưng ta có tác phẩm đang dịch ra ngoại ngữ không ? Tôi cho rằng có. Rằng có nhiều tác phẩm văn chương của ta rất đáng dịch, rất xứng đáng để người đọc nước ngoài biết đến. Tất cả xem chừng đã hơi muộn. Nhưng muộn còn hơn không.

nữ sỹ mộng tuyết



Người sau cùng trong loạt bài phỏng vấn là nữ sỹ Mộng Tuyết. Hai lần xuất ngoại của Mộng Tuyết đều là hai lần lên đường với tư cách đại biểu của thi ca Việt Nam được mời tham dự một hội thơ quốc tế. Lần đi trước, ở Đài Bắc. Lần đi sau, ở Âu Châu. Với Mộng Tuyết, chúng ta đã có được một ý niệm, tuy không đầy đủ, về những đại hội thi ca thế giới, những đại hội bao giờ cũng có thật đông những đại biểu của mọi giòng thơ toàn cầu tới dự.

VĂN : Thời gian gần đây, bà có nhân danh là đại biểu Việt Nam, đi dự đại hội thi ca quốc tế. Độc giả Văn rất muốn biết, qua bà, tâm vóc và tính chất mấy đại hội này.

MỘNG TUYẾT : Tháng 11 năm 1973, tôi đi dự đại hội thi ca quốc tế ở Đài Loan. Đại hội này do một hội thơ gồm năm tổ chức thơ đứng ra tổ chức. Đó là Trung Hoa, Phi Luật Tân, Ấn Độ, Hoa Kỳ và Anh Quốc. Đại hội này đã họp khoảng đại lần thứ nhất ở Phi Luật Tân, và kéo dài đúng một tuần lễ. Lần họp thứ nhì ở Đài Loan có chừng trên 30 quốc gia tham dự. Số đại biểu lên tới hơn 300 người. Lý do vì có nhiều phái đoàn đi rất đông. Việt Nam ít nhất, chỉ có một mình tôi.

Sang tới năm 1974, tôi lên đường khoảng cuối tháng 9 để sang dự hội nghị thi ca thế giới nhóm họp ở Knokke, một thị trấn nhỏ sát biển, vùng Bắc Hải, Belgique. Điểm đặc biệt là hội nghị này mời các đại biểu thi ca, giấy mời gửi thẳng tới các chính phủ quốc gia chứ không mời những cá nhân thi sỹ. Cũng cần nói thêm, hội nghị do tổ chức Unesco đại thọ. Tới năm 1974, hội nghị đã họp tới lần thứ 11. Tôi cùng sang Bỉ với nhà thơ Bằng Bá Lân. Anh Lân là đại diện chính thức. Tôi cũng vậy, nhưng hơi khác là đi tự túc vì chính phủ chỉ cấp phương tiện được cho một người.

VĂN : Bà muốn nói gì thêm về hội nghị Knokke ?

M.T : Về một lên đường chậm muộn rất đáng tiếc. Giấy tờ lằng cằng quá, đã tưởng không đi được. Sang tới nơi, chỉ còn hai ngày chót, mọi vấn đề hội nghị đặt ra phần lớn đã được thông qua trong những phiên họp chúng tôi chưa tới nơi. Thành ra, tôi và anh Bằng Bá Lân cũng không có được một nhận thức chu đáo và đầy đủ về hội nghị này.

VĂN : Những tài liệu thi ca Việt Nam có được trình bày và phổ biến ở hội nghị ?

M.T : Chúng tôi lên đường lộp chộp, vội vã nên chỉ mang theo được một số ít. Những tài liệu này được trưng bày trong phòng triển lãm riêng của hội nghị. Và chỉ ở đó mà thôi.

VĂN : Tuy vậy, chắc bà vẫn có thể cho biết thi ca Việt Nam có được chú ý tới hay không ?

MT : Có. Nhưng cũng chẳng là bao. Về hội thơ Đài Bắc, tôi có mang theo một số thơ của tôi và cố thi sỹ Đông Hồ. Số thơ này được dịch ra tiếng Anh. Về hội thơ ở Knokke, thì đề tài 1974

là : nửa thế kỷ thi ca siêu thực. Anh Bằng Bá Lân có viết sẵn bài đề phát biểu ý kiến. Nhưng như tôi đã nói, chúng tôi tới quá muộn, lúc hội thơ đã sắp bế mạc. Nên không còn cơ hội lên tiếng. Thật là một điều đáng tiếc.

VĂN : Theo chỗ chúng tôi được biết, bà đã nhận chuyển đi Bỉ, ở lại Pháp nhiều tháng. Bà thấy gì về sinh hoạt của văn học ta ở nước này ?

MT : Tôi ở Pháp mấy tháng thật. Nhưng rất ít khi đi đây đi đó, nên thú thật không được rõ lắm. Những học giả, nghệ sỹ Việt hiện ở Pháp mỗi người đều có công việc riêng và không phải là văn chương, nên tôi có thể nghĩ không sai lắm rằng sinh hoạt văn học ta ở Pháp nói riêng và Âu Châu nói chung không thể phồn thịnh. Nhiều anh chị đã cố gắng, với phương tiện eo hẹp của mình. Như anh Thi Vũ và nhà xuất bản Rừng Trúe. Nhưng số sách về thi ca và văn chương xuất bản cũng rất hạn hán. Nhà in phải làm việc khác để sống đã, thời giờ còn lại mới dùng cho in thơ. Tôi có được mời tới một cuộc tiếp tân ở nhà bà Nguyễn Tiến Lãng, tổ chức mừng tôi. Hôm đó, tôi có được gặp các ông bà Hoàng Xuân Hãn, ông bà Nguyễn Tiến Lãng, anh Trần Văn Khê, Thi Vũ, Nguyễn Trần Huân và nhiều kiều bào khác mà tôi không nhớ tên. Những buổi họp mặt như thế cũng hiếm lắm. Về sách báo Việt ngữ bày bán ở Paris thì ít lắm. Hầu như tôi không nhìn thấy ở đâu hết.

VĂN : Đi xa, sang Paris, bà vẫn làm thơ như ở Ut Viên Nội thư ?

MT : Có, không nhiều. Đi xa, tôi chỉ làm thơ khi nào tìm thấy cảm hứng mới tạo được ở tôi vì cảnh tượng, đời sống ở nơi chốn đó. Chẳng hạn như đến Paris, tôi đã làm thơ về mùa thu. Vì chỉ ở Paris tôi mới thấy mùa thu như thế nào và thấy tận mắt. □

mai thảo

NHẬT KÝ

15.2.75

Những tàn lửa lửa của mũ, áo thoát kiếp thả
một búp khởi siêu hình xanh biếc vào buổi chiều
Sài Gòn oi nồng. 38 Phạm Ngũ Lão. Mừng 5 Tết.

Hỏa vàng.

Số Đầu Năm đã phát hành sáng qua. Lịch Tam Tông Miếu
sói ngày mừng 4 tốt. Gửi Nam Cường, Đồng Nai cho bay đẹp theo
nắng xuân tới bốn vùng bạn đọc số đặc biệt tuyên dương cuộc
thừa thắng xông lên của văn chương phái nữ, báo quân thờ cái
triết lý sống nhân lại tà tà đóng cửa. Hưởng thêm, trong thư
thái không tiếng, ngậm Nguyễn Đan cuối cùng. Hỏa vàng. Nghi
lễ với thánh thần cõi khác chẳng hiểu sao cứ còn cần dùng tới
liền nghi và vật chất cõi này, tạm coi là tươi tốt. Chỉ sống, với
ta gần, thật tình chưa biết phải quý sẽ ra sao. Và Tết đã hết?
Chưa. Quất còn đủ trên nhánh. Rồi. Mai đã héo trong chậu.

Tránh thoát một cung cách suy nghĩ về hết, còn sắp ra
chiều lấm cặm, bằng ngồi vào bàn. Tập trung. Tìm ý cho một
giờng khai xuân. Mai vui xuân đầu đó, chữ nghĩa chưa về. Một
cảm giác trống. Đầu óc hững hờ, bí quẩn. Tiếng cười Đông Hồ :
Bát đã khai từ thiên địa khai. Tàn ngàn không biết làm gì hơn
là thả linh cảm vào một tuần thám dò đường trên địa hình tuổi
mới. Súng vác vai, cờ lệnh đỏ, linh cảm trở về, chào nghiêm,
báo cáo vẫn tắt mặt trận miền Tây nơi tôi chưa có gì lạ. Như
thế nghĩa là giờng sống vẫn yên tĩnh, đất trời chưa nổi gió, định
mệnh phục kích nhưng chưa tạo ngộ chiến.

Yên. Không yên. Sao cũng được. Je n'ai rien à perdre. Sống

nguy hiểm mới là sống. Lý ra, định mệnh cũng chào thua. Buồng bút, hai vai vô thánh thần đi trước, bình sinh đầy ngõ vực theo sau, tôi lại khật khưỡng vác cái hình hài cũ rích xuống đường. Nghĩ đến mấy thằng bạn. Thử thiệt. Tính tới chuyện đi kiếm bạn lúc này. Để bịa đặt với bạn rằng ngoài phố đang mưa bay, mùa xuân đang bốc rượu. Vậy, đãi đằng nhau một chén rượu cuối hạ mãn cái Tết. Rồi ngày mai, đối đá vớ trời, lăn vào đại cuộc.

16.2.75 Đã chưa đối. Trời chưa vá. Đại cuộc mịt mùng, chỉ thấy một hàng hiền Cung Tiến lồng lộng gió bến Bạch Đằng. Được phong là quan to sứng dài nhất nước ở bang Phong Thần Văn, tác giả Hoài Cẩm vừa dọn về tân gia. Thang máy. Tầng lầu thứ tám. Một appartement sáng lạng. Những khung cửa sổ chọc thủng vào không gian Sài Gòn trên cao, giá có cái ống nhôm tốt, chắc nhìn tới tận gác chuông nhà thờ Cha Tam và những bên trong chắc là nhiều màn thân mật gọi cảm của hàng chục phòng the những buynh đình lộng giềng. Một « đàn em văn nghệ » từ Đà Nẵng vào, gõ ra trên mặt bàn Cung Tiến mấy cái chén Huế. Chân bạn, một chai 75 A, vẫn còn xuân, chưa hết Tết. Lại nhậu, biết làm thế nào bây giờ.

Cảm giác trống của buổi chiều hời vằng hôm trước giờ có uyển ky ăng lờ chính hiệu và chén Huế hỗ trợ, nghiêng chao dần thành một cảm giác lung linh bằng bễnh. Đại lộ Nguyễn Huệ phía dưới. Những cái bóng chiều ngón tay. Những cái đi lại con kiến. Tầng cao. Phía dưới. Một chóng mặt nhẹ của nhìn xuống hun hút. Henry Bordeaux. Chàng và nàng, La Croisée Des Chemins. Hai mươi năm sau gặp lại. *Paris ở dưới chân chúng ta và cuộc đời đã đi qua.*

Ném tầm mắt sang phía bên kia Thủ Thiêm. Lượn vòng từ sở Ba Sơn tới san sát nhà nổi Cầu Ông Lãnh, đối tượng đang nhìn phẳng phất hình thể một khúc bãi Phúc Xá, nhìn từ Giá Nứa, giờ Hồng Hà mờ mờ sương chiều dần Hà Nội diễm ngắt ra đường. Hà Nội. Lên đường không trở lại. Người con gái của tình yêu thơ nhất. Mưa tơ kỷ niệm. Nắng lụa tưởng tượng. Người con gái thơ

ào hấy giờ gót son vàng liền yếu chạy về đàn. Cái con người sinh nữa, thuở nào. Tất cả theo gió. Cầm bằng. Những ai còn si mê, ai cũng chết mà thôi. Hoàng Cầm. Giữ cuộc vui nhà bạn, sứt giọt lệ lại bằng. Rất ngậm ngùi không đau. Trong tôi.

21.2.75

Thi sỹ đại tá Cao Tiên gửi tặng tấm hình lưu niệm bữa chả cá ra mắt tuyển tập mười hai khúc thơ nhạc Cao Tiên, đã Nguyễn đình Toàn viết tựa còn do tử Lê đề bạt. Hình ghi cái instantané của mấy chục bản mặt cầm, ký, thi, họa cười nói nham nhở trước nệm Ngũ gia Bì. Hình chụp sau. Sách bản quý, đã tặng trước, trang trọng, ngay trên bàn tiệc, như Cao Tiên bao giờ cũng thế.

Thơ Nhạc giao duyên. Hiện tượng đặc thù của sáng tác 74. Người làm nhạc 74 tấp nập vào thơ. Người làm thơ 74 đã bay những cánh thơ màu lục còn muốn mua những cánh nhạc màu hồng, gọi hiện tượng là ưu tư điểm lệ đang thời thương, hoặc bảo đó là cái tới muộn của một hình thái phối ngẫu nghệ thuật thịnh hành đã từ lâu ở Tây Phương, đều là đúng.

Cũng đúng nữa, nếu nói hình thức sinh hoạt giao duyên, phối ngẫu đã thời thượng ở hết thảy mọi lãnh vực, nghệ thuật chỉ là biểu hiện sau cùng. Chính trị đang phối ngẫu với kinh tế. Dầu lửa Ả Rập đang phối ngẫu với súng đạn Ấn châu. Dân chủ Liên Anh đang giao duyên với quân chủ Maroc. Nhiều, nhiều nữa. Muôn mặt. Vô vàn. Của một nhân loại mà những vực thẳm chia rẽ còn sâu hơn vực thẳm hư vô, đang những đồng minh, liên minh, liên bang, tổ hợp, minh tặc mọc ra như nấm. Những Tay Năm, Tay Bảy một phía. Đối diện, những Tay Tám, Tay Mười. Vào tam cúc đi đêm từ lá bài thứ nhất. Giao duyên thơ nhạc đến cả ăn nằm và vợ anh chồng tôi. Như đã ở Thụy Điển. Như đang ở Hoa Kỳ. Cây thông bây giờ không còn thể đứng giữa trời reo cái tiếng gió đơn thanh của thông nữa. Phải liên minh thông. Phải tổ hợp gió. Phi liên kết cũng là liên kết.

Phải thế, thỏa hiệp để sống? Nhân nhượng, hòa đồng để tồn tại? Nghi quá. Đi một mình trên con đường nhỏ. Hát thầm

một mình. Sống riêng. Dù thế nào. Hạnh phúc êm ái tuyệt vời ấy đang mất dần trên trái đất kết đảng.

28.2.75

Lại hóa vàng. Nhưng là thanh toán giấy tờ, hóa táng những số phần bảo thảo thiếu may mắn. Đọc những địa chỉ dưới những thơ, truyện còn giữ lại của năm cũ, thấy Quy Nhơn là tỉnh đứng đầu số lượng người viết mới và sáng tác gửi về. Hơn cả Huế, vượt xa Đà Lạt.

Nhớ lại 24 tiếng đồng hồ ở Quy Nhơn năm ngoái, từ Pleiku xuống với Duyên Anh. Quy Nhơn. Chân đèo An Khê. Gió Lào bạt thổi. Đất Quang Trung. Nguyễn Huệ, đảng đảng khi thế vi vang bóng quá khứ. Quy Nhơn. Thành phố biển chói nắng, nhấp nhồm nghịch ngợm những hồi chuông lắc lư ỏi của những cái xích lô trẻ luân vũ bằng xe hai bánh giữa lòng đường. Bến Chế Lan Viên. Vàng Sao. *Dừng chân ở cái ga sâu vĩ đại của đêm đen.* Cầu lạc bộ cũ của Hải Quân Mỹ. Quán sát tới chân sông, dưới lả lả dừa, trước ầm ỹ sóng. Bãi cát tối thẫm, sáng lóa từng chập đèn pha nhà binh. Quy Nhơn. Món chim mía ngọt đêm Nguyễn Mộng Giác và Lữ Quỳnh khoản đãi trong truyện trò về còn, mất những diễn đàn văn nghệ. Cuộc viếng thăm trại cải tạo Quy Hòa. Bà Nhất người Pháp: Tôi đã ở đây giữa họ, 35 năm. Ông là nhà văn sao? Buổi sáng đứng cạnh mộ Hàn Mạc Tử. Mặt biển và Trái Đất ngủ vĩnh viễn giữa cỏ dại cần cháy, thép gai khô quấn một đồn binh lưng núi, ngó xuống biển Quy Nhơn ngồi ngồi mặt trời.

Cắt nghĩa cho mình được phần nào, tại sao Quy Nhơn là đất văn nghệ. Và niềm đau đơn thét nổ điên ngất của tiếng thơ Hàn giữa biển trời lộng lẫy. Khờ thống ngán chọn không cho phép tin hết thấy đều tốt đẹp, dưới mặt trời. Camus. Thần phách điên loạn lộng lẫy ánh sáng. Đó là Hàn, dưới xanh thẳm trời Quy Nhơn.

02.3.75

Khởi viết chương đầu Tắm Thắm. Về thuở vàng son và những ngày tàn một thần tượng sân cỏ.

Đã hình dung ra xong tám huy chương hai mặt, những thắng trầm một đời, giữa trái da lãn phóng hay biến ngoạn mục trên thao trường vàng nắng, biến tiếng động của vỗ tay sấm động khi thần tượng trên đỉnh, im lặng và nhà mở khi gãy cánh phượng hoàng.

Nhưng mà những chi tiết về nghệ thuật và kỹ thuật tác cầu thì i tờ lơ mờ quá đỗi. Gặp Trần Văn Khê. Vừa hướng dẫn một hội tuyển trẻ trở về từ Ma-Ni. Khê, một phần nhân vật Tắm Thắm đã phác thảo. Khê, tả biên hội tuyển Đông Dương: «Trên cõi đời này chỉ có hai kẻ biết đá bóng là hạt ngọc đen Pelé và tôi». Tưởng gì. Dễ quá. Sáng nào tôi cũng tả tả ở Brodart. Tôi ngồi với tôi một buổi. Một buổi thôi. Tôi mở lớp miễn phí cho ông về tác cầu, từ A tới Z.

Đã có «cổ vấn kỹ thuật» Trần Văn Khê, vậy mà vẫn chùn tay từ những giòong đầu Tắm Thắm. Làm sao vượt qua, hơn được Thăng Kinh của anh Nguyễn Đức Quỳnh? Nhưng lại nghĩ là cái huyền thoại thần tượng, cách nào cũng nên thử đề cập tới nó. Ít nhất một lần. Đề cập. Trong cái tình thần giải oan cho huyền thoại.

09.3.75

Tiếp ở báo quán đại diện trưởng Phan chu Trinh, Đà Nẵng. Ông đã nhận được văn thư chính thức trường chúng tôi mời ra ngoài ấy ngày húy nhật

chiến sỹ họ Phan? Đã. Ông nhận lời? Nhận. Một dịp trở ra Đà Nẵng mà viếng thăm gần nhất cùng đi với Quốc Phong, chủ nhiệm Kịch ảnh, cách đã 10 năm, hỏi chị bạn nữ kịch sỹ Giáng Hương còn làm chủ tới 2, 3 cái bar đầy nhóc chiều dài hấp dẫn trên đường Trần hưng Đạo.

Nhận lời ra Đà Nẵng, có phần nào nằm trong dự tính sẽ dịch muốn thực hiện cho sống 1975, không nên chôn chân suốt 12 tháng ở Sài Gòn như năm ngoái. Tính ra Phan Thiết. Ở ít ngày với P.Đ.T., bạn học cũ. Tính xuống Cần Thơ. Chén tác chén thù

với Ngự Cao Uyển trên bờ Cửu Long. Thăm nhóm Con Đường đang muốn nâng lục bát thành thể thơ khuôn vàng thước ngọc. Tinh ra Nha Trang. Thăm anh Võ Hồng. Đi đảo. Ngủ đảo. Thăm đi, từng là mơ tưởng mê đắm thiếu thời, bởi đọc Nguyễn Tuân, tới tuổi này, giang hồ vật mang một ý nghĩa khác. Bình thường hơn. Thay đổi không khí. Lâu lâu cất biển cái con người mình cho khỏi là một chính anh thường xuyên chán ngắt trên phố xá Sài Gòn. Tập dượt dần những phút sống tịch lặng, xa khuất. Cho khỏi bàng hoàng bờ ngỡ với tịch lặng vĩnh viễn cuối chót. Nếu như chẳng còn xa nữa, phút đối diện với nó.

Vấn đề là những « viễn du » quốc nội này, chẳng hiểu có thực hiện được không ? Máy tuấn trước, trả lời cuộc phỏng vấn của Vũ Dũng trong chương trình Văn Học Nghệ Thuật đêm chủ nhật của Đài Sài Gòn, đã tự kiểm thảo mình như vô địch của mọi nếp sống gấp nếp, không muốn thay đổi. Ở đâu, ở đó. Ngày trước thế nào, ngày sau hết vậy. Yên và xong. Mờ mờ nhân ảnh. Kiểm thảo. Và thành thực lắm. Thôi thì đi được chuyển nào biết chuyển đó vậy.

Và nhận đi, đã cẩn thận nói trước với đại diện trường, xin miễn cho cái vụ đăng đàn diễn thuyết. Đàm đạo, hội thảo, trò chuyện thân mật, được. Nhưng không đăng đàn. Nhớ đến đại hội Pen Club năm nào ở Đông Kinh. Steinbeck đến phiên, đứng lên : « Thừa quý vị đại biểu, tôi chỉ biết viết, không biết nói ». Một câu. Rồi ngồi xuống.

12.3.75 Một vài viết lách, công việc bất chợt bất thường, trong cùng một lúc. Định mệnh chưa tạo ngộ chiến. Nhưng nhịp mưu sinh thường nhật muốn phẳng lặng đã bị đột kích thỉnh linh. Đi. Trộn buổi sáng. Như ma đuổi. Một trời dạt bâng bâng giữa biển người òa òa. 8 giờ, Phú Nhuận. 10 giờ, Nancy. Tan tầm, Chợ Cũ. Thoang thoang nhà cửa, cây cối, áo và tóc đàn bà, nan hoa quay tròn và xanh đỏ tít, nháy, hun hút lùi ngược trước chuyển dịch bay biến.

Cái bóng : một lát đặt rất phản mỹ thuật.

Cái được : khỏi phải rơi vào những nghĩ suy linh kinh làm mất tâm não vô ích.

Trưa, ở lại chỗ làm Phan Lạc Phúc. Bữa ăn trên bàn viết bạn kiều ăn trưa Hoa Kỳ chớp nhoáng ở sở không về. Chả bò, bánh khúc, bánh giò Hiền Vương. Cà-phê, thật đặc. Mười lăm phút thả cái đầu nặng, cái lưng mỏi trên thành tựa ghế bành, hai chân duỗi dài. Khu vực vắng lặng. Một người lính, áo trận màu tối, ngồi tựa lưng, bất động, trong một hàng hiên. Không một tiếng xe, phía ngoài con đường Thống Nhất. Bóng lá. Bóng nắng. Một im phắc lớn.

Thành phố đôi khi có những phút giây dị thường như thế này. Muốn triệu vòng quay, nhịp động cùng bảo nhau ngưng bặt. Thành một khắc chết sống. Khắc sau lại ào ạt.

13.3.75

Dùng danh từ Phan Nhật Nam, mùa nắng này đã có đủ bằng chứng một mùa hè đỏ lửa nữa, sau Quảng Trị, Bình Long đỏ lửa. 75d, tờ Chính Luận. 75d nữa, tờ Đại Dân Tộc. Bản đồ chiến sự nơi trang nhất lảng nhảng những mũi tên đen, trắng, của trực diện tác chiến và quân thảo trong phố. Dành từng căn nhà. Giữ từng góc đường. Ban Mê Thuột. Những ngày nào đi về hoài hoài trên những đèo, dốc Ba Biên Giới. Phi trường Củ Hanh, đã mượn làm nơi chốn cho chia ly và trùng phùng hai nhân vật nam nữ gặp tiếng sét ái tình trong một truyện dài mình. Pleiku. Đêm sương và mưa phùn đi tìm cà-phê với Du Tử Lê, Kim Tuấn. Đèo An Khê. Phía tả là quê nhà Võ Phiến. Kontum. Cây thấp, đường nhỏ, những quán hàng bắt hàu tịch lặng, phi trường đầy đặc vết đạn và bực sơn dầu vẽ dở của Kinh Dương Vương. Con đường liên tỉnh sợi chỉ giữa vế dở của Kinh Dương Vương. Con đường liên tỉnh sợi chỉ giữa bạt ngàn và hoang đậm rừng, chiếc jeep mở hết tốc lực, ngum bạt ngàn và hoang đậm rừng, chiếc jeep mở hết tốc lực, ngum scotch chia uống với Đinh Cường trong mưa núi lất phất. Những tờ thi cụt đầu của cây, những nỗ tung lán lóc của đá Chu Pao. Di tản. Chúng kích, đêm ngày. Ta đêm ngày phản kích. Những tan nát, máu chảy và nước mắt mới. Diệp trùng một vùng cao nguyên đang bị đe dọa, tin tức rừng cao núi xa dần dập nếm

về nói sự yên tĩnh của « một trận miền Tây » nơi tôi chỉ là một khái niệm bịa đặt.

Tình thế khẩn cấp trên đại thể. Thái độ phải và tốt ở mỗi cá nhân là bình tĩnh tiếp tục phần việc hàng ngày. Không sao xuyến. Không panique. Đúng. Nhưng, những lúc như lúc này văn chương làm được gì ? Làm sao yên tâm viết ?

14.3.75

Phong bì lớn, đầy. Con tem ngoại quốc. Nơi gửi : Liège, Bruxelles. Bài thứ tư của cây viết mới Bùi Quang Chiêu trong khoảng 3, 4 tháng gửi về từ một địa chỉ hải ngoại, một bàn viết lữ thứ. Văn lối viết mấy bài viết trước, đã đăng trên Văn. Na ná thơ xuôi, tựa tựa tùy bút. Một nửa sáng tác, một nửa tiểu luận. Cũng hay, lạ, mới. Và có không khí riêng.

Trộn lẫn những Rimbaud, Hemingway, Faulkner vào tình cảm và đời riêng, cõi văn Chiêu kết thành cái độc kê khác với cái sống bản thân, ta người là một. Đọc Chiêu, nghĩ xa tới một hạt cát sông Hằng. Muôn văn trong một. Một trong muôn văn. Hình dung ra một chàng trẻ tuổi Việt Nam, đơn độc giữa Âu Châu nghìn trùng. Buổi sáng vào thư viện đọc sách. Buổi chiều mơ mộng trên những ghế đá. Sống rất viễn phương, tâm hồn Việt Nam.

Thánh Thu tới. Đưa truyện ngắn mới. Quyết tâm với vào chương, đừng tự làm hư hỏng ngôi bút mình, đừng ngủ trên những thành công đầu. Thánh Thu sẽ là một cây viết truyện ngắn có hạng. Bạn bù đầu nên quên không kịp hỏi tại sao những nhân vật nữ của Thu, chín phần mười là gái Tàu Chợ Lớn.

15.3.75

Khúc đầu quốc lộ số 1. Con ngõ khuất khúc. Hàng động đã hai mươi năm ở cuối ngõ của lãnh tụ thơ Thanh Tâm Tuyền. Sinh nhật thứ 40 của lãnh tụ. Chiều Gia Định tàn nắng. Cái bang áo bần tả tả vào ngõ. Phan Lạc Phúc khuyơng khiêng. Thái Tuấn nhợt nhạt. Công tử ngoại ô Chí Hòa Ngọc Dũng. Đoàn Quốc Sỹ, đáng điệu sinh viên hơn là tác phong

ông thầy. Và Hoài Bắc đã tới giờ phải có rượu và Vũ Khắc Khoan
kịch hơn bao giờ. Bang phái văn nghệ áo bần cười rộ trước lãnh
tạ ngày thường sốc sếch, chiều sinh nhật ra cái điều tri thức
lâm dăng, với mái tóc có đường ngôi và chiếc áo sơ-mi hoa sim
mới tinh màu thơ Hữu Loan.

Ông tiến sĩ phó thủ tướng phát động chiến dịch bài trừ
ngoại hóa, thành quả rất nhõn tiền là bang phái chạy lũng khắp
lũn Lũng Ông mới tựu về được một chai Brandy lúc khác sua tay
chè dờ không thêm. Brandy. Được đi. Phải tập quen với cái nếp
sống *faute de mieux, à la rigueur*. Ngay từ đầu xuân này.

Sinh nhật cái bang có tính chất cao hứng bầy đặt, chỉ là
một cái cớ cho hợp mặt đấu lão. Như những cái cớ kịch Vũ Khắc
Khoan. Quan Điểm ngày nào, Sáng Tạo thuở ấy và sinh nhật 40
đây Thanh Tâm Tuyền trở thành một nhân vật truyện Mặc Đỗ.
Bai con cá nướng trui thanh toán xong, đàm đạo xoay quanh
cái « bất hoặc » phải được hiểu thế nào. Thanh Tâm Tuyền :
« Ta biết rõ ta, giản dị có thể ». Vũ Khắc Khoan bỏ tức : « Ta
đo lường được cái khả năng đích thực, trước phần đời còn lại.
Những gì làm được, những gì không ». À, ra thế cái *từ thộp nbi*
bất hoặc.

Một phút im lặng. Mọi người chăm chú nghe bài tựa tuyệt
vời bản dịch Nam Hoa Kinh của Nhượng Tống. *Tôi ngộ xuống*
đất, tôi nhìn lên trời. Một phút cả tiếng. Lão Tử bị chẻ. Trang Tử
được phục.

Mười một giờ đêm. Rời bang động của thơ tự do và nghệ
thuật đen, đi trở ra con đường số 1. Đứng tần ngần. Nhìn cái
bóng mình trên con lộ thông xừ dài hút nếu cứ đi mãi, ra tới Hà
Nội. Nghĩ đến cần thiết của những hợp mặt bé bạn. Đề tranh
luận, đàm đạo. Dù chỉ là đề *nói*. Dù chẳng đi đến đâu. Dù sáng
mai thức dậy, chắc chắn là sẽ quên đi sạch sẽ những « *lập ngôn* »
thả dạn đêm trước.

17.3.75 Mặt trận sôi động. Tin chiến sự rồn rập. Cuộc di
tàn vĩ đại. Điệp điệp trùng trùng những xâu chuỗi
người, trên quốc lộ 19. Dằng dặc, bất tận, những cây số người trên

quốc lộ 14. Những thiên phóng sự chiến trường Nguyễn Tú đầy trọng tâm của văn chương và cái đọc hàng ngày ra khỏi thành phố. Và chuyển đi Đà Nẵng với Duyên Anh, Hoài Bắc cuối cùng phải hủy bỏ. Nói chuyện bằng điện thoại với đại diện trường Phan Chu Trinh và đại học Quảng Đà. Về cái lý do nên đình. Chẳng phải vì ngại hiểm nguy. Mà chỉ là nói chuyện văn chương lúc này vô bổ, phù phiếm. Máy cái chỗ ngồi trên máy bay đáng dành hơn cho đồng bào tỵ nạn.

20.3.75

Giới nghiêm nới rộng. Cối đêm mất mẽ tràn đầy của Sài Gòn được trao cho yên lặng và đình chỉ giao thông thêm hai tiếng nữa. Đêm vẫn còn là nhiều so với thời kỳ giới nghiêm sau tết Mậu Thân. Hệ thống kẽm gai cấm đường ném chỉ chít trên những mặt nhựa Sài Gòn hồi đó từ 6 giờ chiều. Phố xá vắng ngắt lúc chưa tàn nắng. Những đêm sau Mậu Thân thì là những lên giường thật sớm, những thức giấc nửa đêm, những thao thức tới sáng. Ngủ sớm. Thôi cũng được. Cho khỏe người. Có thời giờ đọc. May ra viết được.

Vấn đề phải làm ngay : lên cái quán sách quen trước rạp Rex. Khuân về phòng một đống sách. Loại Mystère, l'Empreinte, Le Masque. Bàn bạn với giới nghiêm sớm bằng cái không khí ngột thở, toát mồ hôi lạnh của tiền thuyết trình thăm.

MAI THẢO

nh. tay ngàn

THƠ PARIS

vừa rạo thôi nôi eden
mộ máu

Bến đất người thiếu mộ
Trời mưa ơi mưa đến Nojamj
Trời nước mắt là mùa rạo lệ
Hỡi mỗi thu điền
Phải lá tìm chéch vào chiều edenlap
Người đi đầu từ cõi sấm truyền
Mất mất Liên một Ròng tôi chết
Màn chiêm bao chìm lã với sắc gì
Hỡi nước mắt hay cả mùa lá ủa
Và từ đầu Remmén jamón lo los
Một người đang từ tìm
Tìm eden ôi thấy em Rê

Nhường bao chốn lệ thê
Nước thương mây tôi đương ngồi nhớ Ròng
Mùa xưa nước trong tên
Bầy sắc đưa tôi đầu còn vết Ròng
Mà thương quá em Liên
Bờ trên cao Eden vừa lấp mờ
Bầy phượng hoàng như tôi đôi đũa
Tiết muoluo tôi đêm và nước buồn

Ngày xưa tôi mở tên Liên
 Tối hôm nay tôi không còn nhớ gì
 Nào đâu quá xa xăm
 Mỗi hôn mê ai đi về khỏi đèn
 Llamos ôi xin điều linh từ kinh kệ
Nhiều đêm đêm Liên không còn thấy Rõng
Rõng ơi đến Eden

Ban xưa màu áo tiêu điều
 Trời mẫn dương tôi ca sấm chữ
 Dù nay tất lời
 Ngàn đẫy đưa Rừng tôi ừ mủ
 Nơi mộ thương tôi nằm bến Vodongg
 Rồi bên phía Nam Sa
 Kể ra đi hay ca bài bắc cầu
 Nơi chữ cuối mắt tôi đầy xương trắng
 Một chiều cao thương lại tóc Liên gãy
Tengo ya un seiremes, no que ti amerole
Nửa dẫn chấm ai ngờ nước đục

Đường bao kiếp lang thang
 Nước đi đâu ôi sao tìm kiếm Rõng
 Người Liên rồi nơi đâu
 Tiếc xương khô đêm đêm nâng lá vàng
 Mùi tôi đã lên hơi
 Cố thương Liên đau trong vùng đất mở
 Trời ơi nói đi em
 Chắc nay mai cơn mưa đã lắm bùn
 Nhiều xưa chết trên mây
 Nếu hôm nay mê hoang làm núi đồi
 Và đêm giữa ba mươi
 Bảy con sông đi đi về nước đời
 Nghèo ơi không áo cơm thiêu
 Chết đơn côi tôi đâu còn tiếc mình
 Từ đây có sao khuya
 Đề Eden kêu tôi vào nước Djoj

Về đâu nữa bên Thương
 Chắc vô vạm đêm nay làm nến đèn

Và khi lóng xương khô
 Bối hoang sơ kêu kêu đàn lá vàng
 Mồ tôi lá mau mau
 Mất dương gian tôi đang về phố người
 Chờ tôi có con tim
 Người vương nữ hò đèn Naadaj
 Nẻo về đường đã chắc thấy em đâu
 Mà thôi hỡi Rừng ơi
 Nhưng tiền thân lác lung san địa nữa
 Dù mặt mã hay tên thành Ockhhan mong
 Đề thôi nôi Eden là máu rồng
 Từ nay nhớ ời thương
 Lá tử thân bay bay vào cõi mù
 Hào Rừng tôi ai lay vào suối Ngân Trời

óc thời thân nước ruộng với lá tràm lu

Vườn sâu riêng sâu sâu riêng
 Một trăm cánh nhạc rồi lúa chưa vàng
 Cánh đầm lầy đĩa hơi đã thở
 Nắng tràn lưng Vàm Cống bông bèo
 Nơi dốc cạn bảy quạ ngày rất cô
 Vườn sâu riêng tôi khóc với tên Liên
 Là cơn đói hoặc em còn ngó tôi biết nói
 Miệt phố buồn vẫn lấy trần ai
 Hay tơ nhện lắm tầm nơi cát lộ
 Bóng mờ xa con nước chảy huyền
 Mảnh trời đất tôi cần ba con rắn lục
 Mẹ của tôi như chết với Eden rồi

*Vườn sầu riêng nào hết thương Liên
Nếu mới sớm cuộc lễ trần bột qua tin cõi*

*Miệt Tây Dương vừa rước mộ Málaga
Bữa ăn sáng lên từ cần lưới*

Ngày xưa trở lại dốc cầu
Bốn cửa động đã lay vào hổ thẳm
Mặt trời làm nô lệ của chiêm bao
Tháng tám treo trăng
Nàng Đê Đam soi gương và chớm lệ
Tôi ngó mình quên hết em Liên
Nóng gió bắc là dòng mạ đi trên cánh cò chưa trút
Nhìn đi giấc hỡi Đê Đam
Tôi đã mất mẹ cha từ rừng xưa lập mộ
Quê hương tôi là Mệnh tắt lòng người
Ngoài kia ai vừa rao bánh cống
Hỏi ra tên không phải người tỉnh mình
Vườn sầu riêng ới không mở nổi tên Liên
Trưa trắng quá em vào nơi giờ tận nguyệt

*Sao một cơn gió ngẩn Málaga
Nửa mắt nhìn thấy. Rừng đã Rừng khó cháy*

Động Hào Âu đất lấp ngoài Hà Tiên
Nước hồ Đông có hai ngàn rần ngọc
Chim biết đi sao chim viết mất chỗ rừng
Hò ới là tiếc một quên mình
Trên bắc Tô Châu ba lần núi dựng
Rừng vì tôi hãy quên một tiếng Liên
Tên áo xám canh một dốc cầu dưới núi
Mẹ tôi kêu Ngân hãy thương Huyền
Ới nhớ quá con trăng nơi Thiên Trước
Người Mệnh Thiêng tu kín với chiêm bao
Ới vàng võ như rừng tôi đã chết
Mà Tô Châu dạ khúc nói sóng hồng

Ai tắt thở tôi quý trên tim mẹ
 Rờng ơi Rờng đừng quên một ngấn lệ xưa
Vườn sầu riêng hồn đem một câu thơ
Thiên Thiên Mệnh đọc về cõi sống

Vùng mặt trời nở giỡn khói Málaga
Một cầu cũ đi qua thềm Llamas

Nếu trên cao cao quá của không gian mình
 Mặt trăng đã là nơi hơi thở
 Buồn như chim mà tiếng viết lạnh hơi đồng
 Đạo mua chước đem kinh tôi về đất
 Rờng thương tôi xin cao hát cho Liên nằm
 Ôi Liên ôi

tiếng phút sáu ! rồi nay cõi lú

Một niềm quên hồn gió mặt trời
 Đất Barcelona đã chôn tôi chết
 Có một ngày tôi nhớ qua Liên ôi
 Kẽ cụt chân vẫn còn bẻ ban
 Mà nay già còn đã chọn xác tôi
 Một ngày soi gương tôi đau như nước mắt
 Có lẽ hôm nay người chết rõ một mình
Gracia đi quá ! No Ré es go te muerto ay Ré quá

Mưa phùn chưa lấm Málaga
 Một ngàn cô Rej ca hết sông Elbro
 Nhưng tiếng người đã sa vào núi mệnh
 Vì chiều đi lất phất nước trên trời
 Rồi Tô Châu có hai ả phù dung tìm

Mặt trời đứng nhìn hoài mờ chưa xác
 Nơi phía đông núi Đá Dựng hỏi cây kẻ hồ ly ăn
 Gọi là gì người Thiên Mệnh máu xanh
 Trời mưa đi dù nay đất người mất chỗ
 Ai đã quên màu tang tóc giữa trắng vô vàn
Como Yo ti muertoyo ! Una Luna orez fumar

Trời mưa và xế cỗi Mancha xây
 Ai rao bán Sangtia có mùi Remedios
 Năm mặt mã đèn Socuej rước quỷ mịt mờ
 Buồn thương quá trong đời mệt lã
 Giấc chiêm bao không mặc áo lạnh huyền
 Màn đêm tối vào ba khoen hổ thảm
 Nương dân xưa còn hai ả cầu ngang
 Rồi mưa hôm đêm hết chuyển tử thần
 Trần gian quá bại nân cầu thật rã
No sí y Vez Vergas ! Ya mè nun portarme

Trong mơ nếu lang thang
 Trời đêm nay sống cần câu sấm cũ
 Cửa vương thân chưa đọc cỗi rừng đen
 Một dòng nước Júcar tìm đâu hết chấn động cũ
 Rồi chia ba với cánh quyền gầy
 Biệt ly xa em cần con tấm mộng
 Nền huyền sinh đừng vác củi về rừng
 Người Thiên mệnh đọc kinh balatuocos
 Hơi sáng sớm em còn yêu tình lá chầy
 Nếu thấy trời én vẫn quên mau
 Vườn ô môi long lanh môi tím lạnh
 Quỷ Orej nắm hết rừng xanh mưa
 Thuở tơ tóc hãy đèn soi máu sáng
 Gọi đi em con nhái xanh bèo
Ó Diosla nada más ! Que no ti besamoyo

trời ơi thiên ! ngờ đâu cơn đời

Hôm nay tôi đã chết
Nỗi băng tâm em sống ở phương nào
Cầm tay tôi tôi dẫn mắt Ròng đi
Nước Ajaz bập búng chim quyền đất
Nửa bóng hồ rêu nguyệt vào điện
Ơi gió tắt bến qua chiều.

Gió thổi hoài đứt không người Thiên cũ
Chiếc cánh lu thấp mãi đêm rằm
Tôi xin tìm cội rằng xanh trong chết
Hò ơi đau ai ôm lấy tôi mòn
Từ lóng nhỏ và từ xương bọc máu
Bến tiêu điều con nước chưa phai
Trong hơi tiếp bắc sang bờ tương già
Rồi cuộc đời đặt với mũi thở ra
Ai vừa bán cho tôi xu cháo lú
Phải là Liên hay bóng là Ré
Ôi thần vương mệnh cũ
Về cội sâu không phải hổ thềm Vodongg
Đề tà xế là nơi qua ngủ

Liên ơi nỗi phố rêu đèn mờ
Một mình em em đã sống với hoang xưa
Nhưng đất mặn bóng thiên nuôi hơi thở
Cuộc điện mê là ảo thuở han chiều
Thời gió ráo giữa trưa kêu ve sầu riêng lẻ
Mình mình em qua bảy dốc cầu diêm
Mặc kinh đọc còn anh sấm tan vào niềm rã
Bên phòng thiên là tả quyền tro
Từ đây vãn thơ kèm hai mắt đục
Cạo mặt trời hết tóc còn bay

Trời nửa xanh thấy tôi vừa rọc áo sẫm
 Tôi thét đau hồn đã nhập ba ngàn
 Con nước Elbre chiếc xuồng đưa tôi mãi
 Kể gọi tên là giọng của Liên buồn
 Ngàn là tôi hay Ngàn tôi Liên sống đó
 Liên hơi Liên dù là nước quện về miền
 Tôi chải tóc kể mỗi vừa nứt
 Bỗng mặt trời nghe sỏi tru tỉnh
 Đất như thấp với mùa tan tác lá
 Buồn hoen hoen ngấn đôi trong phố người
 Chim cú cũ có lần thành ba con nhạn
 Rời rời về rừng giữa mặt trời cao
 Ai có nhớ cô Liên về hoàng lộc
 Đường lê thê tôi gỡ phiền da mình.

NH. TAY NGÀN

võ phiến

tiếng nói, một phương tiện?

Bài « Tiếng nói, một phương tiện » và bài « Cạn lượng, không lấy gì làm lạ », trước đây đã từng đăng ở một tạp chí văn nghệ khác. Nhưng đó lại là hai bài mở đầu cho loạt bài Chúng ta qua tiếng nói đang tiếp tục trên Văn từ mấy tháng nay.

Để bạn đọc tiện theo dõi loạt bài này một cách đầy đủ và từ đầu, chúng tôi cho đăng lại hai bài nói trên.

Người họa sĩ dùng màu sắc để diễn tả tâm tình. Nhà văn dùng ngôn ngữ. Chất liệu của hội họa khắp nơi dần dần thành đồng nhất : Xưa kia, có kẻ dùng sơn mài người dùng mực tàu, có xứ dùng sơn dầu trên bố có xứ quét bút lông trên lụa v.v... Ngày nay các phương tiện riêng đều nhập làm của chung, họa sĩ nước nào cũng có thể mua cùng một loại màu để vẽ trên cùng một chất vải.

Dĩ nhiên, cùng một chất liệu không đưa đến cùng một nét vẽ : ai có cá tính nấy, dân tộc nào có tính cách riêng của dân tộc nấy. Dù sao, cái đặc thù không nằm ngay trong phương tiện diễn đạt.

Phương tiện của văn chương thì khác hẳn. Phương tiện ấy gần như không hẳn là một phương tiện.

Ngọn bút lông màu mực tàu có thể là những món thích hợp nhất để dân tộc này, chất sơn mài để một dân tộc khác sử dụng hầu biểu hiện tâm hồn mình bằng màu sắc ; hệ thống ngữ cung

Vấn đề không phải là ai phải ai trái, ai hợp lý ai vô lý. Mọi ngôn ngữ đều có tính cách tróc định; các từ vị được sắp xếp theo những cấu trúc khác nhau: có những cái không thấy cần thiết trong hệ thống sắp xếp này lại là cần thiết trong hệ thống khác.

Nhưng không phải trái, không phải là hết vấn đề. Các đặc điểm trong ngôn ngữ không tranh hơn thua với nhau, nhưng có một số nào đó chắc chắn có thể tiết lộ về ít nhiều xu hướng tinh thần riêng biệt của từng dân tộc. Tại sao ta sắp xếp câu nói theo lối này mà các người bạn nước láng giềng lại sắp xếp theo lối nọ? tại sao ta chú trọng đến lãnh vực này và có một kho từ ngữ hết sức phong phú, trong khi dân tộc khác lại không quan tâm đến địa hạt ấy và lời lẽ diễn tả rất nghèo nàn? v.v... Những chuyện ấy hẳn có ý nghĩa.

Hàng triệu triệu người trong muôn vạn năm đã kế tiếp nhau xây dựng một hệ thống ngôn ngữ, hết lớp này đến lớp khác, hết sáng kiến nọ đến tìm tòi kia, đem tất cả kinh nghiệm sinh hoạt của mình, tất cả tinh cảm tư tưởng của mình ký thác vào đó: Làm sao mà một ngôn ngữ không phản ảnh nếp sống vật chất và tinh thần của dân tộc cho được. Không phải chỉ phản ảnh vào nội dung các công trình xây dựng bằng lời nói (tức các tác phẩm văn chương), mà phản ảnh ngay cả trong cấu trúc của câu nói, trong thành phần của lời nói, cũng có khi trong cách phát ra giọng nói nữa. Tức ngay trong bản thân của tiếng nói.

Alain cho rằng nhà thơ vì sử dụng ngôn ngữ cho nên được nhiều may mắn hơn nhà điêu khắc. Và không phải chỉ có người làm nghệ thuật được lợi thế, đến như nhà tư tưởng cũng nhờ vào ngôn ngữ của mình nhiều lắm, Aristote mỗi lần gặp chỗ rắc rối liền nhận thấy: « Đọc nghe không ổn ». Phải chăng hễ cứ viết thế nào mà lời lẽ sắp xếp cho thuận hợp với nhau, nghe ổn thỏa, là tự nhiên thành viết đúng? Bởi vì qui luật kết hợp của lời lẽ do cha ông truyền lại vốn bao hàm một ý nghĩa thâm trầm. (1)

Ngôn ngữ giúp thi sĩ viết hay, triết gia viết đúng: Alain có lạc quan quá chăng? Trong tiếng nói cha ông có gửi gắm sự khôn

an, dĩ nhiên là vậy. Nhưng ông Alain có nghĩ chăng rằng trong cũng có phản ảnh cả những cái không khôn ngoan và cả những trái với sự khôn ngoan? Tại sao không? Dân tộc nào dám khoe mình không có nhược điểm, ngôn ngữ nào không có những cái lấm cấm? Trong tiếng anh, *pants, trousers, breeches, shorts, skirts* v.v... đều thuộc số nhiều cả. Áo số ít, quần thì số nhiều, tại sao vậy? Thật khó mà tin rằng phải có sự khôn ngoan lớn lao để nghĩ những chiếc quần thuộc số nhiều ấy.

Vậy trong tiếng nói, có biểu lộ các sở trường mà chắc chắn là có cả những sở đoản của dân tộc. « Kẻ nào am hiểu tường tận tiếng nói của mình thì biết được nhiều hơn là mình vẫn nghĩ » (2)

cụ tượng, không lấy gì làm lạ?

Kẻ nào am hiểu tường tận tiếng nói của mình... » (3), kẻ ấy chắc chắn không phải là một người Việt Nam. Ngành ngữ học ở Âu Mỹ phát triển sớm và tiến xa hơn ở ta lâu, thế mà câu nói về chuyện « am hiểu tường tận » của mình còn là một lời ước ao. Còn chúng ta, xưa kia tiếng nói của ta na kẻ học thức không chịu dùng vào văn chương, nói gì đến việc nghiên cứu tìm hiểu nó? Chuyện ngữ pháp, văn pháp, phạm, mẹo tiếng Nam v.v... chẳng qua là những chuyện mới được theo... kiểu tây cả.

Dù mới tìm hiểu không lâu đã có người nhận thấy tiếng nói của chúng ta có những đặc điểm lý thú.

(1) « Bien écrire n'est-ce pas développer selon l'affinité des mots, qui enferme science profonde ? » (Alain — *Préliminaires à l'esthétique*, trang 101).

(2) Alain. *Sdd*, trang 99.

(3) Xin xem lại bài « Tiếng nói, một phương tiện ? » của V.P ở phần trên.

Vấn đề không phải là ai phải ai trái, ai hợp lý ai vô lý. Mọi ngôn ngữ đều có tính cách ước định; các từ vị được sắp xếp theo những cấu trúc khác nhau; có những cái không thấy cần thiết trong hệ thống sắp xếp này lại là cần thiết trong hệ thống khác.

Nhưng không phải trái, không phải là hết vấn đề. Các đặc điểm trong ngôn ngữ không tranh hơn thua với nhau, nhưng có một số nào đó chắc chắn có thể tiết lộ về ít nhiều xu hướng tính thần riêng biệt của từng dân tộc. Tại sao ta sắp xếp câu nói theo lối này mà các người bạn nước láng giềng lại sắp xếp theo lối nọ? tại sao ta chú trọng đến lãnh vực này và có một kho từ ngữ hết sức phong phú, trong khi dân tộc khác lại không quan tâm đến địa hạt ấy và lối lẽ để diễn tả rất nghèo nàn? v.v... Những chuyện ấy hẳn có ý nghĩa.

Hàng triệu triệu người trong muôn vạn năm đã kế tiếp nhau xây dựng một hệ thống ngôn ngữ, hết lớp này đến lớp khác, hết sáng kiến nọ đến tìm tòi kia, đem tất cả kinh nghiệm sinh hoạt của mình, tất cả tinh cảm tư tưởng của mình ký thác vào đó: Làm sao mà một ngôn ngữ không phản ảnh nếp sống vật chất và tính thần của dân tộc cho được. Không phải chỉ phản ảnh vào nội dung các công trình xây dựng bằng lời nói (tức các tác phẩm văn chương), mà phản ảnh ngay cả trong cấu trúc của câu nói, trong thành phần của lời nói, cũng có khi trong cách phát ra giọng nói nữa. Tức ngay trong bản thân của tiếng nói.

Alain cho rằng nhà thơ vì sử dụng ngôn ngữ cho nên được nhiều may mắn hơn nhà điêu khắc. Và không phải chỉ có người làm nghệ thuật được lợi thế, đến như nhà tư tưởng cũng nhờ vào ngôn ngữ của mình nhiều lắm, Aristote mỗi lần gặp chỗ rắc rối liền nhận thấy: « Đọc nghe không ổn ». Phải chăng lẽ cứ viết thế nào mà lối lẽ sắp xếp cho thuận hợp với nhau, nghe ổn thỏa, là tự nhiên thành viết đúng? Bởi vì qui luật kết hợp của lối lẽ do cha ông truyền lại vốn bao hàm một ý nghĩa thâm trầm. (1)

Ngôn ngữ giúp thi sĩ viết hay, triết gia viết đúng: Alain có lạc quan quá chăng? Trong tiếng nói cha ông có gửi gắm sự khôn

ngoan, dĩ nhiên là vậy. Nhưng ông Alain có nghĩ chăng rằng trong đó cũng có phần ảnh cả những cái không khôn ngoan và cả những cái trái với sự khôn ngoan? Tại sao không? Dân tộc nào dám chắc mình không có nhược điểm, ngôn ngữ nào không có những chỗ lảm cùm? Trong tiếng anh, *pants, trousers, breeches, shorts, socks v.v...* đều thuộc số nhiều cả. Áo số ít, quần thì số nhiều, tại sao vậy? Thật khó mà tin rằng phải có sự khôn ngoan lớn lao trong những chiếc quần thuộc số nhiều ấy.

Vậy trong tiếng nói, có biểu lộ các sở trường mà chắc chắn cũng có cả những sở đoản của dân tộc. « Kể nào am hiểu tường tận tiếng nói của mình thì biết được nhiều hơn là mình vẫn tưởng ». (2)

cụ tượng, không lấy gì làm lạ?

Kể nào am hiểu tường tận tiếng nói của mình... » (3), kẻ ấy chắc chắn không phải là một người Việt Nam. Ngành ngữ học ở Âu Mỹ phát triển sớm và tiến xa hơn ở ta nhiều, thế mà câu nói về chuyện « am hiểu tường tận » của Alain còn là một lời ước ao. Còn chúng ta, xưa kia tiếng nói nôm na kẻ học thức không chịu dùng vào văn chương, nói gì đến việc nghiên cứu tìm hiểu nó? Chuyện ngữ pháp, văn pháp, văn phạm, mẹo tiếng Nam v.v., chẳng qua là những chuyện mới hát chước theo... kiểu tây cả.

Dù mới tìm hiểu không lâu đã có người nhận thấy tiếng nói của chúng ta có những đặc điểm lý thú.

(1) « Bien écrire n'est-ce pas développer selon l'affinité des mots, qui enferme science profonde? » (Alain — *Préliminaires à l'esthétique*, trang 101).

(2) Alain. Sđd, trang 99.

(3) Xin xem lại bài « Tiếng nói, một phương tiện? » của V.P ở phần trên.

Hơn ba mươi năm trước, cụ Dương Quảng Hàm đề ý thấy tiếng Nam giàu về các từ ngữ cụ tượng, nghèo về các từ ngữ trừu tượng, nhất là các từ ngữ thuộc phạm vi triết học và khoa học. Cụ Dương nhận xét : « Điều đó không lấy gì làm lạ, vì xưa kia các cụ chưa hề nghiên cứu đến các vấn đề triết học và các khoa học chuyên môn, nên chưa tìm tiếng, đặt tiếng để diễn đạt các tư tưởng ấy. » (4)

Cũng vấn đề từ ngữ cụ tượng ấy, về sau nhiều người khác (các ông Hoài Thanh, Văn Tàn, Nguyễn Hồng Phong v.v...) tiếp tục nêu ra những khía cạnh mới.

Một vài trường hợp thường được đưa ra làm thí dụ : Về cái ý mà người Pháp diễn tả bằng một tiếng « porter », chúng ta dùng bao nhiêu là tiếng khác nhau : âm, bổng, đội, mang, xách, vác, bưng, bê, bế, khuân, chõ, xách, cõng, gánh, quảy, khiêng, khênh, địu v.v... ; về cái ý « trốn », chúng ta phổ diễn bằng bao nhiêu là tiếng khác nhau : dột, tránh, lỉnh, lách, lén, cút, xước, đe, lộn, dủ, xéo v.v... ; về cái ý « la » chúng ta có bao nhiêu là tiếng : hét, tru, kêu, thét, quát, gào, réo, rú, rống, ré, rít, reo v.v...

Chúng ta dùng tiếng nói để mô tả những điệu bộ, cử chỉ, cách thế : vì quả là trong các tiếng cõng, gánh, khuân, bế v.v... có những điệu bộ, cách thức làm việc khác nhau. Nhưng chúng ta không rút được ra từ bấy nhiêu việc làm mà cái ý niệm chung là : nâng một vật lên, chuyển nó đi. Tức cái ý ngụ trong một tiếng « porter » của Pháp.

Thành thử, theo cách nói năng riêng biệt, chúng ta vẽ ra những hình ảnh cụ thể, còn người Pháp thì đi đến cái ý trừu tượng. Và ở những trường hợp vừa dẫn trên đây không hề có vấn đề triết học, khoa học chuyên môn nào cả : tự dưng chúng ta thiên về cái cụ tượng trong khi có những dân tộc khác thiên về cái trừu tượng vậy thôi.

Lẽ nào « điều đó không lấy gì làm lạ » ?

(4) *Việt Nam văn học sử giản*, Trung tâm học liệu in lần thứ 10, năm 1968, trang 407.

« **Q**uần bất kiến Hoàng hà chí thủy thiên thượng lai,
Bôn lưu đảo hải bất phục hồi. »

Nước sông Hoàng hà trong câu thơ Tàu tha hồ có thể đảo Nam hải, đảo Bắc hải, đảo Đông hải v.v..., tiếng *đảo* vẫn thích hợp như thường.

Nếu có một con sông như thế chảy trong câu thơ Việt thì mỗi sự đổi hướng của nó sẽ gây chuyện phiền toái hơn : Chảy ra bể Bắc, chảy vào bể Nam, chảy xuống bể Đông v.v..., phải nói vậy mới nghe được.

Một người nói tiếng Việt có thể khiến bạn bè bật cười vì những lỗi lầm như : « Tôi vừa ra Chợ Lớn, vào Sài Gòn, xuống Lăng Cha Cả, lên Cần Thơ v.v... » Kẽ xài tiếng Tây tiếng Mỹ không gặp những rắc rối ấy.

Kẽ ra người Việt cũng có thể nói : đi Sài Gòn, đi Cần thơ, đi Chợ lớn v.v..., không cần chỉ rõ phương hướng di chuyển, cũng như người Pháp nói « aller à », người Mỹ nói « go to... » từ phương vậy. Nhưng thường thường người Việt thông thạo lại không chịu cách nói dễ dãi ấy.

Kẽ nói *ra, vào, lên, xuống* mô tả rõ ràng, cụ thể sự di chuyển. Còn dùng tiếng *đ*, tiếng *to* lại chứng tỏ một khả năng trừu tượng, rút ra một ý niệm chung ngụ trong những tiếng chỉ chiều hướng khác nhau.

Ở đây cũng chẳng có vấn đề triết học, khoa học chuyên môn gì ráo. Chúng ta như tưởng có trong đầu một hình ảnh quá cụ thể về sự di chuyển trong không gian, vậy thôi.

Lại nữa, khi người Pháp nói : « Elle est belle », chúng ta không dịch ra làm sao cho phải. « Cô ấy đẹp chẳng ? » Không chắc đâu. *Elle* là cô ấy, cũng có thể là bà ấy, là bà cụ ấy, bà di ấy, thím ấy, chị ấy, nàng ấy, mẹ ấy v.v...

Tiếng *elle* của Pháp thuộc một tự loại mà chúng ta có người gọi là nhân vật đại danh tự, có người gọi là ngôi tự. Trong Pháp ngữ, mỗi ngôi chỉ có một vài tiếng để chỉ chung các nhân vật thuộc số ít, và một tiếng chỉ các nhân vật thuộc số nhiều. Trong Việt ngữ mỗi ngôi dùng không biết bao nhiêu là tiếng khác nhau.

Đại danh tự là tiếng thay thế cho danh tự, nhưng chúng ta lại không muốn cho danh tự bị thay thế. Một tiếng « vous » thay thế tất cả mọi danh tự ở ngôi thứ hai trong Pháp ngữ. Ở ta, thì không hề có một tiếng nào được phép đại diện rộng rãi như vậy, chúng ta vẫn xưng hô phân biệt : anh, ông, chị, bà, quý ngài, các cháu, cô, đợng v.v...

Ở đây lại có vấn đề tiếng cụ tượng nữa.

Trong những cô, bác, ông, anh v.v... nọ, mỗi người có hai tư cách : một là cái tư cách của nhân vật có liên hệ thân thuộc, có quan hệ tôn ti với nhau, một nữa là cái tư cách một kẻ đối thoại với ta. Trong tư cách sau này, họ bình đẳng với nhau, họ là « vous » như nhau.

Nhưng để gọi « vous », phải vận dụng óc trừu tượng để rút ra từ bao nhiêu nhân vật khác nhau nọ một tư cách giống nhau. Chúng ta không làm công việc ấy trông khi nói năng.

Khi dân tộc ta bắt đầu tiếp xúc với dân tộc Trung hoa thì trình độ văn hóa ta thấp hơn văn hóa họ, xã hội ta tổ chức kém xã hội họ. Người Tàu đã đưa vào ta một số kỹ thuật mới, tất nhiên cũng đưa sang ta cả những từ ngữ mới liên quan với kỹ thuật ấy. Cũng như thế, ta học được của người Tàu nhiều điều về tổ chức chính trị từ cơ sở lên đến trung ương, và đồng thời ta mượn luôn của họ những từ ngữ thuộc sinh hoạt chính trị : xã, thôn, hương, lý, triều đình, quan, dân v.v... Ta học của họ nhiều kiến thức và đồng thời cũng nhiều từ ngữ về triết học, tôn giáo, y thuật : âm, dương, liêm, sĩ, thiện, ác, tạng, phủ, hư, thực v.v...

Tuyệt đại đa số những tiếng chỉ về tư tưởng, học thuật, về sinh hoạt chính trị, kinh tế v.v... là những tiếng mượn của người Tàu, và cũng là những tiếng trừu tượng. Như thế không lạ.

Nhưng cái lạ là ở những chuyện không liên quan gì đến học thuật, tư tưởng, chính trị, v.v..., những chuyện mà trước khi gặp người Tàu đầu tiên dân tộc ta vẫn làm, vẫn nói đến. Thế mà ở những chuyện ấy các dân tộc khác có những lối nói chứng tỏ một

óc trầu tượng, trong khi lối nói của chúng ta biểu lộ một khuynh hướng thích cái cụ thể.

Trong trường hợp các tiếng ầm, bồng, khuôn, vác v.v..., trốn lính v.v..., hò, hét, la, kêu v.v..., cũng như trong trường hợp ra, vào, lên, xuống cũng lại như trong trường hợp xưng hô về ngôi ở ngôi kia, chúng ta thấy có một thiên năng về cái cụ tượng hiện hiện trong Việt ngữ ngay từ trước khi có sự can thiệp của ảnh hưởng Hoa ngữ. Chúng ta đâu có chờ đợi đến lúc gặp mặt người Tàu mới quyết định lối xưng hô trong khi trò chuyện?

VÔ PHIÊN

TẶNG

*tặng tôi nhé, sớm mai hồng,
để thương trời đất bằng bình chân mây.
tặng tôi nhé sớm mai đây,
lòng cũng no gió xum vầy biển khơi.
tặng tôi nhé sớm mai tơ,
nắng hân cây cỏ trái mơ lũng ngàn.
tặng tôi nhé sớm mai vàng,
thay quần áo mới ôm đàn đi rong.*

*phải em là sớm mai ngon
để tin đời sống vẫn còn sớm mai.*

BÙI ĐỨC LONG

trùng dương

NGOÀI BÃI

Nằm dài trên bãi biển, Quỳnh vẫn không ngừng ngẫm ngàng về tất cả những gì đã xảy ra và đưa anh tới bãi biển này buổi sáng hôm nay.

Buổi sáng, nếu bọn nhỏ không đánh thức anh dậy để sửa soạn sẵn chờ Thủy đến, có lẽ anh đã không dám tin là Thủy đã đến hôm qua, đã dùng cơm với anh và các con anh, đã gọi lại cho anh một kỷ niệm mơ hồ như chưa từng xảy ra trong quá khứ cách nay cả mười năm, có lẽ anh đã tin chắc rằng anh vừa nằm mơ một giấc mơ mà trong đó anh đã sống giữa cái điểm giao nhau của hiện tại với thời gian cách đó mười năm. Cách nay mười năm? Lần đầu tiên sau khi tưởng mọi chuyện đã chìm vào màu nhạt phai của kỷ ức, một câu hỏi đã làm Quỳnh quay quắt mấy tháng hồi đó trôi dấy: Quỳnh đã yêu cô học trò mười bảy đột nhiên bỏ lớp ảo nghịch ngợm đến thăm Quỳnh không lý do để bàn về một tác giả hiện sinh của Pháp với một nét dấn vật trên khuôn mặt trẻ? Câu trả lời chưa có bởi liền sau sự biến mất tiêu của Thủy, Quỳnh đã chấm dứt cơn quay quắt của mình bằng cách rời nhà đi và sau đó nửa năm, lập gia đình, dễ rồi từ đó, anh chừa vui tất cả. Dẫu sao, anh đã tìm được cách ra khỏi tòa nhà cô bé mặt một cách an toàn bằng cuộc sống bình thường đều đều không sóng gió và bằng lòng như thế.

Bây giờ, đột nhiên Thủy hiện ra và khơi dậy tất cả những gì đã được chìm sâu chôn chặt khi còn trong trứng nước.

Quỳnh hé mắt khi có cảm tưởng bị rình rập. Bất thần một số nước biển đổ ào lên người anh làm anh lại vội nhắm mắt lại.

Vân và Thúc phá lên cười rồi ú té xách xô dước chạy xuống biển. Quỳnh ngồi dậy nhìn theo chúng. Từng đợt sóng từ xa vào bờ thật hùng hồ và ẹp dần khi kéo nhau lên bãi. Quỳnh tự do sánh mình với một kẻ đi biển gặp bão, tàu bị đắm, còn mình trôi vào một vùng đất lạ. Quỳnh đang ở trên vùng đất lạ. Thủy nằm dài phía trong đang đọc sách dưới hàng dương. Quỳnh muốn vào đó nhưng ngần ngại, ngượng ngáp. Cuối cùng, Quỳnh quyết định đứng dậy đi tới chỗ Thủy. Thủy vẫn mãi miết đọc sách, một cuốn sách bằng Anh ngữ khá dày, chữ nhỏ. Nàng nằm xấp trên một chiếc khăn bông và Quỳnh không thể không ngắm thân thể đầy đặn của nàng bó gọn trong bộ đồ tắm hai mảnh màu xanh lá cây. Ánh nắng xuyên qua những cành dương nhảy múa theo gió thổi từ biển trên làn da nâu hồng đầy sinh lực của nàng.

Đột nhiên Thủy ngừng lên, mỉm cười khi thấy Quỳnh qua đôi kính mát kiểu hí-pi :

— Thầy không tắm ?

Quỳnh nghe nóng hai bên mang tai, có cảm tưởng như chính cái nhìn của anh trên thân thể Thủy đã đánh thức nàng ra khỏi những giòng chữ trên giấy :

— Các em đâu rồi, thầy ?

Quỳnh hất đầu về phía bãi, rồi nhìn xuống cuốn sách :

— Thủy đang đọc gì vậy ?

— Một cuốn truyện của Elia Kazan. *The Arrangement*.

Quỳnh ngồi xuống, tai vẫn còn nóng, cầm cuốn sách lật xem cái bìa như một cách che dấu sự bối rối. Thủy đọc đã được hai phần ba cuốn sách. Nàng ngồi dậy, hai tay bó gối.

— Tiếng Anh thì tôi chịu.

— Truyện này nổi tiếng lắm. Chả biết tiếng Pháp họ dịch là gì nhưng bản Việt ngữ ở đây có người đã dịch, lấy lên là *Trở Lại Thiên Đường* hay gì đó, nhưng dường như bản Việt ngữ bị cắt bỏ mất mấy chương không thấy dịch giả nói lý do.

Quỳnh nhìn tên tác giả trên bìa sách :

— Dường như ông này là một đạo diễn mà. Tôi nhớ có xem vài phim của ông ta.

— Đúng thế. Ông ta là một đạo diễn và có lẽ đó là một đạo diễn điện ảnh đầu tiên viết văn mà thành công. Từ hồi nào tới giờ

đường như chỉ có nhà văn xoay ra làm đạo diễn và thành công, chưa hề có trường hợp đạo diễn xoay ra làm nhà văn mà thành công. Elia Kazan là người đã phá vỡ được cái gàn như đã trở thành định luật đó. Phải nhận rằng cuốn sách viết thật lạ với một cái style đơn sơ chân thực đi thẳng vào lòng người.

Đôi mắt Thủy say sưa nhìn ra mặt biển sóng nhấp nhô trong khi nói khiến Quỳnh ngẩn ra nhìn.

— Đó là câu chuyện về một người đàn ông có một cuộc sống ngăn nắp, một công việc ổn định và sinh lợi, những mối tình giai đoạn nhưng sống phăng và một gia đình nề nếp với một bà vợ hiền biết; rồi đột nhiên một người đàn bà khác xuất hiện vào theo cái định mệnh của người đàn ông và mọi chuyện bỗng thay đổi chỉ vì người đàn bà đó đã có gan nói thật tất cả những gì mà người khác không dám nói, sống thực tất cả những gì mà người khác không dám hoặc chỉ sống cách lén lút.

Thủy ngừng lại, đôi mắt long lanh sáng. Quỳnh nhìn theo tia nhìn của nàng và nhận thấy nàng đang chú ý tới một cặp trai gái trong bộ đồ tắm trạc hai mươi đuổi nhau từ dưới bãi lên. Người con gái chạy trước, cát quần quít lấy đôi chân nhỏ của nàng, mái tóc dài bay bay, tiếng cười đứt quãng của nàng vang tới chỗ hai người. Có một lúc nàng khụy xuống trên hai gối nhưng tiếp tục bò trong khi người con trai có mái tóc dài chụp được hông nàng. Cả hai lăn tròn trên cát, khuất sau một đụn cát. Một lúc thật lâu, họ dlu nhau đứng dậy và tiến về phía Quỳnh và Thủy, vừa đi vừa phủi cát lên cho nhau.

Quỳnh đột nhiên quay mặt đi chỗ khác như lần tránh, như một phản xạ tự nhiên. Nhưng đã trễ. Đạo diễn nhận ra Quỳnh. Đã chẳng có vẻ ngượng về trò đùa với cô gái mà Quỳnh nhìn thấy, gã còn nhìn Quỳnh, nhìn Thủy rồi nhìn Quỳnh như dò xét.

— Thầy ạ.

Xong hồn nhiên giới thiệu cô gái:

— Trang, bạn em. Thầy Quỳnh dạy triết lớp anh.

Và cô về chờ đợi Quỳnh giới thiệu Thủy. Quỳnh miễn cưỡng giới thiệu:

— Thủy, học trò cũ của thầy, hiện là ký giả.

— Chứ không phải cô nhà?

Đạo nhìn Thủy tò mò nhưng bắt gặp ánh mắt và nụ cười bằng thần của nàng khiến Đạo tự nhiên cười đáp lại. Thủy đưa tay ra bắt tay cô gái và Đạo :

— Ra anh đang học thầy Quỳnh?

Đạo kéo cô gái ngồi xuống khiến Quỳnh căng cảm thấy mất tự nhiên, nhất là khi nhận thấy mọi người có vẻ thoải mái với nhau ngay một cách dễ dàng, chứ không cực nhọc như anh.

— Nhưng tôi dốt triết lắm. Bị thầy Quỳnh la hoai. Tôi mà học thầy ở trường công, chắc là bị thầy đuổi quá. Phải không thầy ?

Quỳnh nhìn Đạo gương cười, tự hỏi không biết anh chàng có sẽ đem chuyện vẽ hí họa Quỳnh trong lớp ra kể huych toét cho Thủy nghe không đây. Quả thực anh không quen với trò chơi đồ của Đạo. Hơn thế nữa, bức hí họa Đạo vẽ anh có cái vẽ sống động tới độ làm Quỳnh e ngại cái lối nhìn anh của Đạo. Nó phản ánh một sự nhạo báng đối với nếp sống đạo đức khuôn thước bấy lâu của Quỳnh, nó tố cáo sự ngạo mạn của lớp người trẻ muốn sống theo bản chất thực của họ và ghét những cái khuôn thước của xã hội đặt đề sẵn cho họ mà những người như Quỳnh có hồn phận trình bày với họ.

May mắn cho Quỳnh là Đạo như đã quên chuyện đó. Gã có vẻ chú ý tới Thủy và nghề nghiệp của nàng :

— Làm báo có vui không chị ?

— Vui hay không, tùy tâm trạng của mình mỗi lúc.

— Chị chuyên về cái gì ở tòa soạn ?

— Anh hỏi một câu như vậy khó trả lời cho một ký giả Việt Nam đấy nhé.

— Tại sao ?

— Bởi vì như một nhà báo kỳ cựu Việt Nam đã nói « làm báo phải như một con dao pha ».

— Thì cũng phải có giới hạn nào chứ. Chẳng hạn như chị đi săn tin hay ngồi ở tòa soạn lược tin ? Nếu săn tin thì chị chuyên về loại tin nào ? Hay là chị chuyên dịch tin, dịch tài liệu ? Ý tôi muốn hỏi vậy đó.

— Anh cũng khá am hiểu về sinh hoạt báo chí đấy, phải không ?

— Tôi có ông chú làm báo nên đến chỗ ông làm chơi luôn. Ông ta là một nhà báo thất bại, không nổi danh nhưng mê kể chuyện báo chí cho tôi nghe. Thực ra tôi cũng có mộng làm báo. Nhưng không phải làm ký giả, viết bài hay chạy tin, mà vẽ hí họa.

Quỳnh ngó Đạo, nhưng Đạo có vẻ không bận tâm tới sự hiện diện của Quỳnh.

— Tôi thường sưu tập các tranh hí họa ngoại quốc và tìm hiểu về các họa sĩ hí họa quốc tế. Tiếc là ở Việt Nam ngành này chưa phát triển, nhưng đó cũng là cái hay bởi vì đất hí họa còn hoang, mặc sức tung hoành nếu muốn.

Lần đầu tiên Đạo làm Quỳnh ngạc nhiên. Bấy lâu anh vẫn coi thường anh học trò lười biếng này. Quả thật, đằng sau cái vẻ lười biếng đó của Đạo chứa đựng một cái gì đó mà Quỳnh mới chỉ biết một cách hơi hợt và lại không muốn đào sâu.

— Chắc anh vẽ hí họa khá lắm ?

— Tôi làm sao dám nói là mình vẽ khá được ? Cái đó xin để thầy Quỳnh nhận xét. Thấy thấy em vẽ ra sao, thầy ?

Quỳnh bối rối rồi nghiêm giọng :

— Tôi nói rồi. Cái gì cũng phải đúng lúc đúng nơi của nó. Thủy có vẽ không hiệu. Đạo phá lên cười, vui vẻ kể :

— Chị Thủy biết không ? Số là một lần thầy Quỳnh cho bài, tôi không biết làm, nhưng tôi cũng không thích dở sách ra xem như những đứa khác, bỏ ra sẵn sự giám thị bắt gộp. Ngồi không tôi vẽ thầy rồi nạp bài. Thấy giận em lắm em biết. Nhưng thầy phải ghi nhận là em không ăn gian chứ ?

Quỳnh chỉ ậm ừ. Thủy cũng phá lên cười theo. Quỳnh bỗng cảm thấy mình là cái bìa cho hai người trẻ, kể cả cô bạn gái của Đạo lúc đó đang nằm dài trên cát mặt lìm đim cũng ngoái lại nhìn Quỳnh tò mò khi Đạo nói :

— Phải nhận là thầy Quỳnh có nói lắm phải không chị Thủy ? Tôi vẽ cả một cuốn tập vẽ thầy mà thầy không biết. Bữa nào tôi ghé chỗ chị làm cho chị coi cuốn tập đó. May ra chị giới thiệu tôi với báo chị.

Quỳnh nghĩ quả thực ông thầy thời nay không còn đáng sợ dưới mắt học trò, và anh có cảm tưởng dường như chính vì

nghiêm trang đạo mạo của mình — cái phao của nhà giáo — thường lại bị đem ra giễu cợt. Dường như đoán được vẻ khó chịu của Quỳnh, Thùy lái câu chuyện sang chỗ khác :

— Muốn gì thì gì, theo chỗ tôi biết và đo cũng chính là quan niệm của tôi : muốn tiến xa trong một nghề nghiệp nào đó, anh phải có một căn bản văn hóa cho chắc chắn. Tất một điều là học cho xong khi mình còn có điều kiện và phương tiện. Anh đã dự tính chọn ngành nào đi sau khi đậu Tú tài chưa ?

Đạo cười :

— Đúng là quan niệm chỉ con gái mới có quyền nghĩ. Tại tôi con trai nghĩ khác : gì thì gì, hằng gắng đậu đều mỗi năm để có thể tiếp tục được động viên tại chỗ đã khi hoàn cảnh còn cho phép. Còn chọn ngành nào ấy à, đó cũng là độc quyền của con gái. Con trai tại tôi, ngành nó chọn, chờ tại tôi đâu được quyền chọn. Nghĩa là, nếu đậu tú tài, tại tôi sẽ ghi danh tưới hạt sen, cuối năm đậu phân khoa nào thì theo phân khoa ấy luôn, khỏi tính toán chi lỗi thời !

Một bầu không khí im lặng bỗng bao trùm mọi người. Một lát, Thùy nói nhỏ, chưa xốt :

— Cách nay mười năm, tôi và các bạn tôi cũng nghĩ như anh, nghĩa là ghi danh nhiều phân khoa một lúc rồi học cầu may. Đầu ngờ mười năm sau, nền học vấn của ta vẫn chỉ có một tình trạng đó. Dù anh viện cớ chiến tranh gì gì đi chăng nữa, tôi vẫn chỉ thấy có một điều : chẳng có sự hướng dẫn nào dành cho thế hệ trẻ cả.

Quỳnh nhìn hai người trẻ, phân vân. May mắn cho mọi người là cô bạn gái của Đạo chợt ngồi dậy, phá đi bầu không khí nặng nề, giọng hơi bực dọc vì phải nghe những điều chẳng liên hệ gì tới chuyện đi nghĩ của họ :

— Thôi, Đạo. Xuống tắm đi kẻo tới giờ về Sài Gòn hãy giờ. Ra đây đề nghĩ chờ đâu phải để ngồi nói chuyện. Đi ?

Vừa nói, cô gái có khuôn mặt đẹp nhưng hơi đần độn với thân hình nầy nở đứng dậy kéo Đạo đứng lên. Thùy cười thành tiếng, cũng đứng dậy theo, vui vẻ :

— Cô Trang nói phải đó. Mình đi tắm đi. Thầy xuống tắm không thầy ?

Quỳnh lắc đầu. Ba người trẻ đuổi theo nhau xuống bãi trong tiếng cười vạm vỡ. Quỳnh nằm xuống mặt cát ấm. Anh không rõ mình nghĩ gì. Chỉ thấy lạc lõng và u trệ. Những người trẻ như Thủy, Đạo, thì họ ưu tư đầy rồi hồn nhiên yêu đời ấy. Và họ gặp nhau ở điểm đó, họ thân thiết với nhau để dàng do điểm đó. Nhìn thẳng vào cuộc sống, và rồi cười phá lên nhẹ nhàng, và rồi sống dậy phời phời. Trong khi Quỳnh...

Tiếng cười giòn của ba người vọng tới chỗ Quỳnh nằm. Bỗng dưng Quỳnh cảm thấy một ghen tức mơ hồ, không rõ là ghen với sức sống của tuổi trẻ nơi họ, hay là ghen với lối làm quen dễ dàng giữa Thủy và Đạo. Anh có cảm tưởng mình bị đẩy lại phía sau cuộc sống nhưng anh vẫn còn đủ sức để lý luận tại mình là thầy chúng, mình là một nhà mô phạm, một người chỉ có cái vấn đề triết học là có thể làm mình bận tâm và vân vân.

TRUNG DƯƠNG

ĐUỔI THEO

*nàng đến mà che mưa với nắng
hái hồn tìm đuổi lá sang sông
trời lóc mưa hôm ra biển vắng
chẽ là huy mun có còn không ?
hăm chút âm vang ngày thu trắng
đùa hia mây nguyệt xuống lưng đồng.*

NGUYỄN VIÊN CHÂN

GIỚI THIỆU MỘT TRUYỆN NGẮN QUỐC TẾ

ĐÔI MẮT MÙA XUÂN

Nguyên tác : K.T. MOHAMED

Bản dịch : HOÀNG TRÚC LY

Tác giả K. L. Mohamed một văn sĩ Ấn nổi tiếng về truyện ngắn và kịch, sinh năm 1929 thuộc tiểu bang Kerala. Ông có lối nhìn mê hoặc của Đông phương : trầm mà không lạnh, mỗi liếc mắt là một lưỡi dao. Với nhận xét đó, người dịch quả thật không muốn giới thiệu dài dòng hơn, chẳng hạn : truyện ngắn của ông dưới đây từng được giải nhất một cuộc thi truyện ngắn quốc tế, tổ chức tại Ấn Độ từ năm 1950.

Họ mỉm cười khi nhìn tôi, những ai ai có mắt để nhìn. Vài người cười ré lên. Rất nhiều chuyện hoạt kê, kể lể quanh tôi. Dù sao, tôi quá biết họ nói gì, điều gì khiến họ cười như bầy lừa ngu ngốc. Lý do : tôi cũng có một người yêu. Hơn nữa, tôi thành hôn với nàng. Như thế nào tôi hóa nên người yêu và người chồng : họ đã cười và cười, cầm bằng một kỳ quan. Bọn nào cần hiểu trò... tiêu khiển, họ sẽ mời bạn gặp tôi. Vâng, tôi đứng trước mặt bạn đây. Vì đâu nơi tôi có quá nhiều quái dị ? Nhưng... sao đi nữa, tôi vẫn là người.

Tôi, một người lùn, đen như than, chân tay thừa thãi. Đầu quá lớn, đứng đầu mọi hình thể méo mó, thô thiển. Nét mặt u ám. Đôi mắt thụt trong hai lỗ sâu hoắm. Mũi sư tử. Mồm lớn như mồm... ếch ương. Vầng trán càng thấp vì hai vành tai dài quá khổ. Da mặt như những vết chim mổ, tổ cáo căn bệnh đậu mùa tôi bị lây thưở lên mười đã... háu ăn nhường nào ! Lại một lần

vấp ngã thối bé dai lắm... què chân mặt của tôi. Như thế, đích thực tôi là trái nùi của... xấu xí ! Họ bảo nhau : gặp tôi lần đầu, tưởng gặp con khỉ đen. Nhưng có ai thấy khỉ mà cần cười đâu ? Giọng cười bật lên, chỉ khi nào nhận ra con vật giống khỉ lại là con người. Đang đi trên đường, tôi nghe có người bảo tôi giống... thằng gù nhà thờ Đức Bà dù sau lưng không mọc cục bướu. Cố nhiên, tôi không dừng lại để đính chính.

Khi gặp các cô gái lộng lẫy tung tăng dạo phố, tôi thu mình lại như bông cỏ hồ người. Chắc hẳn họ vội quay mặt, như các vị thánh sống thoảng thấy chim cú mang điếm gở. Ngay khi các thiếu nữ kiêu căng chối bỏ, không kinh trọng tình cảm của tôi như của con người, tôi có nghe bi thiết một lời khấn khẩn... Thì ra tôi còn thêm mỹ quan, còn hiết tẩn thương vẻ đẹp. Có thể đó là tội lỗi, không dung tha được chăng ? Vắn tắt, cuộc sống này loan báo cho tôi hiểu : người như tôi không quyền sống. Tôi vẫn hiểu.

Người cha lia đời trước khi đưa con đã đủ trí khôn. Sự di truyền huyết thống ảnh hưởng ra sao, có can hệ gì đến con người lệch lạc của tôi chăng ? Ai trách nhiệm trong hậu quả cấu tạo tôi nghiệp này ? Người cha ? Người mẹ ? Không. Tôi không thể oán trách. Tại sao lại oán trách ? Tôi đã được chào đời. Đưa con không thể ngã lòng, cả người mẹ, không thể ngã xuống như người cha. Đốt xương gia đình, ngọn cây đồng họ này phải do chúng tôi tận lực bảo vệ, biết có rặt rào nhựa sống và sống mãi chăng ?

Con người giữa xã hội và tình cảm gia đình khởi sự nung nấu qua người mẹ đầy thiện tâm. — « Con ơi ! Con không cười vợ à ? » Tôi không ngạc nhiên vì câu hỏi của mẹ. Lòng tôi chỉ se lại. — « Dạ, thưa mẹ, cười vợ là bổn phận mà... » Từ hôm đó, mẹ tôi bắt đầu hỏi chuyện bà láng giềng bạc tóc, chuyện thăm hỏi kéo dài suốt mấy hôm. Chiều chiều, bà trở lại nhà ánh mắt tràn xớt xa, buộc tôi phải ái ngại. — « Mẹ ơi ! Có việc gì thế ? » — « Không có gì cả ». Sau mấy tiếng « Không có gì », dường như tôi nghe cả nhịp đập thất vọng của trái tim người mẹ !

Rồi nửa tháng trời qua. Mẹ tôi không còn rời khỏi nhà. Rồi những người trước đây không nhạo báng tôi, nay cũng phải cười.

Một gã tóc nân làm ra vẻ thương hại : — « Tôi nghiệp anh ta !
 Mẹ còn vất vả thế nào nữa, nếu muốn tìm vợ cho con ? Lấy
 ngay Toàn Năng ! Sao Ngải tạo ra một con người... đến vậy ? »
 Thấy tôi, đã lặng lẽ làm đẹp, phục sức bảnh bao. Khốn nỗi, bao
 cố gắng càng chọc cười thiên hạ. Có phải vì làm đẹp, tôi hóa
 nên quái gở hơn ? Ôi ! Con quạ làm sao biến thành bạch nga, nếu
 chỉ cần... tắm rửa ?

Xin kể tiếp chuyện đời tôi. Cuối cùng, người yêu đã đến.
 Sự hãy kiên nhẫn : tôi đang dài dòng một chuyện tình. Tôi thêm
 một yêu và được yêu. Cố nhiên, cô sao đâu ? Chuyện kỳ diệu
 buộc về người con gái đã yêu, và làm vợ tôi sau đó. Nàng không
 cần nhìn đến dung mạo của tôi, nghìn lần không. Dung mạo đó,
 một lần bất gặp, bao cặp mắt lánh xa, bao cõi lòng... khiếp đảm !

Mẹ tôi thất bại từ đầu đến cuối, trong cố gắng tìm cô dâu.
 Cái ai ưng thuận làm vợ con người... khỉ ! Bà mẹ như oằn vai
 dưới gánh nặng của thất bại. Bệnh già khôn thoát khỏi của
 người mẹ luống tuổi, nhân đó càng hành hạ. Mẹ thân ái, mẹ ve
 vuốt trái tim khô cháy, tay mẹ dịu dàng ngọn gió thương yêu,
 mẹ của tôi. Bằng sợi dây vàng của tình thương, người mẹ buộc
 tôi vào cõi đời không tình thương này. Mẹ đích thực là nguồn
 sống. Duy người mới nhận ra vài nét đẹp ngay trong sự... ghê
 tởm của đứa con. Vậy mà người mẹ đã chết. Tôi cô đơn tới cùng.
 Tôi không khác cho sự ra đi, bởi người đàn còn sức chịu đựng
 để ở lại.

Và biến cố đưa đến. Tiếng gậy quơ vào bức cửa, tiếng
 van lơn một cô gái : — « Xin giúp kẻ bần hàn » ! Thì ra một cô
 gái ăn xin. — « Thừa, tôi mù lòa, tàn tật. » Tôi nhìn thẳng vào
 đôi mắt thiếu nữ. Đúng là đôi mắt tật nguyền ! Tôi bỗng quên
 thân phận mình, tự nhủ : — « Khổ quá ! Cô nàng quá trẻ, không
 có mắt, đời còn gì đâu... » Thiếu nữ không đẹp lắm, duy tím thẫm
 của đôi, mang một cảm độ thanh xuân kỳ ảo. Khốn khổ chưa,
 tôi đã xao xuyến vì nàng ! — « Cô vào đi, ngồi xuống đây... » Qua
 lời mời nhã nhặn, thiếu nữ sà xuống bước tới. Tôi đứng lên đưa
 tay. Có phải lần đầu tiên, tay tôi chạm vào một làn da con gái,
 và lòng tôi tràn ngập những rung động. Tôi nhìn nàng, một lần
 nữa. Dù mù lòa, khuôn mặt tuổi trẻ hãy còn nhiều cuốn hút.

Bây giờ đôi vú cao, nhọn của nàng gần sát ngực tôi. Trước khi kịp tưởng tượng, tôi rung mình như bất giờ gặp gió lạnh. Tôi mím lại, chân tay tôi cử động một cách bối rối, hơi thở gấp rút hẳn.

— « Cô ngồi đây, tự nhiên... » Tôi run giọng, sau khi đưa nàng đến chiếc ghế cuối hành lang. Nàng cảm biết tay tôi run lên chùng ? Tôi tặng nàng một phần bữa ăn vừa dọn, một đồng « roupie ». Nàng bảo tên Lecla, hiện cùng mẹ già sống trong rạp lều phía sau một cơ xưởng. Lúc tạm biệt, tôi dặn nàng nhớ trở lại.

Và Lecla đến thường xuyên. Mọi việc dần dần thành thói quen. Chúng tôi tỉ tê chuyện trò. Như trút được gánh nặng một trái tim, một cuộc đời, những ngày còn lại trên đời đã cảm đi tôi nhiều quá ! Đôi mắt Lecla ? Giá không mù lòa, nàng lộng lẫy xiết bao ! Một léc mắt giai nhân, há không điên đảo bao người ? Dù chỉ học qua kinh nghiệm... người khác, tôi vẫn hiểu được ý tưởng đó. Lòng chưa chán khát vọng, những ước mơ của tôi thật mạnh mẽ. Ôi ! Lecla có được đôi mắt ! Chả biết khát vọng trong tôi sẽ... cuồng vọng đến đâu ? Không mù, Lecla khỏi phải xin ăn. Cầm bằng ăn xin chẳng nữa, nàng sẽ không nhận nơi tôi một chút gì ngoài quả... bố thí ! Đôi mắt kia sẽ ngăn cản nàng đến bên tôi, kẻ lẽ với tôi, ngày lại ngày. Tôi nghĩ như vậy, một cách vị kỷ, vô lương tâm, bởi chính tôi nào khác chi mọi người. Phải chăng là một tội lỗi ?

Gần xa hay biết, và không ai bực tức, về những buổi hẹn giữa chúng tôi. Con người... khổ đã là đối tượng chế nhạo. Nay thêm chuyện tình người khổ với cô gái mù, càng thêm nguyên do nhạo báng tha hồ ! Thiên hạ reo lên trước sự kết hợp của đôi mù và què quặt. Thật hái hước lắm không ?

Ngày kia, tôi hỏi nàng : — « Lecla ! Em nghĩ sao về anh ? » Nàng cười then thúng cho tôi lặng người vì sung sướng. Tôi nhắc : « Trả lời đi, Lecla ! » Nàng vẫn cười, đáp khẽ : — « Em có thể nói anh là một người... xấu xí không ? » Nàng thông minh và thành thực, tôi rất hài lòng. Không dự định, duy bất chợt cảm hứng, tôi hỏi tiếp, hỏi hỏ : « — Em thích anh không, hử Lecla ? » Nàng đỏ mặt, gật đầu, không dám nói gì hơn. Xiết bao

điểm ảo giữa cuộc đời còn chất chứa bên trong dáng điệu của nàng ?

Và Lecla cuống quýt ra về. Lecla ! Cuối cùng, tôi hãy còn một tên gọi, để gọi lên tất cả yêu thương giữa vũ trụ mệnh mỏng, sa mạc. Tôi hãy còn một người để chờ mong với niềm vui nồng nàn. Đợi tôi bấy lâu hoang vắng, nay thanh thoát và đáng sống rồi. Không là may mắn sao ? Những ai ai từng nhạo báng, những ai từng thù nghịch của tôi, họ đã cận kề với Lecla về nét khùng khiếp trên dung mạo người yêu nàng hay chưa ? Ai biết đâu ? Chỉ biết Lecla khó mà phân biệt về đẹp hoặc với vẻ xấu kinh tởm, khi nàng không phân biệt nổi đêm và ngày. Tôi không nói đôi mắt tột nguyên từ ánh thơ của Lecla là một phúc lành cho riêng tôi, song chắc gì đó là nỗi bất hạnh đúng ý nghĩa của nàng ?

Hôm sau, Lecla lại đến. Tôi mơ mộng một hôn lễ khó hình thành. Một tu sĩ, nhân danh thượng đế, sẽ chứng minh lễ thành hôn giữa người đàn ông và người đàn bà. Tuy nhiên, không một tu sĩ nào, nhân danh thượng đế, sẵn sàng giúp chúng tôi cử hành hôn lễ. Lý do : tất cả đồng quan điểm rất thể tục về những gì họ gọi là « thiêng liêng ». Tôi và Lecla không cùng tôn giáo, vậy không một ai chịu giúp đỡ !

Tôi biết nói sao, cho cả loài người cùng nghe : đàn bà thế giới nhiều hơn đàn ông, nhưng ngoại trừ Lecla, không một đàn bà nào chận lấy tôi làm chồng ! Vấn đề còn lại, làm sao những người nhân danh thượng đế dưới nhiều tên gọi khác nhau, chịu thỏa thuận với nhau. Tôi là người Hồi giáo, phải chăng đó là một thực tại ?

— « Lecla ! Em bằng lòng làm vợ anh không ? » Tôi hỏi, và nàng giật mình. « Anh bảo sao ? Tình yêu của đứa con gái xin ăn mù lòa cũng phải có giới hạn mà... » — « Lecla ! Chỉ cần em xác nhận tôi là một con người. Đủ rồi. Thượng đế đã ban em cho tôi. Giai cấp, tín ngưỡng vốn do con người tự tạo ra ».

Tôi nhìn nỉ non, nhìn đắm đuối đôi môi run run của nàng. Tôi như tội đồ chờ một phán quyết. Chính Lecla sẽ quyết định tôi còn được sống hoặc phải chết. Lecla im lặng. Có nghĩa gì ? — « Nói đi, Lecla ? Anh muốn bảo vệ em. Hãy hứa mang cho

anh hạnh phúc ». Lâu lắm, nàng đáp : « Em... bằng lòng. Em có nghe thiên hạ bàn tán, khinh miệt em, Em ngang qua, họ bảo nhân tính của người đã đến. Với họ, anh xấu xí... » — Lecla ! Với em thì sao ? » — « Em nào biết về xấu mọi người nhắc nhở, vẫn không thấy con khi bao giờ. Cho nên em không chú ý. Có gì khác đâu, nếu họ bảo anh đẹp nhất thế giới ? Em nhìn cả thế giới bằng trái tim. Em vẫn nhìn về đẹp, nét xấu qua trái tim. Riêng anh là người Hồi giáo, em, Ấn độ giáo. Anh không cho là trở lực, em cũng thế. Em nghĩ, cõi nhân gian, còn ai yêu em chân thành nữa ? Nhưng... »

Tôi lo ngại : — « Nhưng... sao có chữ « nhưng », hả em ? » — « Vâng, nhưng... em không còn là thiếu nữ vẹn toàn, để hiến dâng anh ? Chính cái chén kẻ ăn xin — suốt một ngày van lơn chả có gì — đã độc ác rơi vào... bụng dạ rộng không của em và mẹ. Trong một mùng đêm đen tối, em chịu qui hàng con... quái vật đêm đục ! Anh tức giận ư ? Không sao cả. Có người đàn ông nào chịu giúp cho một cô gái xin ăn, với ý nghĩa từ tâm chân chính đâu ? Em nghĩ, ngay cả anh những biểu lộ đầu tiên về tình cảm của anh, cũng do một thúc đẩy tương tự. Anh... tha lỗi cho em. Dù sao, ngày hôm nay, em không quý trọng ai như quý trọng một con người bằng anh cả ». Tôi bàng hoàng. Im lặng một hồi lâu, và tôi nói : — « Lecla ! Chuyện vừa kể vốn từ lòng vị kỷ bản tính của nhân loại. Anh hứa không nghĩ đến ».

Hai hôm sau, hôn lễ giữa chúng tôi cử hành. Không có, không cần vị đại diện thượng đế làm chứng. Vẫn không chờ ai giới thiệu, nàng và tôi — Lecla và Abdulla — đứng bên nhau, trong lặng lẽ chung một lời thề sẽ trở nên bạn đời suốt kiếp.

Tiếng cười của người người chung quanh càng vang lòn. Tiếng cười bí ối, từ khi Lecla và mẹ đến chung sống với tôi. Lẽ cạnh gác tình nguyện của xã hội hướng về chúng tôi, dò xét. Làm sao mọi người thấy được, bên dưới một chuyện tình và hôn nhân của chúng tôi này hai trái tim đâm đuổi ? » — Lecla ! Hãy để yên, mặc họ cười. Chính họ rồi diện đại, xuân ngốc hết ! »

Chúng tôi khởi sự cuộc đời mới. Những ước lệ xã hội thâm mỹ lòn giáo vầy quanh trả thù khủng khiếp. Chúng tôi không được ai hợp tác, không được ai giúp đỡ. Tôi không nói đời sống

vợ chồng hạnh phúc hoàn toàn. Trên hết, đây là sự thôi thúc đến cuồng loạn những bản năng. Đây là đời sống. Vợ chồng tôi không mang ảo vọng về cuộc đời tươi thắm. Nhưng chúng tôi muốn sống. Phải sẵn sàng chống trả mọi rối loạn.

Và rối loạn đến. Lecla sửa soạn làm mẹ. Niềm vui tôi không dám mong trong đời đã biểu hiện. Từ lâu, con người khỉ của tôi, sự mù lòa của nàng không đáng quan tâm nữa. Chúng tôi thấy kẻ mọi lời bàn tán, chế nhạo. Tôi đã được là người tình, người chồng, nay sắp làm người cha ! Tạ ơn thượng đế ! Thượng Đế toàn năng, toàn trí, khi ngài tạo ra Lecla với đôi mắt mù lòa.

Khốn khổ chữa, khoảng 2 tháng trước ngày sanh. Lecla làm bệnh Bác sĩ được mời đến, tôi khẩn cầu ông... hãy giúp nàng. — « Bệnh bà nhà không quá nặng, ông chờ ngại ! À, có phải bà mù từ sơ sanh chăng ? » — « Dạ. » Bác sĩ khám lại, thật cẩn thận đôi mắt Lecla, giọng trang nghiêm. « — Bà nhà có thể nhìn thấy ánh sáng, nhờ khoa giải phẫu mắt. Hãy kiên nhẫn đợi bà bình phục, giờ chưa vội... »

Tôi đảo lộn cả trái tim, cả tuổi đời, cả cuộc đời, chỉ vì một lời bác sĩ. Đôi mắt Lecla sẽ được mang lại ánh sáng. Nàng nhìn thấy, nàng có rung mình khi thấy tôi, người mà nàng kính trọng như một con người, bằng trái tim của nàng, người tình nhân khả ái ? Tôi biết nói sao với bác sĩ ? Tôi muốn gào lên : « — Không, Lecla không cần ánh sáng ! » — « Lecla ! Bác sĩ bảo có thể chữa em khỏi bệnh mù... » Tôi chỉ nói thế. Tôi nói lại như máy nói, một lời nàng đã nghe. Làm sao cắt nghĩa với người vợ mù : sự trong lành đôi mắt ấy sẽ làm nát tan một cuộc đời ? Có phải ai ai cũng nhìn thấy được điểm phúc, khi thoát khỏi đôi mắt tăm tối từ sơ sanh ? Lecla ! Nàng nhìn suốt thâm tâm tôi, không hề biết một hình hài vật chất. Phải chăng ý đời chuyển mới trào dâng cuộn cuộn rồi ? Đang ốm đau, sắc diện nàng vẫn ửng lên thỏa nguyện. « Nếu em thôi mù lòa, em mong ước thế, anh có vui thú không ? Nếu em nhìn được anh, chao ôi, em sẽ thấy anh yêu em nhường nào... » Lúc chia tay, bác sĩ còn dặn dò một lần cuối : « Ông hãy đến tôi khi sức khỏe bà nhà trở lại bình phục. Tôi sẽ cho biết rõ về cuộc giải phẫu mắt ».

Cơn bão tố ồ ạt trong tôi, bên cạnh Lecla bình thản như

bao ngày qua. Đầu óc tôi cháy lên những ý tưởng quyết liệt. Tôi ngồi xuống cuối hành lang, duy nhất nơi đây, tôi tạm được yên tĩnh. Cả chỗ trú bé nhỏ này, rồi ra tan nát mất? Không. Nghĩ lần không. Ồ, bác sĩ! Ông không thể chữa Lecla khỏi bệnh mù. Ông đồng lõa với những kẻ thù thô bỉ, ông giết tôi sao? Tôi sẽ giết ông trước. Ông ném lửa vào đời sống chúng tôi?

Ồ, bác sĩ! Nào phải là một lỗi lầm! Thiên chức một bác sĩ là đấu tranh với bệnh tật. Đui mù không là tật bệnh nguy hiểm sao? Có thể nào thần nhiên trước đôi mắt mù tịt mù? Hãy tặng Lecla nguồn sáng? Dù vậy, tôi cũng đang thêm sống, bác sĩ hiểu gì chăng? Lecla thấu hiểu chăng? Thượng đế ban cho năng sự thông tuệ, phép lạ, ban cho năng... Riêng tôi sẽ trở nên cát bụi — sớm hơn Lecla thấy rõ ra sao con người... khỉ! Tôi bắt từ trong trí nhớ của nàng như kẻ chưa chán ăn ái. Tình nàng hiến dâng tôi, vẽ cuốn hút nàng nhìn ở tôi — bằng trái tim — rồi còn mãi, còn mãi mãi?

Vợ tôi sinh con trai đầu lòng. Thiên hạ xôn xao, lại xôn xao, trước sự chào đời cầm như « đưa con hoang » trong xã hội. Có kẻ cười toé toét miệng như mồm lừa ngu ngốc. Sự kiện đáng cười thật sao? Tôi lỗi gì, khi đưa bé là con một người cha xấu xí, một người mẹ không sáng mắt. Đưa con thừa hưởng vẻ đẹp con người của mẹ, đôi mắt sáng của cha. Chả hiểu sự mất của ai?

Lecla khỏi cơn đau, dần dần mạnh khỏe. « — Chúng mình đến bác sĩ khám mắt, chứ anh ». Câu hỏi sấm sét, lòng vị kỷ của tôi lại quay cuồng. « — Phải, anh quên mất... Ngày mai sẽ gặp bác sĩ. » Tôi hiểu đã lừa dối nàng. Có ai ném tôi lưng chừng vực thẳm. Rồi khỏi nhà, vài giờ sau, tôi trở lại, nói nhanh: « — Lecla! Bác sĩ đã chết! » Tôi nghĩ là tôi không nói được, dù chỉ nói có thể. Tôi không thể chứng tỏ thêm một sự tiếc rẻ: trường hợp thông thường của người chồng thiết tha với bệnh mù của vợ. Tôi giữ trong trái tim tôi nỗi niềm bí ẩn tàn bạo và ích kỷ. Đó là một gánh nặng, quá nặng! Sự bằng an trong tâm hồn bị vết thương không hàn gắn, trong khi tôi đã làm tất cả, chỉ vì sự bằng an ấy.

Những ngày hực lửa, liên tiếp. Rồi một ngày đơn đau đã đến. Bà mẹ vợ tôi quên đẹp chiếc thau lớn trong buồng như

thường lệ mỗi sáng. Nghe con khóc thét, Lecla hốt hoảng nhào đến, không kịp quơ cây gậy người mù. Nàng vấp ngã, đầu va mạnh vào ngạch cửa, bất tỉnh trên vũng máu. Sinh mệnh người mẹ lâm nguy khi vào bệnh viện. Có ai giờ đây thích cười nhạo báng chàng ? Riêng tôi chỉ thở than, có ai buồn nghe lời than thở ? Lecla, cuộc sống của tôi, vũ trụ của tôi ! Lời tiết lộ của bác sĩ : « Vết thương quá nguy hiểm ! ». Tôi đứng cạnh, tôi ghen ngào bên nàng. Vợ tôi quân quai, bí thiết. Nàng trăn trối : « — Anh của em đấy à ? Em phải đi xa rồi. Ước gì em còn được mở mắt, nhìn thấy anh lần cuối... » Ước mơ cuối cùng nàng trối trăn, là bản án đời tôi phải cam chịu. Tôi thồn thừ : « — Lecla ! Không cần nhìn nhau bằng mắt đâu... Em đã bảo nhìn rõ anh bằng tấm lòng cao cả của em hay sao ? Chỉ riêng em nhìn anh đúng nhất, anh cả quyết thế... Lecla yêu quý, em an lòng đi... Em sẽ lành mạnh mà... »

Lecla lắng nghe, rồi thiếp đi. Mặt trời mùa xuân thực sự lặn mất ? Nàng khởi sự hấp hối. Tôi ray rứt, niềm bí ẩn tàn độc trong tôi văng vẩy, muốn nổ tung. Tôi không thể đứng lại lâu hơn. Bà mẹ Lecla đặt đứa con bên cạnh nàng. Con tôi bật khóc, thảng bẽ thờ sao nổi không khí ảm đạm thế ? Mẹ già cũng bắt đầu khóc. Tôi tuyệt vọng rồi. Linh hồn cao khiết của nàng dần trôi đi. Tôi quên mất đã ra sao sau đó. Một trái tim ngừng nhịp đập. Mấy trái tim quặn đau. Mặt trời lặn hoàn toàn. Bóng tối vẩy tất cả... Hãy còn những kẻ không hiểu tâm trạng « người khi », không biết một chuyện tình, vẫn cười chế nhạo mỗi lần gặp tôi. Hơn một lần, có kẻ hỏi : chuyện sẽ thế nào nếu cả tôi cũng mù đôi mắt ?

HOÀNG TRÚC LY dịch

lê huy oanh

BÙI GIÁNG

nguồn cảm mới trong thơ việt

Với loại bài Sáu Nhà Thơ Hiện Đại, nhà văn Lê Huy Oanh đã nhận định ở mỗi số Văn trước về hai cội thơ Nguyễn Sa và Nhã Ca. Cảnh của nhận định mở tiếp dưới đây vào cội thơ Bùi Giáng. Bài viết quá dài, đành làm hai kỳ. Kỳ sau : Những Đặc Điểm Trong Thơ Bùi Giáng.

Bùi Giáng vốn là một cây viết rất khỏe và rất hăng. Anh viết đủ thứ, làm văn, làm thơ, dịch thuật, biên khảo, đôi khi còn phê bình lai rai nữa chứ. Các tác phẩm (đủ loại) của anh đã xuất bản có lẽ không dưới bốn chục cuốn, nhiều cuốn khá dày, tổng cộng tính xum xum cũng phải trên mười ngàn trang sách in.

Anh viết đủ loại như vậy, nhưng luôn luôn anh là một nhà thơ, bởi vì đọc bất cứ loại sách gì của anh, kể cả những sách dịch thuật hay biên khảo, ta cũng thấy đầy chất thơ trong đó. Và cả cuộc sống, lối sống của Bùi cũng đầy chất thơ, và đầy hương vị triết lý nữa chứ. Có ai dè đầu trong cái cuộc sinh hoạt cơ khi h a xô bồ hơi hợt hiện nay mà người ta lại vẫn thấy phảng phất hình bóng của một Diogène. Trong lúc xứ này đang sa vào những cơn sốt dư dôi, cơn sốt của một cuộc nội chiến kéo dài và mù mịt tưởng như vô tận, cơn sốt về kinh tế trong đó kẻ nghèo phải hàng ngày cống quít, lo cơm lo áo, kẻ giàu lo tìm đủ cách

để giàu thêm, có biết bao người đang đổ xô nhau chạy theo
 những quyền lợi vật chất, thì nước ta vẫn có vài kẻ dám sống
 phiêu hốt, trong đó hình ảnh nổi bật nhất là Bùi Giáng, phiêu
 hốt trong cách sống, phiêu hốt trong tư tưởng. Danh lợi không
 màng, một bộ một râu tóc mọc dài như của người tiền sử, một
 bộ y phục nhàu nát, một đôi giép mòn, một cái bị, một cây gậy,
 túi rỗng không và chắc hẳn rất nhiều khi bụng rỗng không, chàng
 Bùi Giáng của chúng ta đi giang hồ vật, đi trong các phố Sài Gòn,
 đi từ tỉnh nọ sang tỉnh kia, đi trên đường, đi giữa những đám
 đông, đi trong những thực tại phần lớn là bí đất, mà cứ ngỡ
 như mình đang đi trong giấc chiêm bao. Thỉnh thoảng dừng lại
 một quán tối tăm, một ly bia, một tách cà phê, một bữa ăn đạm
 bạc. Không hiếm những lúc dừng lại bên đường, cầm tay bọn trẻ
 con cùng hát những khúc đồng dao, cùng nô đùa, cười đùa hồn
 nhiên, làm như thể những tiếng hát của họ, những tiếng cười
 rộn của họ có đủ khả năng che lấp những tiếng sùng. Những
 lúc chỉ có một mình, chàng ta làm thơ, những bài thơ đơn
 giản, tự nhiên, và cũng rất phiêu hốt, những bài thơ xuất xứ từ
 chiêm bao, những bài thơ mọc càng dễ nhẩy vọt, mọc cánh dễ
 má bay, như lũ châu chấu, chuồn chuồn nhẩy nhẩy bay bay trong
 vũ trụ. Những tiếng thơ ấy phần lớn có giọng bồn cợt nhẹ
 nhàng, thoáng một vẻ kỳ dị, một điệu khác thường nhưng vẫn
 ung dung, vẫn hồn nhiên. Cũng bồn cợt, cũng kỳ quái, cũng khác
 thường, cũng hồn hậu như khuôn mặt chàng, đôi mắt chàng, nét
 cười trên môi chàng. Nét cười? Đừng thế. Ở khuôn mặt ấy, đôi
 mắt ấy, khoe miệng ấy, những cử chỉ ấy, giọng hát khàn khàn
 ấy. Nét cười rất chất phác, rất tự nhiên nhưng trời ơi, hình như
 nó vẫn thoáng chút bí ẩn gì đó. Bí ẩn của những giấc chiêm
 bao, bí ẩn ngay trong cái đà nhẩy, cái sức bay của lũ châu
 chấu, chuồn chuồn. Tại sao phải nhẩy? tại sao phải bay? tại sao
 phải dấn bước lang thang? tại sao cần sống phiêu hốt? tại sao
 phải hát đồng dao? tại sao đôi, khát mà vẫn tươi cười? tại sao
 làm thơ, dịch sách? tại sao có sự hiện diện của mình ở cõi đời
 này? tại sao mặt trời mọc, rồi lặn, lặn rồi lại mọc? tại sao lá
 xanh rồi lá rụng? tại sao có những tiếng kêu của Nguyễn Du,
 của Shakespeare, của Saint-Exupéry, của Hölderlin, của Camus?

tại sao những giọt lệ chảy dễ dàng của Kim Cương? tại sao tiếng hát của Hà Thanh? tại sao nguồn mặt ngày đại đến bờ lửa của Brigitte Bordot? tại sao Trung Niên Thi Sĩ nhiều tuổi hơn Phùng Mẫu Thân, mà Phùng mẫu thân lại đẻ ra Trung Niên Thi Sĩ? Tại sao Trung Niên thi sĩ lại còn là Thi Sĩ Đuối Uoi? Tại sao Bùi Giáng cũng học đòi dễ như Phùng Mẫu Thân, và Bùi Giáng lại đẻ ra chính Bùi Giáng (bởi chừng tâm tưởng Bùi Giáng há chẳng phải chính Bùi Giáng hay sao, và thơ Bùi Giáng, chuẩn chuẩn và châu chấu, há chẳng phải chính tâm tưởng Bùi Giáng hay sao? Ai đã đẻ ra lũ chuẩn chuẩn châu chấu? Há chẳng phải Bùi Giáng hay sao?) và tại sao Phùng Mẫu Thân cũng như Hà Mẫu Thân, Brigitte Mẫu Thân, Kim Cương Mẫu Thân, Marilyn Mẫu Thân, Vân Vân Mẫu Thân đẻ ra Bùi Giáng, đẻ rồi Bùi Giáng cũng đẻ ra chính Bùi Giáng và, trời ơi, đẻ luôn ra các Mẫu thân, và chưa hết, lại còn có những thằng, những thằng khốn kiếp, trong đó có thống họ Lê, lại chực đem Bùi Giáng ra đẻ mà mỡ xẻ...?

Nhưng Bùi cũng nên hiểu cho chúng nó, nếu như tình cờ Bùi chợt thấy chúng nó đang mỡ xẻ mình. Nên hiểu cho rằng đa số trường hợp chúng nó, mỡ xẻ cũng là một nhu cầu phải được thỏa mãn, nếu không được thỏa mãn phần nào thì chúng chịu gì được! Không hẳn lỗi — nếu quả thực có sự hiện diện của lỗi — chúng nó đau, một phần lỗi ở cái nụ cười trong bức họa La Joconde, ở hàng trăm hàng trăm tiếng tại sao, ở chính cái giọng đùa bỡn, cái lối đùa bỡn của Bùi khi Bùi tung bôt phóng thơ ra ào ào, và nhất là ở nét cười trong đôi mắt Bùi, thật tự nhiên, vô tư, không khinh thế ngạo vật, không chua chát, không mỉa mai, vui thực sự mà vẫn chứa đựng một nỗi buồn thực sự, ung dung tự tại mà vẫn thoáng chút bơ vơ, bình tĩnh thân nhiên mà vẫn đầy vẻ suy tư thắc mắc. Làm sao chúng ta có thể không bồn chồn, u uất, không cảm thấy cái nhu cầu được nói ra, được thốt lên khi đứng trước cặp mắt vui vẻ dăm lệ của anh, khi nghe thấy những lời đùa bỡn linh hoạt sâu thẳm của anh.

SỰ TIẾN TRIỂN TRONG CÁCH SUY TƯỞNG VÀ KỸ THUẬT SÁNG TẠO TRONG THƠ BÙI GIÁNG

Có thể tạm chia làm hai thời kỳ.

Trong thời kỳ đầu, Bùi Giáng đã không khác những kẻ khác là mấy. Anh có một nếp sống bình thường, anh chăm chỉ học hành, chữ nước ta (dĩ nhiên), chữ Pháp, chữ Anh, chữ Đức, và có chữ Hán nữa không (?). Hình như anh đã yêu. Chắc chắn là anh rất ham đọc sách và rất thích văn chương. Anh đọc và thán phục những Nguyễn Du, những Shakespeare, những Camus, những Trang Tử... Và rồi anh cũng làm thơ, những bài thơ cổ mặc lấy một vẻ hiền hòa trang nhã, chẳng hạn mấy câu sau đây trong bài *Bờ Nước Cũ* ở thi phẩm « Mưa Nguồn », thi phẩm đầu tay của anh :

BỜ NƯỚC CŨ (1)

*Nhìn em nhé bên bờ kia gió thổi
Lá xanh vườn theo cỏ mọc ngân nga
Tơ vi vút một đời thương nhớ tuổi
Của trăng rằm xuống dọ dẫm bên hoa*

*Khung cảnh ấy nằm sâu trong đáy mắt
Có lệ buồn khóc với lệ hóa vui
Đề trần ngập hương mùa lên ngàn ngát
Rồi lan đi trong hố thẳm chôn vùi*

*Ta sẽ đến đứng bên bờ nước cũ
Ngó bên kia vườn biếc lá hoa rì rào
Ở vạn vật vẫn chờ nguồn nước lũ
Tự ngàn năm tuôn đạo tự khe rì rào*

*Ta sẽ đến đứng bên bờ nước cũ
Mộng xanh ngàn giọt nổi mộng em xưa
Ngó non nước giữa sớm chiều tư lự
Đón mơ màng về thời gió lửa thừa*

(1) Toàn bài.

Có thể coi bài thơ *Bờ Nước Cũ* là tiêu biểu cho những bài thơ thuộc thời kỳ đầu của Bùi Giáng, có rất nhiều trong thi tập « Mưa Nguồn », những bài đã được làm suốt trong vòng mười lăm năm trước khi sách « Mưa Nguồn » xuất hiện (có những bài được làm xong cách nhau khá xa, chẳng hạn bài *Người Hải Ngoại*, trang 111, có ghi 1962, bài *Giông Sóng Trắng* trang 125, hoặc *Ngũ Yên* trang 135 có ghi 1961, bài *Phương Hà* trang 57, thành hình dần dần trong khoảng thời gian từ 1948 đến 1952). Mặc dầu ngôn ngữ thơ có vẻ kín đáo, nhiều chất gợi cảm, nhưng đó vẫn là kiểu thơ đã cũ, hơi tương tự với lối thơ Tượng Trưng.

Đồng thời cách suy tưởng của Bùi Giáng cũng vẫn còn nằm trong lối mòn. Chẳng hạn trong những bài nhận xét về *Truyện Kiều*, trong cuốn « Một Vài Nhận Xét về Truyện Thúy Kiều và Truyện Phan Trần » của anh do Tân Việt xuất bản 1957, anh vẫn còn tỏ ra rất « thương tình » khi anh không đồng ý với một nhà giáo (và cũng là một nhà văn) khác đã « dám » coi cô Thúy Kiều của anh là đam mê, nhu nhược, yếu hèn không thật lòng, giả dối gì gì đó (sách vừa dẫn, trang 8). Ở phần tự giải lầy cái đề : « Trong hai người Thúy Kiều và Hogan Thu, anh muốn chọn ai làm vợ ? » Bùi Giáng vẫn còn biết « phân vân rất nhiều » khi chọn lựa, đề rồi kết luận một cách hợp lý rất ư thương tình : « Dù sao ta cũng nên nhớ rằng nếu cần chọn một người tình để mà gần thì ta nên mãi chọn Kiều, nhưng nếu chọn một người để cưới làm vợ thì ta nên sáng suốt chọn Hogan Thu. » (sách vừa dẫn, trang 32).

Tuy nhiên, tôi đưa ra những dẫn chứng ấy không cốt để so sánh xem Bùi Giáng nghĩ đúng hay giáo sư họ nghĩ đúng, cũng như không cốt để phán đoán chung Bùi khôn hay dại ; khi đưa ra những dẫn chứng ấy cùng với bài thơ *Bờ Nước Cũ* của anh trong *Mưa Nguồn*, tôi chỉ có ý nhận định rằng tư tưởng cũng như kỹ thuật sáng tạo của Bùi Giáng trong thời kỳ đầu vốn bình thường, rất gần gũi với thể nhân, chưa mang dấu tích đích thực của một sự nổi loạn, một sự phản kháng với chính mình.

Những bài thơ như *Bờ Nước Cũ*, hoặc cái quyết định của anh trong việc lựa chọn người tình hoặc người vợ vốn dĩ rất quen thuộc với tâm hồn chung của thể nhân. Nghĩa là phần lớn tư tưởng và quan niệm sáng tạo của Bùi Giáng thời kỳ đó vẫn

còn nằm trong cái lối mòn của nhân loại, chưa vượt quá được những ông Trần Trọng Kim, Maurois, Alain, Huy Thông hay Chế Lan Viên (xin hiểu cho tiếng « vượt quá » ở đây không có nghĩa là tài giỏi xuất sắc hơn, mà mới chỉ có nghĩa là khác biệt với.). Ngay cả cái ngôn ngữ ồm ồm, lằng đằng trong những bài như *Mọc Cỏ* hoặc *Mở Hai Hàng Cỏ* (M.N., trang 146-147) hoặc cái thứ văn xuôi thi vị hóa bỏ hết cả dấu trong bài *Thiếu Nữ* (M.N., trang 163) chẳng hạn cũng chưa hề giúp ta có thể nhận thấy rồi đây, họ Bùi sẽ làm một cuộc cách mạng khủng khiếp trong lãnh vực tư tưởng cũng như trong kỹ thuật sáng tạo.

Nhưng sang đến những thi phẩm như *Lá Hoa Cỏn*, *Ngân Thu Rớt Hột* hoặc *Màu Hoa Trên Ngân* (cả mấy cuốn này đều được xuất bản vào năm 1963) người ta bắt đầu thấy có những hiện tượng lạ xuất hiện trong thơ họ Bùi. Những hiện tượng đó tràn sang hai thi phẩm xuất hiện mấy năm sau như *Sa Mạc Phát Tiết* hoặc *Sa Mạc Trường Ca* rồi rục rủ hẳn lên trong các cuốn *Ngày Tháng Ngao Du* và *Bài Ca Quần Đảo*.

Thơ, thơ và thơ, nhiều quá ! Cả ngàn, cả ngàn « chuồn chuồn, châu chấu » tung bay ào ào. Bùi Giáng làm thơ rất mau, rất dễ dàng, rất bừa bãi, bất cần gọt rửa. Hình như ông cần phải được nói, bất cứ điều gì thoáng lộ trong tư tưởng, và ông đã nói, có lúc nghĩ có lúc không thêm nghĩ, rất thường khi không cần biết là mình đang nói gì. Khi tình táo, khi mê sảng, lúc hôn ám, lúc sáng suốt, ông làm thơ, hoặc nói cách khác ông nói thao thao bất tuyệt, ông ca hát, ông cười rần, ông múa may, ông nhảy nhót, ông thở hển hển, ông vẩy bút, ông vẩy mực, nhất cử nhất động, mỗi lời nói, mỗi hơi thở, mỗi tiếng cười, mỗi tiếng tim đập của ông đều là thơ. Thơ, thơ tuôn rào rào, bất chấp quy luật, bất cần dụng công. Bùi Giáng đã làm thơ, và bất buộc phải làm thơ do ở những sự thúc đẩy của trí não ông, của ý thức, vô thức, tiềm thức trong con người ông, khi ông làm thơ, hình như ông chỉ thấy ông có mỗi một sự mạng mà thôi : hủy diệt, cần hủy diệt hết !

Hủy diệt ! Đó là bước sang thời kỳ thứ hai của quá trình tư tưởng và kỹ thuật sáng tạo của Bùi Giáng. Không phải là trong cơn sốt, mà phải nói là trong cơn điên cuồng. Trên đời mới ông,

nụ cười luôn luôn tươi nở, nhưng hình như ở mắt ông, những giọt lệ thất vọng đang chảy ra. Để khỏi thất vọng, khỏi tuyệt vọng, ông vung gậy đập vỡ các thần tượng của văn chương, tư tưởng, ông đập vỡ cả chính con người cũ của ông nữa. Những đường gậy vung lên tới tấp, trời đất hỗn loạn mịt mù. Không có chọn lựa gì nữa, không đặt vấn đề nữa. Kiều hay Hoạn Thư cũng thế thôi, cát bụi cả, bảo ảnh cả, mơ hồ cả. Cái giọng trang trọng, sa hoa có nhiều trong Mưa Nguồn bị chính ông vứt tọt vào sọt rác. Phá hủy, phải phá hủy mới mong tìm ra được những cái gì thực sự cần thiết cho tâm hồn. Ông đập phá bằng cách đưa cọt những tư tưởng cổ truyền, bằng cách đưa chọt chính ông, bằng cách bôi lem thơ, làm xô lệch ngôn ngữ. Điều quan trọng là đập phá chứ không phải là tìm cách cải thiện thơ. Không cần cải thiện gì hết, chỉ cần tuyệt đối tuân lệnh của cảm hứng. Vì thế mà thơ của Bùi Giáng mới tuôn ra ào ào.

LÊ HUY OANH

VỢ CHỒNG

*hai bên đèn đuốc sáng trưng
cùng em đeo nhẫn lễ mừng lấy nhau
lúc đây cho tới mai sau
răng long, tóc rụng, nhờ câu ăn lành
nhờ em lúc dạo gái xinh
anh trai xứ Huế nên mình mới thương*

*hôm nay hai đứa chung đường
chung mâm, chung chiếu, chung giường ái ân
cùng em đeo nhẫn hôn nhân
tặng luôn chiếc khóa khi cần có nhau*

NGÔ CANG

trần hồng châu

MỘT MÌNH MỘT MÌNH

Đêm nay gió lạnh mầu, biển tái
Buồn thơ Ải Ngọc nhớ Trường giang
Bên bờ cửa sổ anh hăm rượu hẹn hò bằng nhiệm mầu lá
cổ tương tư
Cho tan hết những cục băng chấp chờn như trường thành
gió cuốn
Cho tan hết trời sao tuyết hoa tuyết với thành từng đàn
bướm trắng bằng bạc rơi trên sa mạc vai gầy cô liêu
Cho tan, tan loãng mình em thơm ý hoàng lan, cho mờ nhạt
nhưng nhớ trong khói sóng rượu đào và tro tàn kỷ niệm...
Hỡi ơi ! chơi với đầu đây...
Có tiếng bạch cầu nào rên đầu gối đã thảo xốt xa những
đoạn trường ra lấy vỏ ngựa vào ướp bánh xe
Có ánh rượu ly bồi nào vàng như cánh hoàng hoa linh cảm
như cát vàng nhưng mạc như buồn chính nhân văn vì qua
lòng sáo trúc hẹn hò...
Có bài thơ nào trầm buồn giải áo xanh nhân về Lạc dương
thân hữu buổi tiễn đưa mưa lạnh hơn tử nói buồn chơi vơi
Có bài thơ nào bên trời lau lách quanh đìu hiu, có bài thơ
nào thoang thoảng gió vàng quan san lúa qua những kẻ rừng
phong đỏ hồng trời đông.

Anh ngồi bất động
Từ chiều tiền sử

Anh thành băng tuyết
 Anh thành gió sương
 Anh đi biển biệt
 Cửa huyết cô liêu
 Ra vào mộ địa
 Không bóng hình em
 Không chân chiếu
 Không trần trời
 Không đầu gối
 Không tay ấp
 Anh nghe hơi đất ngấm dần vào máu động mạch
 Anh nghe lông lá bàn chân cỏ thụ luôn vào khe óc kẻ tìm
 Ôi buồn xé gan gió cắt từng mảng thịt
 Ôi lạnh thấu xương lưỡi lê tuyết sáng ngời !

Bên bờ cửa sổ anh hăm rượu hện hồ bằng nhiệm màu là có
 tương tư anh gác chân lên cầm thạch lò than đỏ rực máu
 bình minh mãi chẳng về

Anh chờ sáng lâu lâu rồi chân vẫn choạng vạng bước đi và
 vờ loái dạ điều trong những nẻo tiêu điều đường tụy đạo
 cuộc đời không lối thoát

Đêm Y Châu dài dài hai bờ đại dương ướt xũng hương dạ
 lan hay hương anh đổi trầm hương cho lời sáng thử xem
 mưa gió đến bao giờ

Anh mở rộng đôi cửa linh hồn tràn tràn nhìn cõi trống bặt
 hồ phách và những cánh thiên thần chấp tròn thu vào lòng
 đáy chai hoàng tử đáy chai sâu sâu rốn bể trùng dương
 mầu lập thể

Anh thấy từng bông hoa ảo giác nhạt nhòa trời trên sông nước
 nồng nực vùng cổ đại tiềm thức thành những Ophelia ngơ
 ngà mà qua hẳn cõi chết anh vẫn cuồng si mái tóc bập bênh
 Anh thấy nhà xiêu vách đổ thành từng đợt mưa nguồn trời
 trường thành mi mắt em mầu[gấm tia

Anh thấy mái chèo Trương Chi hờ hững bên tượng linh
 thần bộ lạc đổ chói mặt trời hồng hoang
 Anh thấy sao rơi tím lịm, trắng xanh ngân ngắt, tay người
 trăm ngón và mắt sáng vuông vuông buồn không ngần lệ
 Anh thấy những thân cây người quần quai quai dẫn trên
 đường vào thác Pongour rờn rợn tiếng cười pha lê tóc xòa
 trong rừng khuya vắng lặng
 Anh thấy những mình yêu nữ rung rinh sương khói thoát ra
 từ lòng phong lan yếu điệu với giải hương la hồng phấn
 buộc chân những chàng tư mã ngáp ngừng bên quan ải
 nhuộm hoa vàng...

Cổ vong tru cổ tượng tư
 Thơ say mộng ảo lòng từ bến mê
 Giang biên mưa tuyết nã nê
 Trăng khuya sầu tủi nghiêng về bình minh
 Vắng em nương bóng tạc hình
 Rung rung lệ sấp bên mình cô liêu
 Bỗng cổ biếc chợt xây những đợt sương khói chấp trùng như
 Tần lĩnh Thái Sơn và anh nghe nội lực vùng lên thành vốc
 giăng đại bàng với đôi cánh chấp chớn long lanh tinh châu
 bảo tuyết sương
 Anh vươn mình băng qua lớp lớp đại dương bạc đầu nhớ
 thương để cuối đường hải hành cánh tay mở rộng ôm quanh
 vòng lưng trái đất dịu thân em mầu bạch ngọc vào lòng
 nồng cháy yêu đương
 Em, em bé bỏng
 Lưng ong gai Sỡ
 Em là tranh lập thể
 Em là hồn tuyết lan hay ý thơ Vương Hàn
 Em đi đến nữ hoàng miền biên tái
 Em đi đến uyên chuyển mộng vân đài
 Chấp chớn sương khói
 Lãng đãng sao vàng

mường mán

MÙA SẼ CÒN DÀI

P hương chưa tới, nhưng thu đã tới. Tầng lá vú sữa trước nhà lác đác nhiều chiếc vàng đậm màu thu. Bên kia con đường, nhiều cửa sổ và cửa lờn mở lặng lẽ. Tôi ngồi lọt giữa chiếc ghế bành rộng không nệm, nan gỗ đan thưa cho cảm giác ở cứng trên khoảng lưng dựa. Chiếc ghế kê dưới mái hiên cao, trông lên khung trời sáng những vầng mây rục rỡ.

Quanh chỗ ngồi yên ổn này, trên những mái nhà thấp lù, mùa thu đang tới. Chút hơi lạnh sớm mai đọng thành giọt li ti trên kính cửa. Sương mù dâng ngọt mặt sông, hữu ngạn và tả ngạn như không còn ranh giới, nhòa nổi cùng những bờ cỏ công viên, những đường thành thang trong phố, bát ngát. Rồi mặt trời thoát hiện. Vẻ mộng mị của sớm mai Huế, luôn luôn có, khi mùa chớm chuyển vào thu, dài tới lúc thu tàn. Thu đã quyến rũ tôi ra khỏi nhà từ sáu giờ sáng, với những dự định chẳng rõ ràng trong đầu. Dù sao tôi cũng đã cố cầm lòng không đến tìm Phương trước giờ hẹn. Buổi sáng thông thả qua. Bắt đầu từ tách cà phê đậm ở cái quán nửa có mái che nửa lộ thiên trước nhà bưu điện. Từng ngụm quánh nóng uống thật chậm. Quán mới mở hàng khách thưa thớt. Gió lộng từ mạn sông lên thổi sương mù tạt dưới các lùm cây muối già. Đó cũng là phút hai cánh cửa màu xanh trên tầng hai nhà bưu điện mở ra, thấp thoáng một mái tóc dài, nửa khuôn mặt lơ mơ hiện, đôi khi có cả nửa cánh tay trần ti lên khung cửa, một khoảng lưng áo hồng, xanh hoặc vàng, loại bóng nhẹ, phớt trước gió. Chưa bao giờ khách ngồi quán thấy thiếu phụ hay thiếu nữ (?) trên tầng lầu quay mặt trông xuống

đường. Nàng thường xong việc trang điểm sau hai mươi phút, và khung cửa sổ trống ; mảnh gương treo phía trong hẳn in bóng bóng cây đầy phố phía bên này. Hình ảnh thấp thoáng trên tầng lầu đã là một cái gì khá thú vị, nhiều người có thói quen đến uống cà phê sáng ở đó thích ngắm. Nó như một đoạn phim cảm quay chậm, nhân vật lặp lại chừng ấy động tác lui tới, cây lược gạt chải xuôi xuống mái tóc, bờ vai nghiêng, làn da trắng, tuyết trắng, thiên nhiên không thể biết nhân vật buồn bã hay hân hoan. Không có thêm người thứ hai, không trò chuyện. Đoạn phim cảm « chiếu » trên khung cửa sổ tòa nhà trắng ấy lặp lại mỗi ngày, vào một bởi gian nhất định, ngoại trừ những sáng mùa đông, trời quá lạnh. Không hiểu sao tôi cứ muốn tìm người bên trong khung ảnh. Không hiểu sao tôi cứ muốn tin người bên trong khung ảnh là một thiếu nữ chưa chồng, không con. Vẫn cứ mãi là một sự đổi thay dường như bao giờ cũng kèm theo vài mất mát, không nhiều thì ít. Tưởng tượng ngày nào hình ảnh quen thuộc ấy không còn nữa. Người bên trong khung cửa dời chỗ ở, theo chồng, hoặc theo tiếng gọi của phương xa nào đó, mỗi sáng ánh cửa vẫn được mở ra, nhưng thay vì vóc dáng mỏng manh của một bà già hoặc một ông đầu hơi bụng bự xuất hiện chẳng hạn, chắc chắn nhiều người khách ở quán bên này sẽ ngậm ngùi, rồi ngậm ngùi không đậm không nhạt, thường thường, nhưng thế nào thì cũng có một chút.

Chỗ ngồi quen thuộc, những tách cà phê uống bao nhiêu năm không thay đổi mùi vị. Không khí bình lặng thân mật thường cho tôi cảm giác yên ổn vào những đầu ngày. Vài bạn đi xa thấy nhớ tôi độ thêm. Thế đó, một chút sinh hoạt tưởng nhỏ nhoi đã trở thành thói quen, từ bao giờ nó chiếm một khoảng gần như nhất định, không thể thay thế, có chăng là tôi một tuổi nào. Nhưng ngồi ở đó không phải lúc nào cũng thích thú, đôi khi gặp những khuôn mặt quen quá hóa nhàm, nghe hoài những chuyện chẳng đâu vào đâu phát bực mình, cà phê thỉnh thoảng có những tách chưa lên hoặc nhạt. Sáng nay tôi đã ngồi trông lên ô cửa trên tòa nhà trắng kia, và nhớ giờ hẹn với Phương. Như thế, tôi nghĩ, cũng đã quá hạnh phúc hơn thật nhiều người. Người bên trong khung cửa hôm nay mặc áo vàng. Hình như mái tóc vừa được

cắt tỉa, gọn ngắn hơn thường ngày. Đã có một chút gì thay đổi ở con người đó chăng ?

Và, bây giờ ở mặt tiền của một căn nhà đóng kín cửa, trên chiếc ghế bành không nệm, dưới mái hiên này, tôi lại ngồi đối diện những khung cửa khác. Giữa hai hàng cây, con đường tương đối nhỏ, giống bất cứ con đường nào trong khu nội thành. Bên kia đường, dãy nhà mái thấp có vẻ im lìm, bọn trẻ còn ở trường chưa về, cha mẹ chúng ngoài chợ búa hoặc đang trong sở làm, không có sinh hoạt ồn ào đông vui nào. Sau cánh cổng sắt khóa kỹ bằng sợi xích to nhà đối diện, một chị giúp việc đẩy chiếc xe nhỏ quanh mảnh sân hẹp, đưa trẻ ngồi trong xe đội chiếc mũ đỏ quơ hai bản tay hồng trong không, cười lớn tiếng. Cả hai không hề biết tôi đang ngấm trộm họ. Có một thời Phương cũng ngồi trong một chiếc xe đẩy giống đưa trẻ kia. Tấm ảnh chụp ngày thời nôi đã có lần nàng mang ra khoe, với nụ cười trẻ mạnh. Ngày đó, chắc hẳn não Phương chưa thiếu máu, nàng chưa hề biết đến các loại thuốc uống và chích, mỗi ngày theo toa bác sĩ, cùng các lời dặn phải kiêng cái này cử cái nọ như bây giờ. Với cái não thiếu máu, Phương đã phải vật vã với những cơn nhức đầu kinh thiên động địa. Nàng kể, trong những đêm khuya nó vọt tới, biết không, em phải đập đầu vào tường theo nhịp thật đều đặn mới đỡ đau phần nào. Em thường khóc, thật kín tiếng, ngại cả nhà thức dậy. Khó chịu gấp triệu lần nhức răng. Hai mươi tuổi với những lần đập đầu vào tường như thế, mắt Phương thỉnh thoảng có những tia nhìn sững đờ sợ, những lúc ngồi thính lặng không nói năng, và có thể trở nên gắt gỏng bất cứ lúc nào. Tôi nghiệp cái não thiếu máu của Phương. Chẳng biết cái não bất thường đó có nhớ giờ hẹn sáng nay không ?

Phương chưa tới. Thời gian chờ đợi cháy chậm đầu những điều thuốc đốt nối tiếp và tàn dần trên tay tôi. Chiếc xe và đưa trẻ lùi khuất sau gốc nhãn lớn, chị giúp việc có lẽ vào nhà nấu nướng hoặc giặt giũ gì đó. Nhà bên cạnh, một thiếu phụ mở cửa bước ra đường. Chiếc dù xanh di động dọc hàng rào cây, nắng soi chút màu lợt xuống khuôn mặt trái soan phơn phớt phấn hồng, quần nâu ống rộng, áo thun màu cổ đồng bó chặt hình thon trông khỏe và đẹp. Ra khỏi nhà vào lúc mười giờ, với trang phục đó,

người thiếu phụ biết đâu không tới chỗ hẹn gặp một người đàn ông nào đó. Người chồng ở công sở hoặc đồn trại có thể biết lý do, hay hoàn toàn mù tịt. Tôi suýt bật cười vì ý nghĩ lảm cẩm của mình. Ví dụ Phương lúc này cũng ra khỏi nhà, nhưng thay vì đến gặp tôi, nàng tới gặp người khác, ở một địa chỉ khác. Không phải tuân theo mọi trật tự đã định đặt trước, làm khác đi, lệch một chút, bao giờ cũng thích thú hơn. Thế thì, nếu sáng nay Phương không tới cũng chẳng lạ lùng gì. Dù sao tôi cũng nhủ thầm thế nào Phương cũng đến. Nàng chưa trễ hẹn lần nào. Chiếc đồng hồ nhỏ trên tay bảo tôi còn những hai mươi lăm phút chờ đợi. Trong khoảng hai mươi lăm phút, tôi đã cộng thêm mười phút trừ hao. Có lẽ giờ không chịu biết con gái là chúa « câu giờ ». Đến đúng giờ, vừa sít, có phải đỡ sốt ruột hơn không? Tôi thường trách mình thế, nhưng bao giờ cũng là kẻ đến chỗ hẹn sớm nhất. Đây cũng là một thói quen, như thói quen mỗi sáng lê chân tới quán cà phê trước nhà bưu điện, ngồi trông lên ô cửa thấp thoáng bóng hồng kia. Tôi có lắm thói quen vậy sao?

Nắng lên dần. Chút lạnh sớm mai đã tan trong những đợt gió. Dưới hiên, lũ chim sẽ bay đuổi nhau riu rít từng chuỗi hót vui. Phương chưa tới. Căn nhà im vắng như thể không người ở. Thạch tới sớm, và chắc Hà đã xách giỏ ra chợ. Từ khi tôi đến ngồi vào chiếc ghế bành, cửa vẫn đóng. Chiếc ghế kê trước thềm cả ngày lẫn đêm, không dịch đổi. Thạch đùa, chiếc ghế dành riêng cho tôi ngồi đợi Phương, không có tôi, đã chẳng có chiếc ghế thương trực chỗ này, nó đã được xếp vào một xó bếp. Thạch cho chúng tôi mượn cái mái hiên và chiếc ghế làm chỗ hẹn. Hắn bảo, bao giờ có cậu lấy nhau, tớ sẽ bọc chiếc ghế bằng ba lớp giấy bóng làm quả mưng đám cưới. Phương là chị họ của Thạch, và nàng chỉ thích tới ngồi đợi nàng ở đây. Phương không thích bất cứ chỗ hẹn nào khác. Chiếc ghế không nệm, mái hiên dần dần trở nên thân thiết với cuộc tình chúng tôi. Em thích thấy anh ngồi cựa rúc trong chiếc ghế cũ kỹ đó đợi em, trông anh hiền in hệt con gà trống uớt. Cái nảo thiếu máu của Phương có ảnh hưởng gì đến việc nàng chọn nơi này làm chỗ hẹn không?

Mùa nhân lồng đã tàn theo mùa phượng. Những tàng cây vằng hoa trái che rợp những con đường. Sắc xanh mạnh của cây cảnh đan thành vòm, kết thành lọng buông thả bóng mát xuống vai và áo người đi đường. Phương ngồi bấu chặt vào nệm xe phía sau, tôi vẫn lo nàng ngã. Biết đâu cơn đau sẽ không vụt đến bất thần. Xe lăn chậm qua những ngã rợp dọc bờ sông. Không ngoài nhìn lui, tôi cũng biết màu áo trắng của Phương sáng lóa trong nắng.

— Thấy choáng váng là la lên cho anh biết nghe.

Phương cười :

— Anh làm như lúc nào em cũng đang đau.

— Không đau sao bắt anh đeo tới phòng mạch ?

— Ba bảo, phải đi.

— Vẫn lão bác sĩ lần trước phải không ?

— Lần này khác. Châm cứu, thưa anh.

Một ông thầy thuốc khác lại sắp có thêm một thân chủ. Bao nhiêu thuốc ống và chích lâu nay không làm trái tim dồn đủ máu lên não. Lần này, liệu trái tim ngoan cố của Phương có chịu « vâng lời » cây kim châm cứu cung cấp đủ máu cho não bộ nàng không ? Phương thoáng lo âu :

— Châm cứu có đau lắm không anh ?

Tôi dốt tây y lẫn đông y, đáp lại :

— Đau bằng kiến cắn là cùng.

Lo âu chợt đổi thành buồn bã, Phương nói :

— Có ngày chắc em điên mất.

Chẳng biết đây là lần thứ bao nhiêu Phương nhắc lại câu nói buồn bã đó. Điên. Mất trí. Những biến chứng thần kinh làm sao lường trước được. Nỗi lo sợ của Phương đã trở nên quen thuộc từ mấy tháng nay. Em tưởng tượng sớm mai nào đó, thure đây, trước mặt mọi người, em thoát biến thành kẻ khác, trong khi em vẫn không hay biết gì về sự đổi khác của mình cả. Mọi người sẽ nhìn em với đôi mắt vừa thương hại vừa ghê sợ. Tiếng nói tiếng cười em bỗng ngớ ngẩn ngốc nghếch. Em có thể hung dữ in hệt con sư tử cái, đờ đẫn như con cừu lẫn ; đập phá tan nát hết, hoặc thu mình lại trong góc xó sợ sệt, khúm núm, van xin. Anh, liệu em có thể biến thành con người như thế không ? Anh còn

can đảm đến gần em trong những ngày đen tối đó không? Phương nói, mắt ráo hoảnh xa vắng, trông như tương lai đã đóng cửa trước nàng rồi. Phương còn tưởng tượng xa hơn: có khi em không còn nhìn ra anh được nữa, trước mắt em, anh là trái núi biết đi, chiếc xe hủ lò, không còn là con gà trống ướn nữa mà là con khủng long vĩ đại, và, phố xá nhà cửa biết đâu không tan biến thành rừng rú, sa mạc hoang vu. Em không còn nhớ được cái tên gọi nào nữa hết, bảo mặt trăng là cái lòng đỏ trứng gà, mặt trời là con chim chết, hoặc gọi hoa là châu chấu, gọi cái chén cái ly là lũ chuồn chuồn, ví dụ thế. Con diên sẽ ăn hết những giấc mơ của em, trí nhớ em sẽ rỗng dần cho đến ngày xóa trắng tất cả. Em không còn đến chỗ hẹn gặp anh. Chiếc ghế trước hiên nhà Thạch sẽ bỏ trống. Buồn quá phải không? Tôi buồn theo những hình ảnh man dại trong cơn diên dự tưởng của Phương. Tôi bảo nàng: trí tưởng tượng em phong phú quá, chưa thể diên được đâu. Người ta diên khi trí tưởng tượng đã hoàn toàn tê liệt. Chẳng biết có đúng vậy không. Dù sao bây giờ Phương vẫn là con người hết sức bình thường. Sáng nay, lúc chị giúp việc đẩy chiếc xe và đưa trẻ vào nhà trốn nắng, bỏ lại mảnh sân vắng hoe bên kia đường, Phương đã tới, khá đúng giờ hẹn. Nhưng liệu những triệu chứng bất thường có xảy ra trong lát nữa, trong những ngày tháng tới không? Tôi muốn đòi nỏ bộ khỏe mạnh của mình cho Phương quá.

— Đừng nói chuyện bệnh nữa. Em cứ coi như chúng ta không đi tới phòng mạch, mà đang đi dạo.

Phương chậm rãi:

— Anh biết em đang thêm cái gì không?

Tôi nhìn đôi mắt nâu sáng của Phương trong kính chiếu hậu, đùa:

— Em đang thêm đập đầu vào tường theo một nhịp điệu thật nhịp nhàng.

Phương cười, giọng dối:

— Đã bảo không nhắc chuyện bệnh! Em đang thêm một chén chè nhãn học hạt sen.

Nỗi thêm của Phương thật bất ngờ. Nàng thường có những ý nghĩ tôi không đoán trước được. Cái gì đã làm Phương nhớ đến chè

nhân bọc hạt sen ? Thử chè đã bay theo mùa hè biệt dạng cả tháng nay rồi, không còn tìm thấy trong bất cứ quán xá nào. Tôi nói :

— Hết nhân và sen rồi, em không biết sao ?

— Đành phải nuôi con thêm tới mùa sau vậy. Nhưng mùa sau không biết em có còn...

Tôi vội ngắt lời Phương :

— Em vẫn bình thường, em sẽ lành bệnh.

Tôi xua tan ám ảnh bệnh hoạn ra khỏi đầu Phương bằng cách nhắc kể về những chén chè nhân bọc hạt sen chúng tôi đã cùng ăn tháng trước. Khi những hàng cây nhân già khắp phố treo lủng lẳng những chiếc mo cau, mỗi mo cau lủng một chùm nhân sai trái. Đêm đêm khắp các ngã đường, những người chủ nhân kẻ giường ngay dưới gốc canh giữ, không cho đám trẻ ranh hái trộm, bày ra hoạt cảnh lạ mắt trong thành phố quanh năm vốn buồn thiu này. Những chiếc giường bố mang ra đường sắp thành dãy dài bên những gốc cổ thụ. Trong ánh sáng đèn đường lú mờ mờ hoặc, người ngồi từng cụm chuyện trò, nằm dưới các tầng lá trông lên bầu trời rực rỡ nghìn luồng sao, trăm chùm trái mọng, nom nhân hạ cách hồn nhiên, ngỡ như đất nước đã thanh bình từ mười năm trước, chẳng còn mối bận rộn nào hơn việc chăm sóc cây trái, chẳng còn gì quý giá đáng giữ hơn cây cỏ thiên nhiên. Đêm hè, cái nóng làm người ta không ngủ sớm được, thiên hạ kéo nhau ra đường. Trai gái, từng cặp tản bộ dưới hàng trái mùa, từ nẻo khúc khuỷu này đến ngõ quanh kia. Họ thì thầm với nhau chuyện lòng, họ nắm tay nhau đi hái chuyện thần tiên. Trong lứa trẻ đó có tôi và Phương, những kẻ như đã trút bỏ hết bụi bặm của mọi thời đồ nát, hồn mới màu hoa, tình tròn dáng trái. Bước tới, chẳng ngại sương mưa vì đã có Phương và nhân che vòm mộng. Dịu nhau đi, nghe lòng phơi phới hương sen trái ngắt trên những mặt hồ, nghe sương rụng xa gần mềm vai dịu tóc. Phố cổ cây già, tường đá, thành nghiêm che ấm áp. Phố chung, và đêm riêng của những tình nhân. Sinh hoạt quán xá mùa hè tiêu biểu nhất ở đây là quán chè thì nhau mọc lên như nấm, cả trăm nơi đó, tha hồ dắt nhau đến nghỉ chân, cho tình yên ăn no chất ngọt. Mùa hè nồng nàn tuyệt cùng lúc những chiếc giường được mang vào nhà, những chùm nhân lủng hái xuống, và hạt sen từ hồ lên

bày bán dọc phố chợ, bến sông. Không nhiều, nên quý. Trời nực nên chè nhãn bọc hạt sen ăn càng mát lòng. Mỗi trái nhãn bọc lấy mỗi hạt sen ngâm trong thứ nước đường phen trong như hồ phách. Cơm nhãn bùi, hạt sen béo ngậy. Ăn một hạt là ăn một chút mùa hè vào lòng dạ. Húp một muống nước là uống một lượng thuốc bổ trần gian. Như vẫn còn tiếc rẻ, Phương lặp lại :

— Phải đợi tới mùa sau, lâu quá anh.

Không đứng nằng cười thành tiếng :

— Em bắt đầu thử điên phé. Dưới mắt em bây giờ anh là một trái nhãn lồng.

Phương há miệng cắn vào vai tôi một miếng đau điếng, làm tay tôi lạng nghiêng. Tôi lỏng tay ga, ép xe sát lề đường tránh hai chiếc xe đạp song đôi, tiếng cười Phương bật trong gió. Ngang qua nhà bưu điện, một cô bạn của Phương đưa cao cặp sách kêu ề Phương, Phương, đi đâu đó ? Tôi nghênh cổ trông lên ô cửa trên tầng lầu hai. Phương bảo tôi dừng lại, nằng nhảy xuống xe thoăn thoắt đến bên bạn, hai đứa liu tiu chuyện trò như thể cả mười năm qua chưa gặp. Ô cửa trên tầng hai đã đóng, nằng lấp lánh trên một gỗ xanh bóng : người trong khung cửa ở đâu bây giờ ? Quán cà phê bên kia hè đường vẫn còn đông khách. Phương trở lại, tôi rồ mạnh ga cho xe chạy.

— Đứa nào thế ?

— Phi, anh không nhớ sao ?

— Phi nào ?

— Phi anh gặp hôm đi ciné ở Tân Tân đó.

Phương ngoái lui đưa cao tay vẫy chào bạn, đứa con gái ôm cặp sách ngang ngực, đứng cạnh chiếc xe đạp mỉm cười thỉnh lạng ngó theo.

— Phi đang buồn lắm anh. Bỏ nó vừa chết.

— Bao giờ ?

— Hôm máy bay bị không tặc nổ ở Phan Rang.

Máy bay nổ đầu tuần, cuối tuần có đứa gái đứng lơ ngơ trước nhà bưu điện, kể về cái chết của người bạn trai, và đầu đó, dọc những thành phố, xứ miền khác, có hàng ngàn người khác đang nói về cái chết của những người thân. Chuyện chết cũng

nhiều như chuyện tình. Đau khổ và hạnh phúc điệp trùng trong nhau, kể làm sao hết.

— Cảnh đây ba hôm em đã đến nhà Phi, xin ba má nó cho nó vào Đà Nẵng nhìn mặt Hậu lần cuối cùng. Tại em ôm nhau khóc ngất. Con bé tuyệt vọng hết sức.

— Phi biết yêu, thế nào rồi nó cũng biết lãng quên.

— Tại nó thật xứng đôi và dễ thương, nhất là những hôm hai đứa hai chiếc xe đạp đi chơi với nhau. Em nghĩ Phi sẽ không quên được đâu.

Một chiếc xe đạp giờ bỏ không, chiếc đã từng lăn bánh song song bên nó đang đứng với Phi một cách buồn phiền. Dáng đứng lẻ loi hiu quạnh đó trông vừa đẹp vừa náo lòng. Không đứng, Phương nghĩ tới cái chết :

— Em nghĩ đại, tại sao em không ở trên một chuyến bay định mệnh tương tự như thế ? Cái não bệnh của em chắc chắn sẽ chào thua gói chắt nỏ của tên không tặc.

Từ chẻ nhãn bọc sen phút trước đến tên không tặc phút này, hai chuyện chẳng liên quan gì nhau, nhưng cùng dẫn đến điểm gặp cuối cùng là não bệnh. Cái não bất thường ấy có thể làm Phương không còn được biết những chén chè ngọt bùi vào mùa sau. Phải tiêu hủy nó đi, để không còn bị nó khống chế hành hạ ? Quả tình tôi không thể rượt bắt kịp những ý tưởng thoát biến thoát hiện trong đầu Phương. Bệnh hoạn đã là mối ám ảnh không rời nặng. Làm sao kéo Phương ra khỏi những ý tưởng hắc ám ấy ? Hy vọng những cây kim châm cứu của người thầy thuốc chúng tôi đang tìm tới sẽ là những cây kim kỳ diệu.

Chẳng biết Phương còn nghĩ đến cái chết ấy nữa không, nàng im lặng suốt đoạn đường dài. Xe leo dốc Nam Giao, vùng phố chợ mở ra một hương thanh thoát. Núi non xanh thắm dựng sừng hút cuối đường, ngọn đỉnh thăm mù mây trắng. Đường dẫn thấp chệnh theo dáng đồi, cây cối đứng lặng lẽ trong bóng chùa chiền nhà cửa, rập rình từng khối cũ kỹ bên nhau.

— Tới nơi rồi anh.

Phương thốt la khẽ. Tôi hăm phanh, quẹo xe qua phải theo ngón tay chỉ của nàng, tuột xuống dốc, dừng lại giữa lối đất mịn. Bên sau hàng chè tàu cắt tỉa ngoằn ngoèo, phòng mạch có

những tấm cửa sơn màu nâu xỉn, thu mình dưới tầng là mít rậm. Trước sân, tha thẩn vài người bệnh lui tới về trẻ biếng dụi dằng từ lòng đường trũng thấp trông lên, xa phòng mạch chừng mười thước, chùa Bảo Quốc lừng lững cao vượt trên vùng đồi vẫy xanh cổ thụ. Hàng trụ cổng vàng đen màu mưa nắng, những bậc đá rêu tiếp nhau hòa nhập trong những đường nét mới nhìn đã thấy tịnh lòng, nhìn lâu dễ chìm vào cảm giác hoang vu rợn rợn.

Tôi đưa Phương vào phòng mạch, ngồi xếp hàng trên ghế đợi, lấy sổ chờ đến phiên. Khách bệnh không đông, chừng bảy tám người tái xanh, có chung vẻ lo âu câm nín. Nhìn họ, không hiểu sao tôi bỗng có cảm tưởng tất cả như vừa thoát khỏi một trại tập trung nào đó, nản tôi độ hết muốn sống, đang ngồi đợi khám lại sức khỏe, xem tạng phủ có tiêu hóa nổi tương chao hay không, xong thủ tục cần thiết này, họ sẽ kéo nhau vào chùa Bảo Quốc xin tu tập thể, lãng quên ngày tháng cuối đời trong tiếng mõ cầu kinh. Phương vẫn tươi tỉnh với đôi má rạm hồng. Đối với nàng việc đi khám bệnh đã quá quen, cũng thường như đi ciné, đến thăm nhà một cô bạn. Chẳng biết lần đầu tiên khi biết não mình thiếu máu, Phương có hoảng sợ lắm không? Không muốn thấy những cây kim châm cứu găm vào đầu Phương (hắn là trông buồn cười, kỳ dị lắm), tôi bỏ ra ngoài lúc nghe người nữ y tá gọi tên nàng.

Leo lộn bậc cấp cao nhất của chùa Bảo Quốc, tôi ngồi trông xuống con đường đất mịn. Tôi nghĩ, chiếc ghế trước hiên nhà Thạch giờ này bỏ trống; chiếc ghế trong quán cà phê trước nhà bưu điện tôi đã ngồi, giờ này một người khách nào đó đang ngồi, và bây giờ trên chỗ ngồi ấm đá rêu này, sáng nay tôi đã có ba chỗ ngồi thật yên ổn để đợi Phương. Chờ đợi đôi khi cũng là một hạnh phúc, tôi đang giữa phút đôi khi ấy. Như mùa thu đang xanh ngát vẫy quanh. Mùa sẽ còn dài cho những ngày mây xuống thấp, trời dịu buông từng cơn mưa nhẹ nhàng. Giá rét sớm mai sẽ kết sương mù từng mảng lớn bay quện cùng khói trên mặt sông. Những ngày đẹp trời đang mơ hồ vẫy gọi những người tình tìm đến nhau, với khăn quàng áo lạnh, hơi ẩm những gói lạc rang mua dọc đường bọc ấm giữa hai bàn tay. Phương sẽ ngậm những lát gừng trong miệng cho ấm người những ngày

không dung trời trở rét dữ, đôi mưa tới chỗ hẹn. Chiều qua sóng trồn gió trong một góc khuất thư viện, đọc sách rất ít và cãi nhau nhiều nhiều, một vài cuốn tạp chí sẽ gấp lại vớt ít giọt nước mắt đôi giận của Phương... Đại khái, mùa thu năm ngoái đã qua đi với chúng tôi như thế. Năm ngoái, Phương chưa hề bị ám ảnh bởi dự tưởng ngày nào đó rất có thể mình mất trí. Cái ám ảnh tưởng chừng hết sức vô lý, nhưng biết đâu nó sẽ vụt đến giống một cơn lốc. Tôi mừng tượng thấy những canh khuya Phương một mình vật vã với cơn đau, đập đầu vào vách tường khác gì cành cây yếu bị gió quật tan nát trong trận bão. Không, tôi chẳng muốn tin ngày bất hạnh đó sẽ đến với Phương. Chúng tôi sẽ tiếp tục sống bình thường như bao cặp trai gái khác. Lát nữa, tôi sẽ thấy Phương từ phòng mạch đi ra, tóc cột túm sợi giây thun giản dị, áo trắng mùa trong nắng, đôi mắt nâu sáng ngời ngác tìm quanh. Tôi sẽ đưa tay vẫy gọi nàng. Phương sẽ tung tăng chạy lên những bậc cấp, tiếng guốc khua dội con đường hẹp, vui như nhạc ngựa. Nàng sẽ đến trước mặt tôi với nụ cười và chiếc đầu không còn những cây kim găm tua tủa. Có thể nàng sẽ khẽ la lên như thường lệ: A, trông anh hiền in hệt con gà trống trời! Vâng, tôi chỉ mong thấy được hình ảnh dung dị, nhưng sáng ngời hạnh phúc đó.

MUỜNG MẮN

Tặng Lê Thạch Nhân

RÓT CHÉN

Đường sương rớt xuống dấu mòn
 Nghe cồn lau mọc bên cồn thu âm
 Hiền ngoài tiết diệu trăm năm
 Trời vang chiều cổ đêm năm dựa đêm
 Một bờ soi nguyệt một bên
 Rớt vào đáy chén rộng thênh đường nào.

NGUYỄN VIÊN CHÂN

MỠI KỶ GIỚI THIÊU MỘT TIẾNG THƠ MỠI

tạ hiền

Vì mới nhận được, sáu bài thơ ra mắt dưới đây của Tạ Hiền đã không được giới thiệu kịp cùng những tiếng thơ trẻ khác trong số đặc biệt Những Triền Vọng Mới. Thơ Tạ Hiền làm tôi nhớ lại những bài thơ đầu, tươi mát, rộng rãi của Nguyễn Sa, hồi Nguyễn Sa mới ở Pháp về. Những nhà thơ trẻ chưa phá vỡ được những giới hạn chật hẹp giam nhốt tiếng thơ mình không cho bay lên, hãy đọc kỹ Tạ Hiền. Và sẽ thấy Tạ Hiền như một thí dụ cụ thể cho điều tôi đã nói nhiều lần với các bạn : những người trẻ tuổi bắt đầu làm thơ nên bắt đầu ngay bằng thơ tự do. Nghĩa là một bắt đầu mạnh bạo, đường hoàng, ở ngoài mọi kiến trúc tiền chế.

M.T.

hãy quên đi những gì quên được

Hãy quên đi những gì quên được
Chu Vương Miện

Một trời mây khói
Trên đầu Paris
Với xe cộ ồn ào tấp nghẽn
Với những người bồi lãng xăng nhanh nhẹn
Trên hiên các quán café
Dọc Boulevard Saint Michel.
Một người con gái, hai người con gái đi qua
Một người con trai, hai người con trai dừng lại
Những cửa hiệu nhỏ
Hai bên bờ sông Seine.

Tin tức vô tuyến buổi chiều
 Mark Spitz vừa đoạt đủ bảy mẻ đay.
 Tuần qua hai trăm vụ tai nạn lưu thông.
 Cơn khủng hoảng kinh tế hoàn cầu
 Nixon gặp Willy Brandt
 Hoa khôi thế giới sẽ được bầu
 Tháng sau tại Athens.

Một trời u ám
 Trên đầu Scharrel
 Buổi trưa ở
 Bên kia con đường nhỏ
 Một mùa khác bắt đầu
 Khi một mùa vừa mới hết
 Em bước trên tấm thảm nhựa đường
 Với mắt đựng đầy cỏ vàng lấp lánh
 Đó là vào thuở
 Em là một vì sao
 Với nụ cười kin đáo
 Trung thành trên quỹ đạo.

Tôi không được hiểu
 Tại sao những cái nhìn của em
 Lại làm tôi say sòng
 Tại sao những mặt trời mọc
 Lại làm tôi chóng mặt
 Lý do tại sao
 Một cặp mắt
 Có thể một ngày hai lần thủy triều
 Lý do tại sao
 Quả đất quay chứ mặt trời không mọc
 Và làm sao tôi hiểu được
 Có những khi
 Tình yêu
 Một đôi lần cũng giống lời tổ cáo.

Đừng lo sợ
 Bao giờ cũng vẫn có
 Những tình nhân lý tưởng
 Cao, gầy với một bộ râu
 Rồi hàng ngàn cây số
 Và cả một huyền thoại
 Sắp gần chia chúng ta
 Tôi trở về
 Từ nơi kỷ niệm đến
 Đừng lo sợ những tình yêu thấp nển
 Hãy bắt đầu yêu những kẻ của ngày mai

Và quên đi quên đi
 Hãy quên đi
 Từng vầng trời mây khói và u ám
 Hạ, Thu, Scharrel và Quartier Latin
 Những quán café dọc Boulevard Saint Michel
 Những cái hôn em đã từng vị tha trao tặng
 Hãy quên đừng nhìn tôi một lần cuối
 Quên đừng cho tôi một nụ cười
 Quên vẫy một bàn tay và quên đi
 Hãy quên đi
 Quên đi những gì quên được.

tàn nhang

Những ngọn nến
 Chung quanh đôi mắt
 Bốc cháy trên khuôn mặt
 Là những mặt trời con
 Tro bụi
 Đang diễn hành vô trật tự
 Im lặng đòi quyền sống ấm cho một loài đom đóm

thủy lịch buổi sáng

Những ngón chân đang đưa guốc
 Những ngón chân đang đưa ta
 Những ngón chân tình tự
 Từng móng tròn hát ca

Trên đời này có hai người đáng kính
 Thủy Lịch và Đức mẹ Maria.

Jesus Christ ngửa ngáy sửa lại vòng hào quang
 Em ngay ngắn ngồi nói chuyện nhạc
 Beethoven, nhện Phi Châu và rượu vang
 Đàn con gái cười ngặt nghẽo nhìn Siddharta

Beethoven, nhện Phi Châu và rượu vang.

Thánh Phao Lồ đơn đã mời khách vào thiên đàng
 Đức Chúa trời chán mấy cái sương sừng cũ
 Ngọc Hoàng gần với một ngôi sao trên mũ
 Adam và Eve dành giết nhau nửa quả táo hoang.

Beethoven, nhện Phi Châu và Em.

Những ngón tay cẩu vào gỗ
 Những ngón tay cẩu vào Em
 Những giọt máu đổ xuống
 Từng tia nồn củi xin
 Trên đời này ta muốn hôn hai người
 Thủy Lịch, Buổi sáng và Buổi tối

Quả Đất lên cơn đói xiết lại vòng xích đạo
 Ta ngay ngắn ngồi nói chuyện tình yêu
 Loài người, tội lỗi và cơn mất của cơn bão
 Phán xét cuối cùng được dời lại ngày hôm sau

Loài người, tội lỗi và cơn bão của cơn bão.

- Ngày thứ sáu vũ trụ đòi quyền được tái tạo
Các thiên thần định công đi ngủ trưa
Đức Phật phản đối không về niết bàn nữa
Địa Đàng trở thành Khu Phế thải những vì sao.

Loài người, cơn bão của cơn bão, và Ta

buổi chiều lên chùa

Buổi chiều lên chùa không phải để tụng kinh
Ta khập khễnh giữa hai hàng cây vô danh
Cỏ bán nước trước cổng vẫn còn kén chọn
Đức Phật mãi chưa lọt được vào mắt xanh.

Buổi chiều lên chùa để ta nhìn đỡ em

.
Nghe em bấu mỗi dải chè đồ què vô duyên

Buổi chiều lên chùa gõ mõ bằng nạng gỗ
Quần lót đàn bà treo trước trại Nữ Quân Nhân
Sài Gòn chắc lúc này nhiều người đạo phở
Trực thẳng tải thương lão đảo về từ Tân Linh

Buổi chiều lên chùa tránh phái đoàn nữ sinh
Thôi các em hãy giữ lấy cây mùa xuân
Kẹo, kem đánh răng, xà bông và thương hại
Để ta lên chùa chiều tế một phần chân.

quán càfé trong quận mười tám ba lê

Tám giờ sáng
 Người bồi và cây chổi
 Quét những gì từ hôm qua
 Người đàn bà đứng tuổi
 Đang đọc tin thời sự
 6 cột : Cơn sốt nhiên liệu hoàn cầu
 Mầu croissant què quặt
 Lò cò trên chiếc đĩa trống.

Tám giờ mười lăm sáng
 Người đàn ông biến và ghi
 5, 3, 11
 5, 3, 15
 Những con ngựa về sau hoặc trước
 Những con ngựa không bao giờ về
 Trời phía ngoài lạnh 02 độ
 Màu đen nào đen bằng mùa đông.

Tám giờ ba mươi sáng
 Người ngoài đường vẫn còn lục đục
 Người ngoài đường vẫn còn tiếp tục
 Nối đuôi nhau xuống hầm métro
 Vào giờ này chắc em vừa dậy
 Đứng mỉm cười với mình trong gương
 Vào giờ này tôi vừa đứng dậy
 Cửa bước vào một ngày mà không hay

thị dâm

Ai nhìn phụ nữ mà ước ao phạm tội thì đã tá dâm trong lòng rồi
Matthieu

Buổi trưa chuông nhà thờ âm a
Ly la ve phù đủ sùi bọt hiện ngã
Người con gái co quắp một phần tư quần lót

Ta nhắm mắt cơn say lên đến óc
Ghế bần chồm tới đòi làm quen
Người con gái vẫn bở hang một góc

Buổi lễ dâng lên cặp đùi hồng mơn trớn
Em kiên cường biểu dương thịt da

Rồi

Các linh mục hiền hòa thiên cặn.

Những tín đồ đi nhà thờ ngoạn cảnh.

Cũng như em đang đưa phía trên đùi ra.

Tất cả sẽ không bao giờ hiểu,

Tác dụng của hơi men trên ta

Hay nỗi tuyệt vọng

Của những tình trùng

Chạy đua trong cõi tối

TẠ HIỀN



sinh hoạt văn nghệ

trùng dương viết truyện phim

Sáng 27-2, hãng phim Cosumam đã khởi quay một đoạn nhỏ của cuốn phim « Gió thoảng cuộc đời » do nhà nữ Trùng Dương viết cốt truyện.

Như vậy là sau các vai trò nhà văn, chủ nhiệm nhật báo Sóng Thần (đã bị rút giấy phép) giám đốc hãng phim Nghệ Thuật mà sinh hoạt đã ngưng đọng sau cuốn phim « Yêu », người đàn bà được coi là « gây nhiều sóng nổi nhất trong năm 74 » đã xoay qua lĩnh vực viết truyện phim.

Trước đây, vài tờ báo đã đề cập đến một truyện phim khác của bà, mang tên « Thương mãi ngàn năm ». Nhưng nay thì hãng Cosunam mới thực sự bắt đầu với phim « Gió thoảng cuộc đời ».

Hãng Cosunam dự trù 12 triệu để quay cuốn phim đen trắng 35 ly Scope. Các diễn viên gồm Nguyễn Tất Đạt, Bội Toàn, Hoa Mi và sự góp mặt đặc biệt của Năm Châu, Lê Quỳnh, Phạm Duy.

Trùng Dương sẽ có mặt trong suốt thời gian thực hiện cuốn phim với một vai trò tương đương như là phụ tá đạo diễn. Kiến thức bà lĩnh hội qua sách vở, trường Đại Học Điện Ảnh Minh Đức, nơi bà đang theo học và các kinh nghiệm của chính bà sẽ là một bổ túc quan trọng của cuốn phim. Đạo diễn Nguyễn Ngọc Liên nói với các ký giả, về Trùng Dương : « Đây là tác giả khó tính nhất mà tôi gặp từ khi tôi biết đi cho tới bây giờ ».

Đình Cường tại viện văn hóa pháp sàigòn

Phòng tranh Đình Cường đã mở cửa, từ 13 đến 23-3-1975 với 41 bức tranh sơn dầu cỡ 60x80. Đình Cường hiện là giáo sư trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế, một họa sĩ hoạt động hăng say và đều đặn từ hơn 10 năm nay.

Sau đây là một đoạn viết trong Catalogue của họa sĩ Võ Đình:
« ... Lối vẽ Đình Cường là lối vẽ phát bộc từ nhu cầu nội tâm, đáp ứng triển miển với những cần rứt, xô đẩy, vuốt ve, yêu triu của cuộc sống. Đình Cường sống thành khẩn và vẽ như sống. Hình thể trong tranh anh không phải là trò chơi kiến trúc, là phép mà bố cục, là ảo thuật tạo hình. Tranh của anh có những đường nét « lững thững như gần như xa », những vật màu chen lẫn nhau, xa rời nhau, hòa mình với nhau và đây đó là những vùng cô tịch để dừng lại, lấy sức hô hấp, nghỉ ngơi. Ở những tranh tôi nghĩ là thành công nhất của Đình Cường tôi thấy anh đã giải tỏa gần được vòng vây của Trường Phái Ba Lê, một trường phái đã cực kỳ băng hoại nhưng đang còn ám ảnh nặng nề một số đông họa sĩ Việt Nam hiện nay. Là người Việt Nam trước bối cảnh toàn diện Việt Nam, với tấm lòng và mối tình Việt Nam, Đình Cường đang kiên nhẫn cấu tạo một lối vẽ, đúng hơn, một lối nhìn của riêng mình. Anh không thắc mắc về cái câu chuyện lãng mạn và tả chân, triu tượng và siêu thực cũ mèm. Sau Trường Phái Nữu Ước, sau Op, Pop, v.v. và hôm nay sau Siêu Tả Chân, đừng ai nói đến chuyện cấu tạo hình thể tân kỳ. Hội họa thế giới đã bước đến thời đại phi hội họa. Ngày nay, ai còn cầm bút mà vẽ lên một mảnh không gian hai chiều, người đó phải thú nhận là mình đang còn thao thức « tâm sự ». Đình Cường đã vẽ được cái cây mà không phải cái cây, không vẽ cái cây mà lại thành cái cây. Thế là đủ. » Võ Đình

nhà báo trương tử phòng thuyết trình về báo chí

Hơn 300 thỉnh giả thuộc nhiều thành phần như thẩm phán, luật sư, ký giả, viên chức ngoại giao, sinh viên v.v... ngồi và đứng, đã

nghe và thảo luận trong 50 phút với nhà báo Trương Tử Phòng, tức luật sư Phạm Kim Vinh, về đề tài « Mọi vấn đề báo chí tại Đông Nam Á », tại thỉnh đường Hội Việt Mỹ tối 26-2-75.

Xử dụng ngôn ngữ một cách phóng khoáng, diễn giả đã giữ được cử tọa của ông suốt 50 phút và gây nên những trận cười dù vấn đề thuyết trình là một đề tài nhưc nhối.

Theo ký giả Trương Tử Phòng, quan điểm của các chính quyền Đông Nam Á đã sai lầm tự căn bản, khi chủ trương thắt chặt báo chí và các quyền khác để Cộng Sản không lợi dụng được. Khi báo chí chờ đợi sự đổi thay hoặc sự giải thích của chính quyền thì lại chỉ nhận được sự đàn áp và tù đầy.

Tiếp đó diễn giả đã đề cập tới 3 vai trò mà báo chí Đông Nam Á đang đảm nhận : thông tin, điều tra và tranh đấu cho cải tiến thân phận con người.

Có những bài viết thường xuyên trên nhật báo Chính Luận, ký giả Trương Tử Phòng được coi như nhà báo có một kiến thức vững vàng, và xâu rỗng về những vấn đề hàng đầu của thế giới hiện đại. Với cuộc thuyết trình vừa qua tại nhà Hội Việt Mỹ ông còn là một diễn giả hùng biện và rất có duyên.

Trị giá một cuốn hồi ký

Con cáo già đáng yêu của bán đảo Sinai, tướng độc nhãn Do Thái Moshe Dayan, đang viết hồi ký cho nhà xuất bản Weidenfeld and Nicolson ở Luân Đôn.

Khi tin trên lọt ra, độc giả trên khắp thế giới, nhất là khối Ả Rập, đã liên miên hối thúc nhà xuất bản sớm cho ra đời cuốn sách này. Họ nôn nóng muốn biết rõ thêm yếu tố chiến thắng của Do Thái trong cuộc chiến 6 ngày tại Trung Đông hồi tháng 6-1967 mà Dayan đóng vai quyết định, cũng như sự thất bại chưa chat của Do Thái trong cuộc chiến tháng 10-1974 mới đây, mà ông là Bộ trưởng Quốc phòng.

Dayan, một cựu ký giả, đã nhận trước của nhà xuất bản 450 ngàn đô la (315 triệu tiền Việt Nam) để hoàn tất cuốn hồi ký. Dù sắp tròn 60 tuổi, người hùng từng làm rung động nhiều trái

tìm phụ nữ thế giới đang phải làm việc ngày đêm dưới áp lực đòi hỏi của độc giả và nhà xuất bản.

Với giọng đùa cợt đầy sắc khoát, tướng Dayan nói về món tiền vĩ đại trên như sau :

— Nhiều lắm thật đó. Nhưng tôi đâu có được hưởng cả một mình. Rabinowitz (Bộ trưởng Tài chính Do Thái) đã đánh thuế hết 85% rồi còn gì. Tôi tự hỏi tại sao khi cuốn sách được in ra không đề cả tên Rabinowitz như đồng tác giả, vì ông ta cũng lãnh tiền, mà lại lãnh gần hết là đằng khác.

trò chơi mồi của các tay nhiếp ảnh

Ba nhiếp ảnh gia Mỹ vừa cho xuất bản ba cuốn sách in toàn hình ảnh không giống ai, một cách rất Mỹ. Joan Loss với cuốn « Cái gì đây ? ». Bác sĩ Lewis Wolberg với cuốn « Xoáy vô » và Bác sĩ Richard Van Gelder với tác phẩm « Mũi ai đây ? », đưa ra một loạt hình ảnh vật dụng quen thuộc và một phần thân thể của những con vật quen thuộc nhưng dù nhìn kỹ cách mấy cũng khó đoán nổi vì tất cả đều được chụp qua kính hiển vi cực mạnh.

Đầu mấy sợi ni-lông trên bàn chải răng, một phần cái nút áo, một khúc giấy giấy, cái lưỡi của con lươn, tinh thể của viên sinh tố C... và một lỗ mũi mèo, cá, chó, rắn v.v... thực quá đến trở thành siêu thực, và đẹp một cách man rợ.

Một nhiếp ảnh gia quốc tế, lớn tuổi và đã thành danh, chỉ đoán trúng được bốn tấm hình trong số hai mươi tám ông đã coi đi coi lại cả mấy tiếng đồng hồ.

Liên hiệp quốc và sách của alexander solzenitsyn

Tiểu thuyết gia Mỹ, Shirley Hazzard vừa tố cáo tổ chức Liên Hiệp Quốc đã bị Nga Xô làm áp lực và phải dẹp hết các tác phẩm của nhà văn Xô Viết Soljenitsyn khỏi các quầy bán sách tại các cơ sở của LHQ.

Câu chuyện bắt đầu từ mùa đông 1973, khi cuốn Quần Đảo Gulag ra mắt thế giới Tây phương lần đầu tiên bằng ấn bản Nga

ngữ tại Paris. Tác phẩm này chỉ xuất hiện ít ngày tại các cơ sở LHQ, sau đó bị dẹp cuối cùng với tất cả tác phẩm khác của Solgenitsyn. Ấn bản Anh và Pháp ngữ của cuốn Quần đảo Gulag ra mắt ít tháng sau không hề được bày bán tại các cơ sở của Liên Hiệp Quốc vì áp lực Nga.

Hajjard, một nhân vật kỳ cựu của tổ chức LHQ, cho biết ông TTK Văn Bát Quốc Tế đã từng gửi thư phản kháng vụ này lên TTKLNQ Kurt Waldheim. Ngoài ra, 250 nhân viên phục vụ tại LHQ ở Genève cũng đã cực lực lên án thái độ và hành động của cơ quan LHQ, coi việc thuyết phục trước áp lực của một quốc gia hội viên, ngăn chặn sự phổ biến tư tưởng, như một vi phạm Hiến chương LHQ và bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền.

duyên anh, hoài bắc, mai thảo ra đà năng

Đề đánh dấu cho ngày kỷ niệm húy nhật chí sỹ Phan Chu Trinh, ban giám đốc trường trung học Phan Chu Trinh, Đà Nẵng, đã gửi văn thư chính thức mời một số nhà văn và nghệ sỹ thủ đô ra nói chuyện văn chương và trình bày âm nhạc. Đại Hội Đà Nẵng kéo dài trong hai ngày 23 và 24-3-1975. Thư mời đã đến tay các nhà văn Duyên Anh, Lê Hảng, Mai Thảo, nhạc sỹ Hoài Bắc của ban hợp ca Thăng Long cùng một vài nghệ sỹ trình diễn khác. Nếu không có gì trở ngại yá thay đổi trong chương trình, nhóm văn nghệ thủ đô sẽ rời Sài Gòn buổi sáng ngày 23 và dự tính ở lại Đà Nẵng và mấy tỉnh miền Trung một tuần lễ. Mọi chi tiết về chuyến đi này sẽ được tường thuật trong « Sinh Hoạt Văn Nghệ » Văn kỳ tới.

đêm nhạc thính phòng cần thơ

Đêm 1-3-1975 tại căn lạc bộ, khu Đại Học 2 Cái Khế. Trước một số đồng thân hữu và sinh viên thuộc các phân khoa Đại Học Cần Thơ, trong một chương trình nhạc thính phòng, với chủ đề « hát gửi tặng những mảnh tình rơi, lắng đọng từ những tình khúc còn đậm nét », Phương Hồng, Thân Trọng Phúc, Cao Quốc Thành đã trình bày 25 tình khúc của Hoàng Giác, Hoàng Quý, Phạm Duy,

Phạm Đình Chương, Cung Tiến, Trịnh Công Sơn, Thanh Trang và đã thu gặt được rất nhiều kết quả tốt đẹp.

Theo Kim Oanh, trong nhóm thực hiện chương trình cho biết, đây là đêm đầu tiên được tổ chức trong khuôn viên, nhằm khơi động những sinh hoạt văn học nghệ thuật cho năm 1975 trong các phân khoa thuộc Đại Học Cần Thơ.

Điều đáng ghi nhận, trong hoàn cảnh khó khăn nhưng với tất cả thiện chí, nhiệt thành của tuổi trẻ, nhóm thực hiện chương trình đã đóng góp tài chính để thanh toán mọi phí khoản tổ chức nhận được lãnh học bổng.

hai đêm thơ đầu năm

Đêm 1 : ngày 19-2-75. Địa điểm là quán cà phê Thăng Cuội ở Cần Thơ và thơ được trình bày là thơ Phan Lạc Giang Đông nhân dịp nhà thơ quân đội này ghé qua thành phố « trái tim » của đồng bằng Cửu Long. Do nhóm Con Đường là Chu Tấn, Lê Triều Điền, Bùi Đức Long tổ chức, đêm thơ Phan Lạc Giang Đông đã thu hút được một số khá đông những người trẻ tuổi yêu thơ tại Cần Thơ.

Đêm 2 : ngày 1-3-75. Tại hội quán Sao Đêm, Phước Tuy. V ới tập thơ Dể Thương Như Gã Thất Tinh của Thượng Thuật, dự định cuối năm nay xuất bản. Do Phạm Băng Hồ và họa sỹ Minh Tuấn tổ chức, đêm thơ Thượng Thuật có những màn giao duyên thơ nhạc hào hứng với nhiều giọng ngâm và tiếng hát tươi trẻ của tỉnh Phước Tuy.

Với hai đêm thơ Phan Lạc Giang Đông và Thượng Thuật, chúng ta thấy rằng, sang năm 1975, thơ đã trở thành sinh hoạt hàng đêm của các địa phương văn nghệ. □

Thắng . Hạ Nhiều . Hạ Nhiên . Trần Nhiều Đạo . Ngô Tấn Thủy Tiên .
 Mitin . Từ Thiên Mai . Lê Bá Lục . Văn Long . Hồ Công Sâm . Đ.T.N. .
 Đào Các Đàm . Hiền Thị Họa My . Phan Trọng Lưu . Nguyễn Thị Kim
 Hoa . Yên Bình . Văn Tấn Hùng . Phan Văn Quang . Hàn Nhân . Trần
 Quang Huy . Nguyễn Tường Anh . Nguyễn Khắc Doãn . Võ Công Tác .
 Đinh Quang C.H. . Nguyễn Mạnh Hùng . Hoài Mộng Phương . Trần Sơn
 Bạt . Vương Tử . Hoài Viễn Phương . Lê Nhược Như . Phạm Văn
 Quang . Đồng Chính . Nguyễn Thiện Nhung . Lê Hải . Hàn Tâm Đơn .
 Trần Lăng Chiến Quốc . Trần Tường Dung . Yên Phương Thành . D.
 M. T. K. . Bùi Hữu Miên . Bùi Kinh Thượng . Yên Phương Thành .
 Đào Các Đàm . Trần Nguyễn Trí . Lưu Dạ Thi . Cao Vi Diễm . Dạ
 Nhân . Ng. Hoang Tim . Phạm Nguyễn Thu Tâm . Cao Đông Khánh .
 Hàn Thanh Tú .

văn

Nguyễn Thị Ngọc Nhiên . Nguyễn Hải Cận . Võ Nhã : Ngự Đan Hà .
 Nguyễn Hoài Sơn . Trần Thế Gian . Trần Bảo Văn : Quyên Ca . Phan
 Nhật Thiên Ân . Hoài Vọng . Trần Thị Thành . Đinh Giang . Đinh
 Quang Chiêu . Mai Linh . Võ Công Tác . Nguyễn Thái Dương . Ng. Th.
 Du . Đường Hoa .

Đã phát hành

THEO GIÓ

truyện dài của Lê Hằng
 Tổng Hợp Gió xuất bản

NHÀ XUẤT BẢN NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG
• 38 Phạm Ngũ Lão Sài Gòn

chỉ còn một số rất ít

HÔN LỄ, Hoàng Ngọc Tuấn • ANH CHỈ YÊU
DẤU, Đinh Tiến Luyện • MỘ KHÚC, Nguyễn
Đình Toàn • GẦN MƯƠI BẢY TUỔI, Mai Thảo
• BÀI CA QUẦN ĐẢO, Bùi Giáng • TUỔI
HỒNG VÕ CÁNH, Nhã Ca • TRANG NHẬT
KÝ CỦA QUỲNH, Đinh Tiến Luyện • KÊ TÀ
ĐẠO, Nguyễn Xuân Hoàng • THƠ SAY, Vũ
Hoàng Chương • BONG MA NHA MỆ HOÁT,
Vũ Bằng.



Giấy phép số 315/75/BDVCH/PHBCNT/ALP/GP.
Saigon ngày 13-3-75 Phát hành ngày 26-3-1975.
Số lượng in 6.000 cuốn